THERAVADĀ

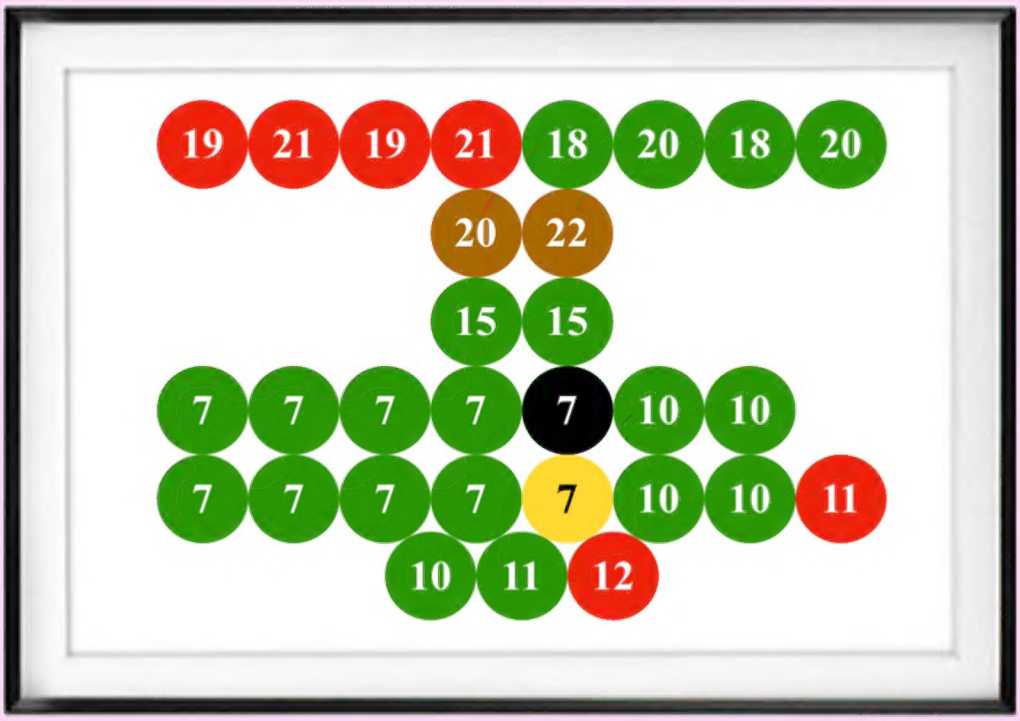

GIÁO TRÌNH

VI DIỆU PHÁP

SƠ ĐẲNG TẬP V

Hòa thượng Tiến sĩ Bửu Chánh biên soạn
Nguyên Như biên tập

Lời nói đầu,

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

Con xin hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahan cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.

Những loài hữu tình được sanh ra trong ba cõi với thiên hình vạn trạng, khác nhau hết thảy về mọi mặt từ thân, khẩu cho đến ý. Trong thế gian, việc thuận lòng thì ít mà việc bất toại nguyện thì lại quá nhiều. Người thành công thì chẳng được bao nhiêu, mà người bất đắc chí thì hằng hà sa số. Vì sao sự thành công, thất bại, danh thơm, tiếng xấu, khen ngợi, chê bai, hạnh phúc và khổ đau của mỗi con người khác nhau? Làm sao chúng ta có thể thoát ra được cảnh trầm luân sanh tử?

Để lý giải những vấn đề trên, chúng ta không thể bỏ qua môn học Vi Diệu Pháp, một trong ba tạng thánh điển mà Đức Thế Tôn đã truyền lại cho hàng hậu bối chúng ta. Môn học nầy hết sức uyên thâm và khó hiểu, cho nên rất nhiều người đã bỏ cuộc.

Hoà Thượng Tiến Sĩ Bửu Chánh sau chuyến đi hoằng pháp tại Hoa Kỳ mùa đông năm 2019. Ngài đã về lại Việt Nam và tập trung giảng dạy liên tục nhiều tháng liền tại Thiền Viện Phước

Sơn trong mùa COVID, và quyển **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này do nhân duyên đó đã ra đời.

Hiểu được tạng Vi Diệu Pháp thì những kiến thức nhân sinh quan của chư vị sẽ được thay đổi rất nhiều. Quý vị sẽ không thấy Đạo Phật là một tôn giáo nữa mà thật ra đó là một khoa học tân tiến nhất của loài người. Sử dụng được những kiến thức Vi Diệu Pháp sẽ giúp đỡ cho quý vị rất nhiều trong pháp hành thiền Tứ Niệm Xứ. Có thể nói một cách khiêm tốn, quý vị đang từng bước đi trên con đường Bát Thánh Đạo.

Chúng con kính dâng món pháp bảo này đến Sư Phụ Bửu Chánh, đến Chư Tăng và Giáo hội Tăng Già cao quý.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023 Virginia

Lời tri ân,

Chúng con thành kính tri ân Sư Phụ Bửu Chánh - Người đã biên soạn bài giảng trong bộ **GIÁO TRÌNH VI DIỆU PHÁP SƠ ĐẲNG** này,

Chúng con thành kính tri ân cô Tu nữ An Nhiên và quý cô Tu nữ đã gửi bài đánh máy đến chúng con. Chúng con kính tri ân Tina Nguyễn đã phụ với chúng con dò lại từng chi pháp và lỗi chính tả cũng như quý bạn đạo đã hết lòng ủng hộ tinh thần cũng như khuyến khích và nâng đỡ chúng con trong quá trình hoàn thành bộ sách.

Chúng con mong rằng sự đóng góp nhỏ bé này có thể giúp cho những vị có lòng muốn nghiên cứu về Tạng Luận có thể đến gần hơn với môn học Vi Diệu Pháp uyên thâm của Bậc Chánh Đẳng Giác.

Nguyên Như kính bút
Tháng Sáu 2023, Virginia

Hồi hướng,

Idaṃ me puññaṃ āsavakkhayā'vahaṃ hotu.

Phước lành này của chúng con, nguyện đoạn trừ các lậu hoặc, trầm luân.

Idaṃ me puññaṃ nibbānassa paccayo hotu.
Phước lành này của chúng con, nguyện là duyên thành tựu được Niết bàn.

Mama puññabhāgaṃ sabbasattānaṃ bhājemi.

Phần phước của chúng con, xin chia đều đến tất cả sanh linh.

Te sabbe me samaṃ puññabhāgaṃ labhantu.

Mong tất cả hãy thọ nhận phần phước ấy được đồng đều nhau cả thảy.

Những việc thiện lành do chúng con làm nơi đây tuy kẻ nhiều người ít, kẻ trước người sau, song về phần phước thiện thanh cao, tất cả chúng con nói chung, mỗi người

trong chúng con nói riêng phước thiện đồng đều nhau cả thảy.

Sadhu! Sadhu! Sadhu!

SÁCH THAM KHẢO

* Bản Giải Siêu Lý Tiểu Học - Ngài Hoà Thượng Tịnh Sự

* Vi Diệu Pháp Nhập Môn - Ngài Hoà Thượng Giác Chánh

* Triết Học A Tỳ Đàm - Sư Giác Nguyên

* A manual of Abhidhamma (Abhidhamma Sangaha) - Narada Maha Thera

* A Comprehensive Manual of Abhidhamma - Bhikkhu Bodhi

ABHIDHAMMA

CITTA - TÂM VƯƠNG

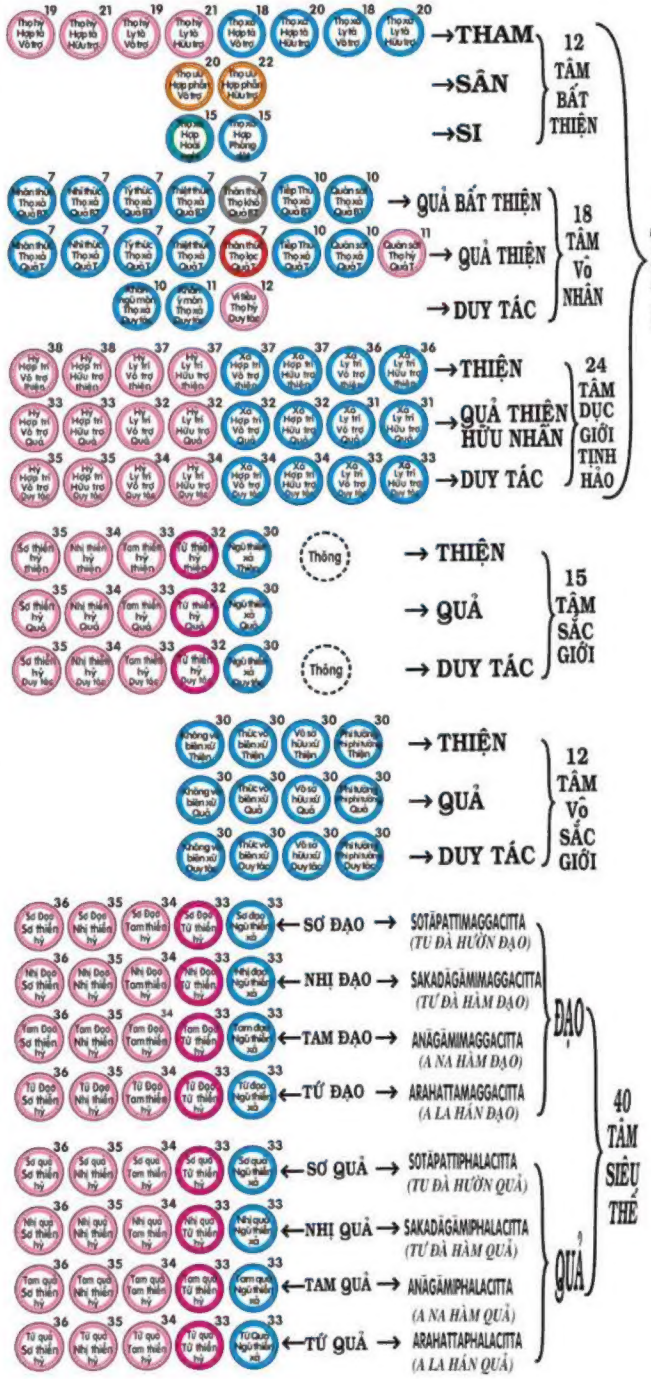

CETASIKA-TÂM SỞ

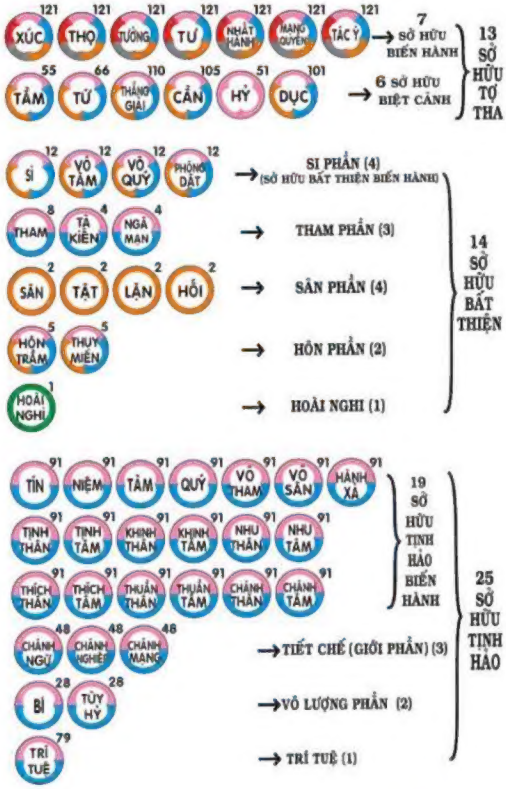

RŪPA SẮC = 28 {12 SẮC THÔ + 16 SẮC TẾ}

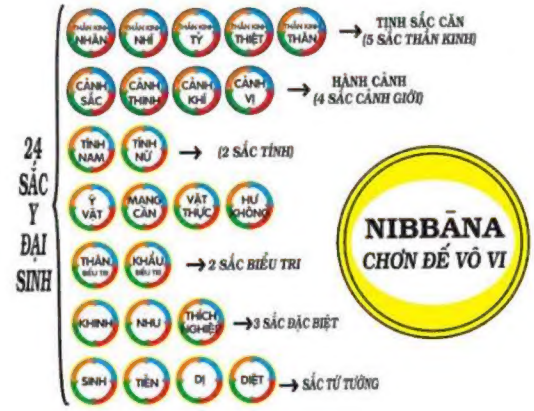

NĀMAPAÑÑATTI - DANH CHẾ ĐỊNH

ATTHAPAÑÑATTI - NGHĨA CHẾ ĐỊNH

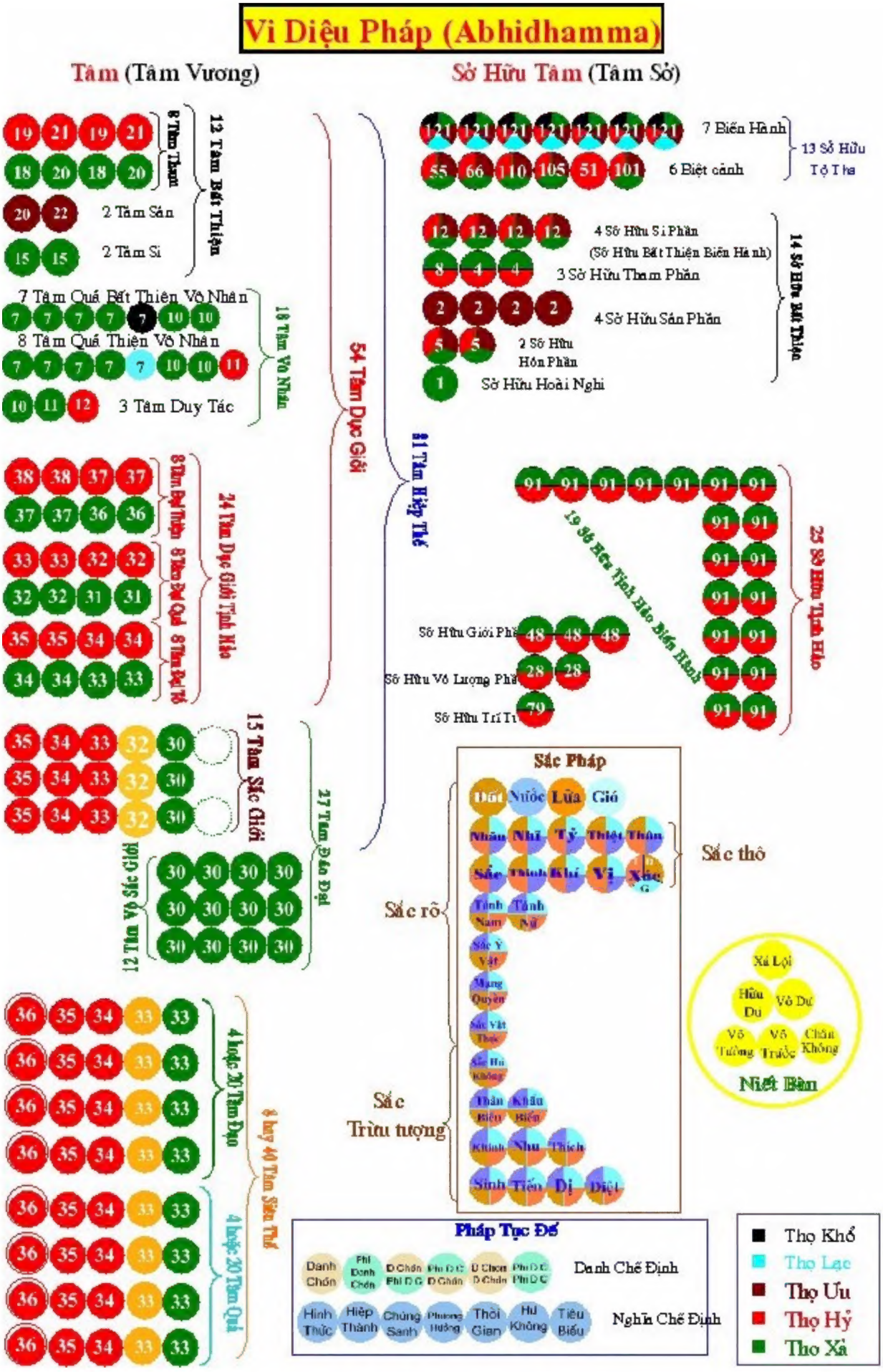
Vi Diệu Pháp (Abhidhamma)
Tâm (Tâm Vương)
Sở Hữu Tâm (Tâm Sở)
12 Tâm Bất Thiện
8 Tâm Tham
2 Tâm Sân
2 Tâm Si
7 Tâm Quả Bất Thiện Vô Nhân
8 Tâm Quả Thiện Vô Nhân
3 Tâm Duy Tác
18 Tâm Vô Nhân
54 Tâm Dục Giới
8 Tâm Đại Thiện
8 Tâm Đại Quả
8 Tâm Đại Tố
24 Tâm Dục Giới Tịnh Hảo
15 Tâm Sắc Giới
12 Tâm Vô Sắc Giới
27 Tâm Đáo Đại
4 hoặc 20 Tâm Đạo
4 hoặc 20 Tâm Quả
8 hay 40 Tâm Siêu Thế
11 Tâm Hiệp Thế
7 Biến Hành
6 Biệt cảnh
13 Sở Hữu Tợ Tha
4 Sở Hữu Si Phần
(Sở Hữu Bất Thiện Biến Hành)
3 Sở Hữu Tham Phần
4 Sở Hữu Sân Phần
2 Sở Hữu Hôn Phần
Sở Hữu Hoài Nghi
14 Sở Hữu Bất Thiện
19 Sở Biến Tịnh Hảo Biến Hành
Sở Hữu Giới Phần
Sở Hữu Vô Lượng Phần
Sở Hữu Trí Tuệ
25 Sở Hữu Tịnh Hảo
Sắc Pháp
Đất
Nước
Lửa
Gió
Nhãn
Nhĩ
Tỷ
Thiệt
Thân
Sắc
Thinh
Khí
Vị
Xúc
Tính Nam
Tính Nữ
Sắc Ý Vật
Mạng Quyền
Sắc Vật Thực
Sắc Hư Không
Thân Biểu
Khẩu Biểu
Khinh
Nhu
Thích
Sinh
Tiến
Dị
Diệt
Sắc thô
Sắc rõ
Sắc Trừu tượng
Xá Lợi
Hữu Dư
Vô Dư
Vô Tướng
Vô Tướng
Chân Không
Niết Bàn
Pháp Tục Đế
Danh Chế Định
Nghĩa Chế Định
Hình Thức
Hiệp Thành
Chúng Sanh
Phương Hướng
Thời Gian
Hư Không
Tiêu Biểu
Thọ Khổ
Thọ Lạc
Thọ Ưu
Thọ Hỷ
Thọ Xả

ABHIDHAMMA

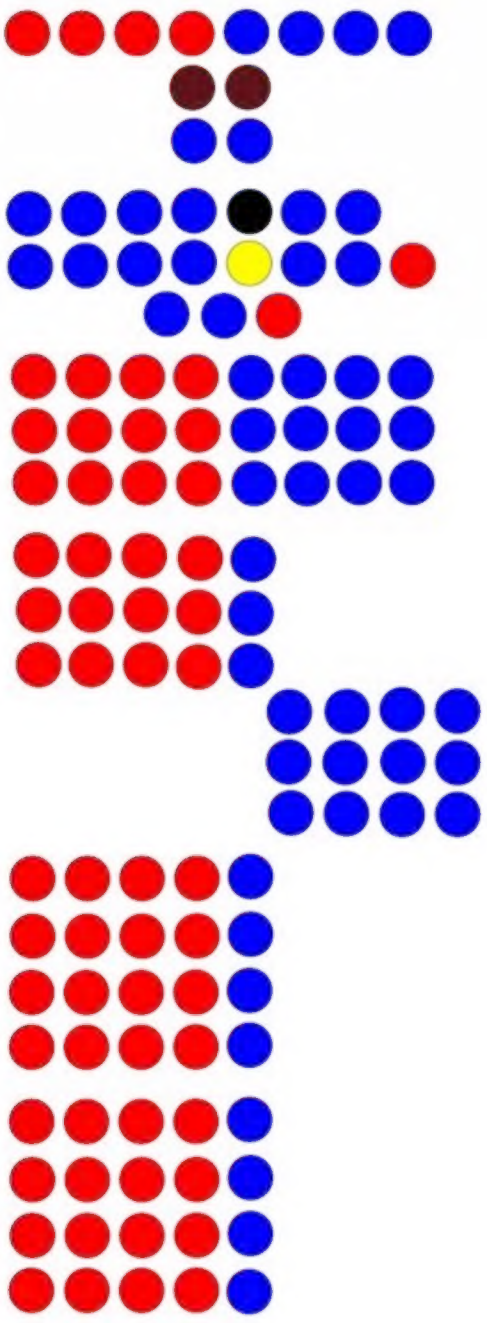

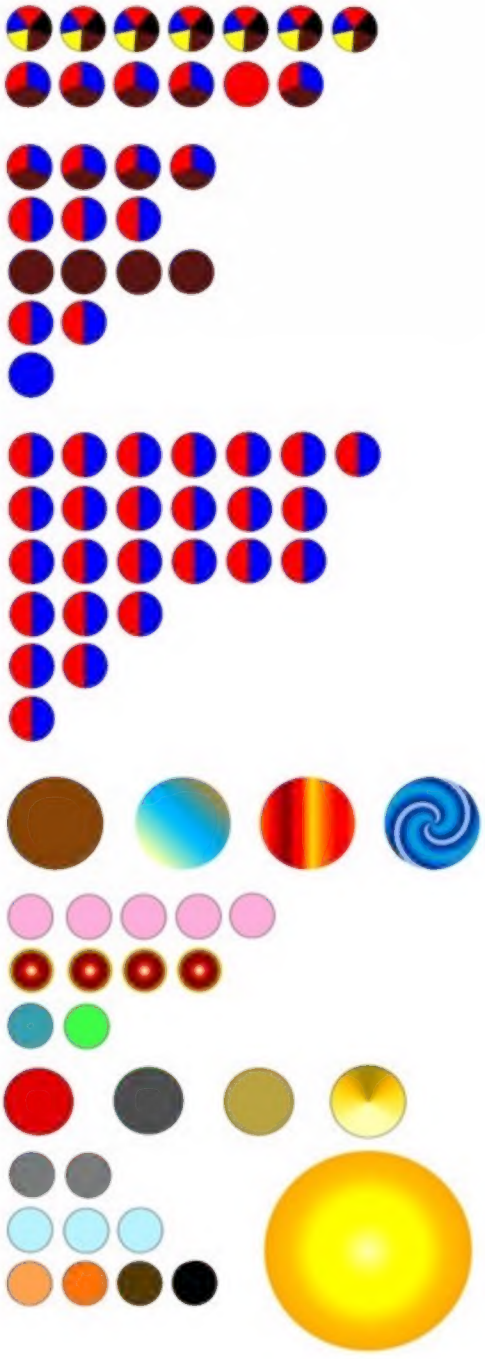

Created by: Bhikkhu Tịnh Sự

Computer Design by: Jean Dan 04/04/2000

CHƯƠNG I
(BÀI 47)

LỘ TRÌNH TÂM

I. Định nghĩa:

Lộ trình tâm là đường lối sanh diệt của tâm ngang qua các căn môn. Tùy theo những trường hợp sanh khởi nên có lộ trình tâm dài, ngắn, lớn, nhỏ khác nhau.

Nói cách khác lộ trình tâm là nói đến tiến trình sanh khởi, diễn biến của tư tưởng.

Lô trình tâm được chia làm 2: lộ ngũ môn và lộ ý môn.

1. **Lộ ngũ môn** có 2: lộ ngũ môn bình nhật và lộ ngũ môn cận tử.

   a. Lộ ngũ môn bình nhật được chia làm 4:
      - Lô ngũ môn cảnh rất lớn
      - Lộ ngũ môn cảnh lớn
      - Lộ ngũ môn cảnh nhỏ
      - Lộ ngũ môn cảnh rất nhỏ

   b. Lộ ngũ môn cận tử được chia làm 2:

- Lộ ngũ môn cận tử chót mót (thập di)
- Lộ ngũ môn cận tử chót đổng lực (thực)

2. **Lộ ý môn** có 2: lộ ý môn thông thường và lộ ý môn đặt biệt

a. Lộ ý môn thông thường được chia làm 2: lộ ý môn bình nhật và lộ ý môn cận tử.

- Lộ ý môn bình nhật được chia làm 4:
  - Lộ ý môn bình nhật cảnh rất rõ
  - Lộ ý môn bình nhật cảnh rõ
  - Lộ ý môn bình nhật cảnh không rõ
  - Lộ ý môn bình nhật cảnh rất không rõ

- Lộ ý môn cận tử được chia làm 2:
  - Lộ ý môn cận tử còn tục sinh
  - Lộ ý môn cận tử niết bàn (không còn tục sinh)

b. Lộ ý môn đặt biệt được chia làm các lộ tâm như sau
- Lộ đắc thiền
- Lộ đắc đạo

- Lô nhập thiền
- Lộ hiện thông
- Lộ nhập thiền quả
- Lộ nhập thiền diệt
- Lộ niết bàn liên thiền
- Lộ phản khán chi thiền

I. LỘ NGŨ MÔN

1. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT LỚN

■ Ghi chú:

H: hộ kiếp
V: hộ kiếp vừa qua
R: hộ kiếp rúng động
D: hộ kiếp dứt dòng
K: khán ngũ môn
5: ngũ song thức

T: tiếp thâu
Q: quan sát
P: Phân đoán (khán ý môn)
C: thực (đổng lực/đổng tốc)
M: mót (thập di)

- Lộ trình tâm này có 7 chặng:
  - Chặng 1: K (khán ngũ môn): 1 cái, 1 thứ (khán ngũ môn)
  - Chặng 2: 5 (ngũ song thức): 1 cái, 10 thứ (ngũ song thức)
  - Chặng 3: T (tiếp thâu): 1 cái, 2 thứ (2 tâm tiếp thâu)
  - Chặng 4: Q (quan sát): 1 cái, 3 thứ (3 tâm quan sát thọ xả và hỷ).
  - Chặng 5: P (phân đoán): 1 cái, 1 thứ (khán ý môn)
  - Chặng 6: C (thực/đổng lực/đổng tốc): 7 cái, 29 thứ đổng lực dục giới (12 bất thiện, ứng cúng vi tiếu, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH)
  - Chặng 7: M (mót/thập di): 2 cái, 11 thứ (8 tâm quả DGTH, 3 tâm quan sát)

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng

    - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
    - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới
    - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, xúc sanh, atula)
    - 1 cõi người
    - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

2. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH LỚN

Lộ ngũ môn bình nhật cảnh lớn là dòng tâm thức được diễn tiến có đầy đủ 7 sát na tâm thực (đồng lực) nhưng chỉ khác là khởi đầu lộ trình tâm này

có tới 2 hoặc 3 hộ kiếp vừa qua và phần cuối lộ trình tâm này không có tâm mót (thập di).

- Lộ trình tâm này có 16 cái (trừ 2 hộ kiếp vì là hộ kiếp cảnh chưa tới nên không tính) gồm 6 chặng:
    - Chặng 1: K (khán ngũ môn)
    - Chặng 2: 5 (ngũ song thức)
    - Chặng 3: T (tiếp thâu)
    - Chặng 4: Q (quan sát)
    - Chặng 5: P (phân đoán)
    - Chặng 6: C (thực/đổng lực/đổng tốc)
- **12 hạng người**: có trong 8 hạng
    - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
    - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới
  - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, xúc sanh, atula)
  - 1 cõi người
  - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại).

3. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH NHỎ

Là dòng tâm thức chỉ khởi lên đến sát na phân đoán rồi chuyển qua hộ kiếp chứ không có tâm thực (đổng lực). Những lộ trình tâm này không có khả năng tạo nghiệp vì không được rõ ràng nên tâm thực (đổng lực) không thể sanh khởi.

- Lộ trình tâm này có 5 chặng:
  - Chặng 1: K (khán ngũ môn)
  - Chặng 2: 5 (ngũ song thức)
  - Chặng 3: T (tiếp thâu)
  - Chặng 4: Q (quan sát)
  - Chặng 5: P (phân đoán)

- **12 hạng gười:** có trong 8 hạng
  - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
  - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi**: có trong 26 cõi ngũ uẩn.

  - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, atula)
  - 1 cõi người
  - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)
  - 15 cõi sắc giới (trừ cõi vô tưởng)

4. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT NHỎ

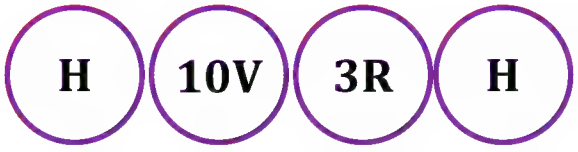

Là dòng tâm thức diễn tiến của tâm thức hoàn toàn là tâm chủ quan (tâm hộ kiếp) chứ không có

tâm khách quan (những loại tâm khác ngoài tâm hộ kiếp)

5. LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ

Là dòng tâm thức diễn tiến qua 5 môn của lộ tâm cuối cùng của một đời sống chúng sanh phàm phu và 3 quả hữu học.

- Trong lộ ngũ môn cận tử này có 45 thứ tâm dục giới (trừ 8 tâm duy tác DGTH và tâm ứng cúng vi tiếu)

- **12 hạng người:** có trong 7 hạng
  - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
  - 3 người quả hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới.

- 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, xúc sanh, atula)
- 1 cõi người
- 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

II. LỘ Ý MÔN

A. LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG

1. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT RÕ

Là dòng tâm thức diễn tiến tự nội tâm bắt cảnh pháp, không do đối tượng bên ngoài. Cảnh hiện bày đến lộ ý có cả chơn đế và tục
đế thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai và ngoại thời.

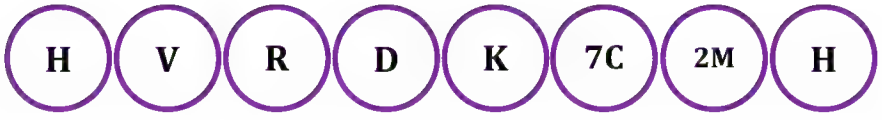

■ Ghi chú:

H: hộ kiếp
V: hộ kiếp vừa qua
R: hộ kiếp rúng động
D: hộ kiếp dứt dòng
K: khán ý môn
C: thực (đổng lực/đổng tốc)
M: mót (thập di)

- Lộ trình tâm này có 3 chặng:

  - Chặng 1: K (khán ý môn)
  - Chặng 2: C (thực/đổng lực/đổng tốc/ tâm tạo nghiệp)
  - Chặng 3: M (mót/thập di)

- Lộ trình tâm này có:

  - 1 tâm khán ý môn
  - 29 tâm thực (đổng lực/ đổng tốc) dục giới (12 tâm bất thiện, 1 tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ, 8 tâm thiện DGTH, 8

tâm duy tác DGTH). 29 tâm này nằm ở chặng thứ 2

- 11 tâm làm việc mót (thập di) gồm 8 tâm thiện DGTH và 3 tâm quan sát.

- **12 hạng người:** có trong 8 hạng:

  - 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân)
  - 4 người quả siêu thế (sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả)

- **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới.

  - 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, xúc sanh, atula)
  - 1 cõi người
  - 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

2. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RÕ

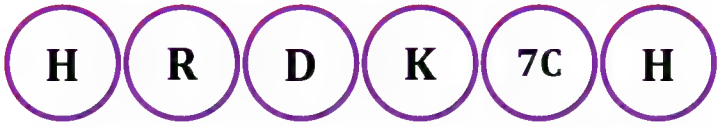

3. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH KHÔNG RÕ

4. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT KHÔNG RÕ

5. LỘ Ý MÔN CẬN TỬ CÒN TỤC SINH

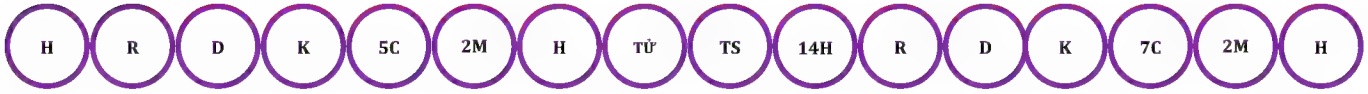

- Lộ trình tâm này có: 8 thứ, 32 thứ, 3 chặng, 7 người, 11 cõi

    - 8 cái là: 1 khán ý môn, 5 sát na tâm thực, 2 sát na tâm mót
    - 32 thứ: 1 tâm khán ý môn, 12 tâm bất thiện, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm quả DGTH, 3 tâm quan sát.
    - 3 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đồng lực), chặng mót (thập di)
    - **12 hạng người:** có trong 7 hạng: 4 người phàm (khổ, lạc vô nhân, nhị nhân, tam nhân), 3 người quả hữu học (sơ quả, nhị quả, tam quả)
    - **31 cõi:** có trong 11 cõi dục giới: 4 cõi khổ (địa ngục, ngạ quỷ, xúc sanh, atula), 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới (tứ đại thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hoá lạc thiên, tha hóa tự tại)

6. LỘ Ý MÔN NIẾT BÀN (KHÔNG CÒN TÁI SANH)

H R D K 5C 2M H NB

Lộ này có 8 cái, 21 thứ, 3 chặng, 1 người, 7 cõi

- 8 cái: 1 khán ý môn, 5 sát na tâm thực (đổng lực/đổng tốc), 2 sát na mót
- 21 thức tâm: 1 tâm khán ý môn, 1 ứng cúng vi tiếu, 8 tâm duy tác DGTH, 3 tâm quan sát, 8 tâm quả dục giới hữu nhân.
- 3 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đổng lực/đổng tốc), chặng mót.
- **12 hạng người:** 1 hạng người tứ quả (Alahan quả)
- **31 cõi:** 7 cõi vui dục giới (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới)

B. LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT

1. LỘ ĐẮC THIỀN

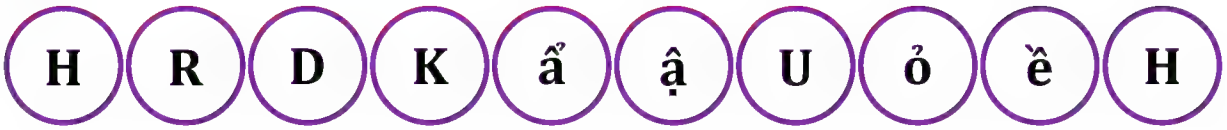

Ghi chú:

K: khán ý môn

ả: chuẩn bị

ậ: cận hành

U: thuận thứ

ỏ: bỏ bực

ề: thiền

Lộ tâm này có 6 cái, 27 thứ, 2 chặng, 5 người, 26 cõi.

1. Tâm chuẩn bị: là trạng thái tâm chuẩn bị tiến đến 1 tâm cao hơn, là tiền đề cho các loại tâm như thiền, thông, đạo, quả sinh lên sau đó. Tâm chuẩn bị này là một trong các loại tâm như sau: 4 tâm thiện DGTH hợp trí, 4 tâm duy tác DGTH hợp trí.

2. Tâm cận hành: tâm này gần với tâm đắc thiền hơn. Tâm cận hành cũng là một trong những tâm như tâm chuẩn bị.

3. Tâm thuận thứ: tâm này thích hợp với sát na trước và nhu thuận với sát na sau. Tâm này

cũng là một trong những tâm như tâm chuẩn bị.

4. Tâm bỏ bực: hay gọi là chuyển tộc vì bỏ ngũ dục để tiến tới đắc thiền (ly dục, ly bất thiện pháp…) và cắt đứt phàm chủng (tộc) trong lộ đắc đạo, đắc quả.

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 thiền.
- 27 thứ: 1 khán ý môn, 4 tâm thiện DGTH hợp trí, 4 tâm duy tác DGTH hợp trí, 9 tâm thiện đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại.
- 2 chặng: chặng khán ý môn, chặng thực (đổng tốc)
- **12 hạng người:** 5 hạng người (1 người phàm tam nhân và 4 bậc thánh quả (sơ, nhị, tam, tứ quả)
- **31 cõi:** lộ trình tâm này xuất hiện trong 26 cõi (7 cõi vui dục giới, 15 cõi sắc giới hữu tưởng, 4 cõi vô sắc giới)

2. LỘ ĐẮC ĐẠO

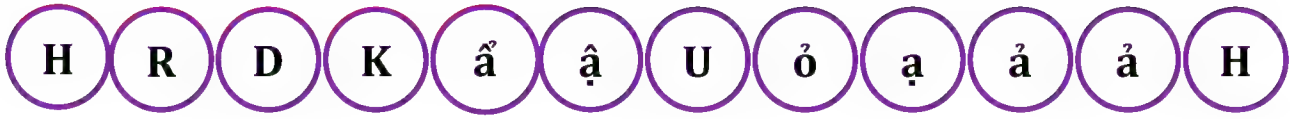

Lộ tâm này có 8 cái, 15 thứ, 2 chặng, 3 người, 17 cõi vừa phàm ngũ uẩn

- 8 cái là: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 sơ đạo, 2 sơ quả.
- 15 thứ: 1 khán ý môn, 4 thiện dục giới hợp trí, 5 tâm sơ đạo, 5 tâm sơ quả.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và 1 chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** sanh lên trong 3 người (người phàm tam nhân, người sơ đạo, người sơ quả)
- **31 cõi:** Lộ tâm này khởi lên trong 17 cõi đó là 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 3 cõi sơ thiền, 3 cõi nhị thiền, 3 cõi tam thiền, 1 cõi tứ thiền quảng quả (cõi phàm ngũ uẩn)

3. LỘ ĐẮC ĐẠO (BA ĐẠO CAO)

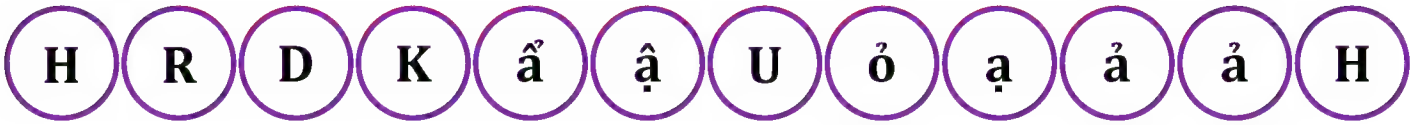

Lộ trình tâm này có 8 cái, 35 thứ, 2 chặng, 7 người, 26 cõi

- 8 cái là: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 sơ đạo, 2 sơ quả.
- 35 thứ: 30 tâm siêu thế (40 trừ 5 tâm đạo, 5 tâm quả), 1 khán ý môn, 4 tâm thiện DGTH hợp trí.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và 1 chặng thực (đồng tốc)
- **12 hạng người:** 7 hạng người: người nhị đạo, tam đạo, tứ đạo, sơ quả, nhị quả, tam quả, tứ quả.
- **31 cõi:** lộ tâm này có cõi trừ 4 cõi khổ và cõi vô tưởng.

4. LỘ NHẬP THIỀN

Lộ nhập thiền là dòng tâm thức diễn tiến an trú vào một đề mục mà sanh diệt vô số cái vẫn đồng một thứ tâm. Lộ nhập thiền có 2 :

1. **Nhập thiền hiệp thế:** là thiền sắc giới và vô sắc giới

2. **Nhập thiền cơ:** là nhập thiền để làm nền tảng hiện thần thông. Thiền cơ chỉ nhập ngũ thiền sắc giới mà thôi.

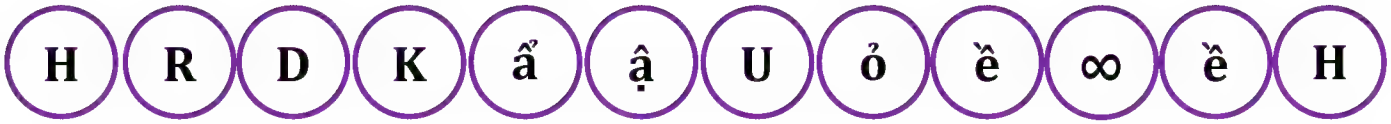

- 2 chặng: 1 khán ý môn, 1 thực (đổng lực)
- 27 thứ: như lộ đắc thiền
- **12 hạng người:** 5 hạng người (1 người tam nhân và 4 thánh quả).
- **31 cõi:** 26 cõi vui hữu tâm.

5. LỘ HIỆN THÔNG

Là dòng tâm thức diễn tiến khi tâm diệu trí (tâm thông) phát sanh để làm việc như sau:

1. Thiên nhãn thông
2. Thiên nhĩ thông
3. Tha tâm thông
4. Túc mạng thông: túc là xưa cũ, mạng là kiếp sống, thông là thần thông (nhớ lại kiếp sống xưa cũ)
5. Sanh tử thông
6. Thần thông: bay trong hư không, đi trên nước, chui xuống đất… biến thành nhiều hình dạng….
7. Lậu tận thông: chỉ có đối với vị A la hán biết rõ phiền não lậu hoặc diệt tận

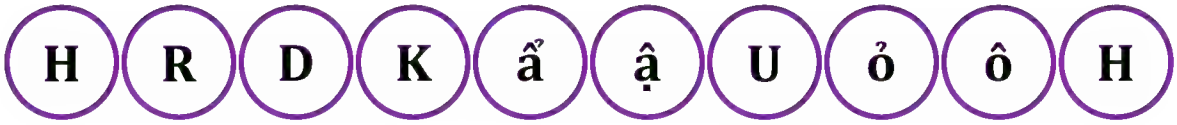

Lộ tâm này gồm: 6 cái, 7 thứ, 2 chặng, 5 người, 22 cõi.

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực,1 thông.
- 7 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm thiện dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm thông.

- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đồng lực)
- **12 hạng người:** 5 người (1 người phàm tam nhân, 4 thánh quả)
- **31 cõi:** 22 cõi (7 cõi vui dục giới và 15 cõi sắc giới trừ cõi vô tưởng)

6. LỘ NHẬP THIỀN QUẢ

1. Định nghĩa:

Lộ nhập thiền quả là lộ trình tâm của các vị thánh nhập thiền siêu thế (20 tâm quả siêu thế)

Trước khi nhập thiền quả vị hành giả chú nguyện rằng "pháp siêu thế mà tôi đã đắc chứng hãy phát sanh đến tôi.

2. Phân tích lộ trình tâm:

Lộ tâm này có vô số cái sanh diệt:

- Có 29 thứ tâm: 1 tâm khán ý môn (K), 4 tâm thiện dục giới hợp trí, 4 tâm duy tác dục giới hợp trí (8 tâm này làm việc thuận thứ), 20 tâm quả siêu thế.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đổng tốc)
- **12 hạng người:** có 4 người quả (sơ, nhị, tam, tứ quả)
- **31 cõi:** lộ tâm này sanh lên trong 26 cõi trừ 4 cõi khổ và cõi vô tưởng.

7. LỘ NHẬP THIỀN DIỆT

1. Định nghĩa:

Lộ nhập thiền diệt là các vị thánh A Na Hàm và A La Hán có chứng đắc thiền phi tưởng phi phi tưởng, các vị này muốn chứng đến các trạng thái diệt tận dòng tâm

thức nên các vị ấy nhập thiền diệt nghĩa là chứng đến trạng thái không còn tâm.

Trước khi nhập thiền diệt vị A Na Hàm hoặc vị A La Hán nhập tuần tự các tầng thiền, nhập sơ thiền, xả sơ thiền, nhập nhị thiền, xả nhị thiền, nhập tam thiền, xả tam thiền, nhập tứ thiền, xả tứ thiền, nhập ngũ thiền, xả ngũ thiền sắc giới rồi nhập qua thiền không vô biên, xả thiền không vô biên, nhập thiền thức vô biên, xả thiền thức vô biên, nhập thiền vô sở hữu, xả thiền vô sở hữu, nhập thiền phi tưởng phi phi tưởng, xả thiền phi tưởng phi phi tưởng rồi nhập thiền diệt.

2. Phân tích lộ trình tâm:

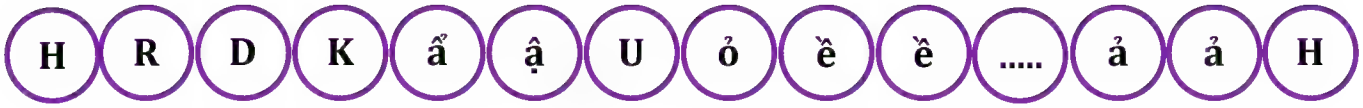

Lộ trình tâm này: có 8 cái, 9 thứ, 2 chặng, 2 người, 22 cõi

- 8 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 2 sát na thiền phi tưởng phi phi tưởng, 2 sát na tâm quả siêu thế.
- 9 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm thiện dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 2 tâm thiền PTPPT (1 tâm thiện, 1 tâm duy tác), 1 tâm quả A Na Hàm ngũ thiền (tâm tam quả ngũ thiền), 1 tâm quả A La Hán ngũ thiền (tâm tứ quả ngũ thiền)
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đổng tốc)
- **12 hạng người:** có 2 hạng: người tam quả và người tứ quả
- **31 cõi:** có 22 cõi là 1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, và 15 cõi sắc giới trừ cõi vô tưởng.

8. LỘ TÂM NIẾT BÀN LIÊN THIỀN

1. Định nghĩa:

Lộ tâm Niết Bàn liên thiền là vị A La Hán trước khi Niết Bàn ngài nhập các lại thiền sắc giới và vô sắc giới để làm tịnh chỉ những khổ thọ của thân.

2. Phân tích chi pháp:

Lộ trình tâm này có vô số cái tâm: 14 thứ tâm, 2 chặng, 1 người, 26 cõi.

- 14 thứ tâm là: 1 tâm khán ý môn, 4 tâm duy tác dục giới tịnh hảo hợp trí (ở vị trí chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, bỏ bực), 5 tâm thiện sắc giới, 5 tâm duy tác sắc giới, 4 tâm duy tác vô sắc giới.
- 2 chặng: chặng khán ý môn và chặng thực (đổng tốc)
- **12 hạng người:** người tứ quả (A La Hán quả)

- **31 cõi:** 26 cõi trừ cõi vô tưởng và 4 cõi khổ.

3. Kết luận:

Có những vị A La Hán vừa đắc đạo đắc quả vừa đắc thiền sắc giới vô sắc giới.

Có những vị A La Hán chỉ đắc đạo đắc quả mà không đắc thiền sắc giới và vô sắc giới. Học viên cần phải hiểu rõ ràng việc đắc đạo đắc quả và đắc thiền là khác nhau.

Những người chỉ đắc thiền sắc giới và vô sắc giới thì 12 tâm bất thiện vẫn còn nguyên vẹn. Những vị đắc đạo đắc quả tùy theo mức độ đạo quả khác nhau mà 12 tâm bất thiện sẽ được giảm lần đến khi chấm dứt hoàn toàn khi đắc A La Hán.

9. LỘ TRÌNH TÂM NIẾT BÀN LIÊN THÔNG

1. Định nghĩa:

Là vị A La Hán hiện thần thông rồi mới Niết Bàn như trường hợp ngài Ananda

2. Phân tích chi pháp:

Lộ trình tâm Niết Bàn liên thông được diễn tiến như sau

Lộ trình tâm này có: 5 cái hoặc 6 cái, 4 thứ, 2 chặng, 1 người, 22 cõi

- 6 cái: 1 khán ý môn, 1 chuẩn bị hoặc không, 1 cận hành, 1 thuận thứ, 1 bỏ bực, 1 thông.
- 4 thứ: 1 khán ý môn, 2 tâm duy tác dục giới thọ xả hợp trí, 1 tâm diệu trí duy tác.
- 2 chặng: chặng ý môn và chặng thực
- **12 hạng người:** có 1 người tứ quả
- **31 cõi:** 22 cõi (1 cõi người, 6 cõi trời dục giới, 15 cõi sắc giới hữu tưởng.

10. LỘ PHẢN KHÁN CHI THIỀN

1. Định nghĩa:

Lộ phản khán chi thiền là vị A La Hán trước giờ Niết Bàn xem xét lại các chi thiền tầm, tứ, hỷ, lạc, định và xả.

2. Phân tích chi pháp:

Lộ phản khán chi thiền được diễn tiến như sau:

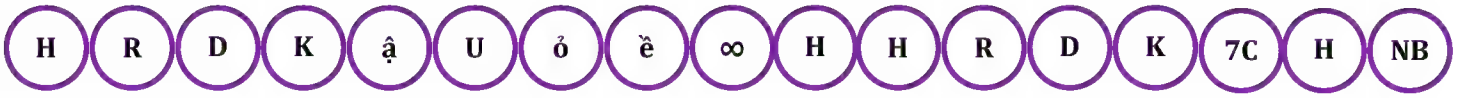

Lộ trình tâm này có 6 cái, 5 thứ, 2 chặng, 1 người, 22 cõi

- 6 cái: 1 khán ý môn và 5 sát na thực (đổng tốc)
- 5 thứ: 1 khán ý môn, và 4 tâm duy tác hợp trí
- 2 chặng: chặng khán môn và chặng thực.
- **12 hạng người:** 1 người tứ quả

- **31 cõi:** 22 cõi (7 cõi vui dục giới và 15 cõi sắc giới hữu tưởng)

11. LỘ ĐẮC ĐẠO TỘT MẠNG

1. Định nghĩa:

Là vị vừa đắc A La Hán liền xét lại đạo quả và phiền não rồi Niết bàn.
Người đắc đạo tột mạng là người biết tranh thủ giây phút ngắn ngủi trong thời điểm hấp hối của mình để tu tập tứ niệm xứ và chứng đạt lần lượt 4 tầng thánh quả nhất là chứng được tứ quả trong những giây phút cuối cùng rồi niết bàn tịch diệt

2. Phân tích chi pháp:

Lộ trình tâm này có được 6 cái, 5 thứ, 2 chặng, 1hạng người, 7 cõi vui dục giới.
- 6 cái: 1 khán ý môn và 5 tâm thực

- 5 thứ: 1 khán ý môn và 4 tâm duy tác dục giới
- 2 chặng: 1 chặng khán ý môn, 1 chặng thực
- **12 hạng người:** 1 người tứ quả
- **31 cõi:** 7 cõi vui dục giới.

==***==

Hết bài số 47
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 13-20/04/2020 (21-28/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG II

SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM

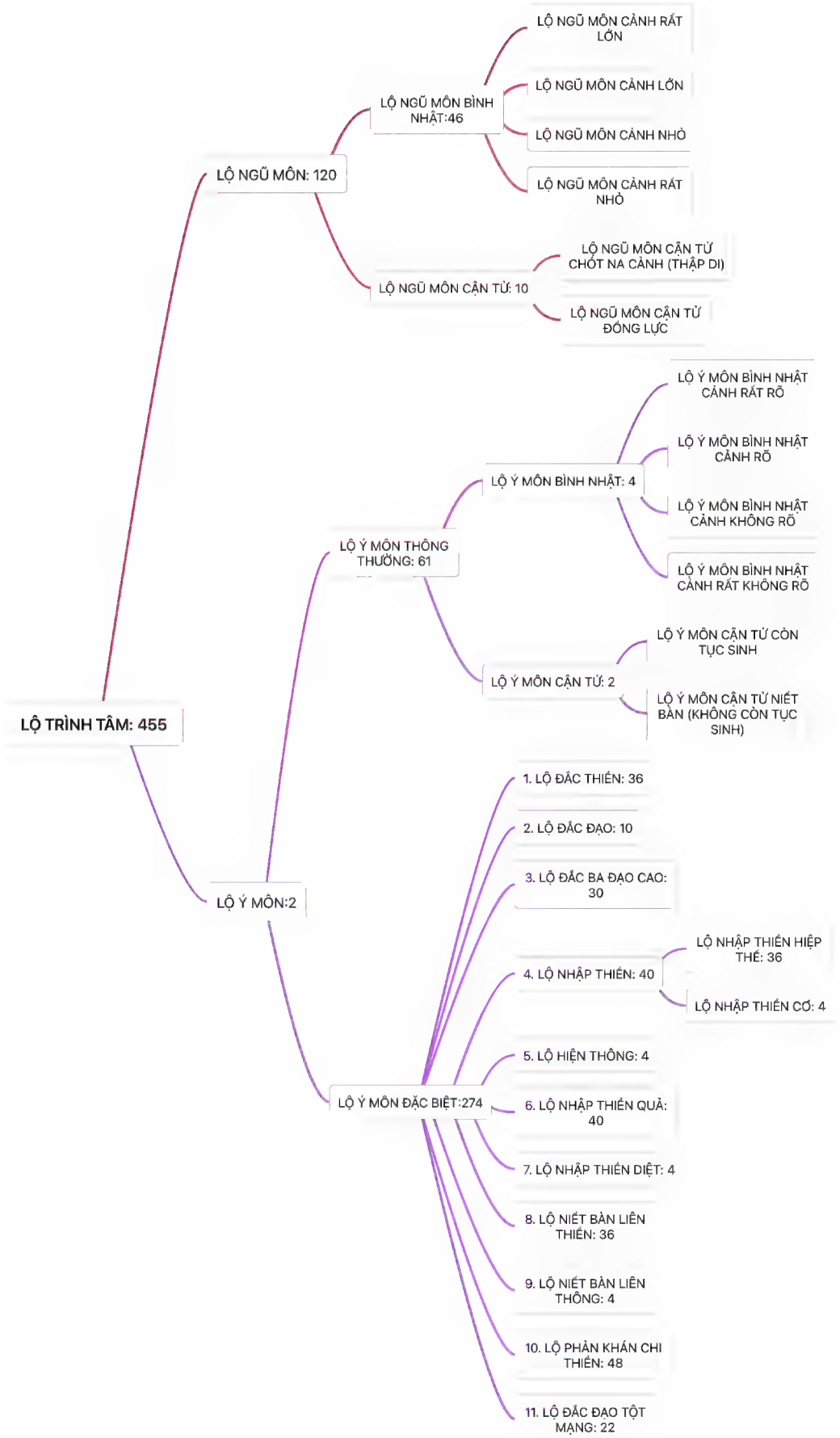
LỘ TRÌNH TÂM: 455
LỘ NGŨ MÔN: 120
LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT:46
LỘ NGŨ MÔN CẢNH RẤT LỚN
LỘ NGŨ MÔN CẢNH LỚN
LỘ NGŨ MÔN CẢNH NHỎ
LỘ NGŨ MÔN CẢNH RẤT NHỎ
LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ: 10
LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ CHỐT NA CẢNH (THẬP DI)
LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ ĐỒNG LỰC
LỘ Ý MÔN:2
LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG: 61
LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT: 4
LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT RÕ
LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RÕ
LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH KHÔNG RÕ
LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT KHÔNG RÕ
LỘ Ý MÔN CẬN TỬ: 2
LỘ Ý MÔN CẬN TỬ CÒN TỤC SINH
LỘ Ý MÔN CẬN TỬ NIẾT BÀN (KHÔNG CÒN TỤC SINH)
LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT:274
1. LỘ ĐẮC THIỀN: 36
2. LỘ ĐẮC ĐẠO: 10
3. LỘ ĐẮC BA ĐẠO CAO: 30
4. LỘ NHẬP THIỀN: 40
LỘ NHẬP THIỀN HIỆP THẾ: 36
LỘ NHẬP THIỀN CƠ: 4
5. LỘ HIỆN THÔNG: 4
6. LỘ NHẬP THIỀN QUẢ: 40
7. LỘ NHẬP THIỀN DIỆT: 4
8. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THIỀN: 36
9. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THÔNG: 4
10. LỘ PHÀN KHÁN CHI THIỀN: 48
11. LỘ ĐẮC ĐẠO TỘT MẠNG: 22

LỘ TRÌNH TÂM - 455

LỘ NGŨ MÔN - 120

LỘ NGŨ MÔN THỜI BÌNH NHẬT - 100

1. CẢNH RẤT LỚN - 15

(5 MÔN)

1. CHÓT NA CẢNH - 17 SÁT NA TÂM

2. CHÓT ĐỒNG LỰC - 15 SÁT NA TÂM

3. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 16 SÁT NA TÂM

2. CẢNH LỚN - 20

(5 MÔN)

1. CHÓT ĐỒNG LỰC

CÓ 2 HKVQ

CÓ 3 HKVQ

2. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH

CÓ 2 HKVQ

CÓ 3 HKVQ

3. CẢNH NHỎ - 30

(5 MÔN)

LỘ 1 - CÓ 4 HKVQ

LỘ 2 - CÓ 5 HKVQ

- LỘ 3 - CÓ 6 HKVQ
  -

- LỘ 4 - CÓ 7 HKVQ
  -

- LỘ 5 - CÓ 8 HKVQ
  -

- LỘ 6 - CÓ 9 HKVQ
  -

- 4. CẢNH RẤT NHỎ - 35 (5 MÔN)
  - LỘ 1 - CÓ 10 HKVQ
    -

  - LỘ 2 - CÓ 11 HKVQ
    -

  - LỘ 3 - CÓ 12 HKVQ
    -

  - LỘ 4 - CÓ 13 HKVQ
    -

  - LỘ 5 -CÓ 14 HKVQ
    -

  - LỘ 6 - CÓ 15 HKVQ
    -

  - LỘ 7 - CÓ 16 HKVQ
    -

- LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ - 20
  - 1. SÁT NA CHÓT CÓ NA CẢNH - TADĀLAMBANA KHÔNG HỘ KIẾP HOẶC CÓ RỒI TỬ KHÔNG HỘ KIẾP RỒI TỬ

CÓ HỘ KIẾP RỒI TỬ

2. SÁT NA CHỐT ĐỒNG LỰC KHÔNG HỘ KIẾP HOẶC CÓ RỒI TỬ

KHÔNG HỘ KIẾP RỒI TỬ

CÓ HỘ KIẾP RỒI TỬ

LỘ Ý MÔN - 335

LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG - 61

THỜI BÌNH NHẬT - 41

1. CẢNH RẤT RÕ – 22

1. CHỐT NA CẢNH - 6

KHÔNG CÓ HKVQ

CÓ 1-5 HKVQ

2. CHỐT ĐỒNG LỰC - 8

KHÔNG CÓ HKVQ

CÓ 1-7 HKVQ

- 3. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 8
  - KHÔNG CÓ HKVQ

  - CÓ 1-7 HKVQ

- 2. CẢNH RÕ - 16
  - 1. CHÓT ĐỒNG LỰC - 8
    - KHÔNG CÓ HKVQ

- CÓ 1-7 HKVQ

- 2. CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 8
  - KHÔNG CÓ HKVQ

  - CÓ 1-7 HKVQ

- 3. CẢNH KHÔNG RÕ - 2
  - CÓ 2 SÁT NA KHÁN Ý MÔN

- CÓ 3 SÁT NA KHÁN Ý MÔN

- 4. CẢNH RẤT KHÔNG RÕ (MƠ HỒ) - 1

- LỘ CHIÊM BAO -12
  - 1. CẢNH CỰC RÕ - 6
    - CHÓT NA CẢNH - 2
      - KHÔNG CÓ HKVQ

      - CÓ 1 HKVQ

    - CHÓT ĐỒNG LỰC - 2
      - KHÔNG CÓ HKVQ

      - CÓ 1 HKVQ

    - CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 2
      - KHÔNG CÓ HKVQ

      - CÓ 1 HKVQ

  - 2. CẢNH RÕ - 4
    - CHÓT ĐỒNG LỰC - 2
      - KHÔNG CÓ HKVQ

      - CÓ 1 HKVQ

    - CHÓT HỘ KIẾP KHÁCH - 2
      - KHÔNG CÓ HKVQ

      - CÓ 1 HKVQ

  - 3. CẢNH KHÔNG RÕ - 1

- 4. CẢNH MƠ HỒ - 1

- LỘ Ý MÔN CẬN TỬ - 4
  - SÁT NA CHÓT CÓ NA CẢNH RỒI TỬ - 2
    - KHÔNG HỘ KIẾP RỒI TỬ

    - CÓ HỘ KIẾP RỒI TỬ

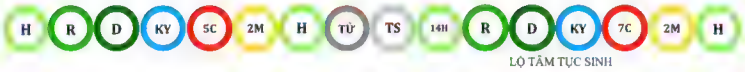

  - SÁT NA CHÓT ĐỒNG LỰC RỒI TỬ - 2
    - KHÔNG HỘ KIẾP RỒI TỬ

    - CÓ HỘ KIẾP RỒI TỬ

  - LỘ NIẾT BÀN THÔNG THƯỜNG - 4
    - 1. ĐỒNG LỰC - CHÓT NA CẢNH - HỘ KIẾP - NIẾT BÀN - 1

    - 2. ĐỒNG LỰC - CHÓT NA CẢNH - NIẾT BÀN - 1

    - 3. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - NIẾT BÀN - 1

    - 4. ĐỒNG LỰC - NIẾT BÀN - 1

- LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT - 274
  - LỘ KIÊN CỐ - 164
    - 1. LỘ ĐẮC THIÊN - 36
      - 1. SƠ THIÊN - 4
        - THIỆN - 2
          - ĐỘN CĂN

          - LỢI CĂN

- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 2. NHỊ THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 3. TAM THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC -2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 4. TỨ THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 5. NGŨ THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN

- 7. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 8. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 9. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN

- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 2. LỘ ĐẮC SƠ ĐẠO - 10
  - 1. SƠ ĐẠO SƠ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

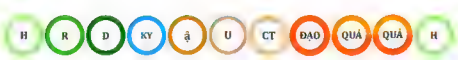

  - 2. SƠ ĐẠO NHỊ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 3. SƠ ĐẠO TAM THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 4. SƠ ĐẠO TỨ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 5. SƠ ĐẠO NGŨ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

3. LỘ ĐẮC 3 ĐẠO CAO - 30

1. NHỊ ĐẠO - 10

1. NHỊ ĐẠO SƠ THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

2. NHỊ ĐẠO NHỊ THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

3. NHỊ ĐẠO TAM THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

4. NHỊ ĐẠO TỨ THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

5. NHỊ ĐẠO NGŨ THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

LỢI CĂN

2. TAM ĐẠO - 10

1. TAM ĐẠO SƠ THIỀN - 2

ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN
  -
- 2. TAM ĐẠO NHỊ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
- 3. TAM ĐẠO TAM THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
- 4. TAM ĐẠO TỨ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
- 5. TAM ĐẠO NGŨ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
- 3. TỨ ĐẠO - 10
  - 1. TỨ ĐẠO SƠ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
  - 2. TỨ ĐẠO NHỊ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
  - 3. TỨ ĐẠO TAM THIỀN - 2

- ĐỘN CĂN
  -
- LỢI CĂN
  -
- 4. TỨ ĐẠO TỨ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
  - 5. TỨ ĐẠO NGŨ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
- 4. LỘ NHẬP THIỀN - 36
  - 1. SƠ THIỀN - 4
    - THIỆN - 2
      - ĐỘN CĂN
        -
      - LỢI CĂN
        -
      - DUY TÁC - 2
        - ĐỘN CĂN
          -
        - LỢI CĂN
          -
  - 2. NHỊ THIỀN - 4
    - THIỆN - 2
      - ĐỘN CĂN
        -
      - LỢI CĂN
        -

- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 3. TAM THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN
      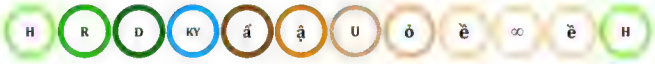
    - LỢI CĂN

- 4. TỨ THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 5. NGŨ THIỀN - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN
  -
- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN
    -
  - LỢI CĂN
    -
- 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
- 7. THỨC VÔ BIÊN XƯ - 4
  - THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
  - DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN
      -
    - LỢI CĂN
      -
- 8. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4

- THIỆN - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

9. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4
- THIỆN - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- DUY TÁC - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

5. LỘ THIỀN CƠ - 4
1. NGŨ THIỀN THIỆN - 2
   - ĐỘN CĂN

   - LỢI CĂN

2. NGŨ THIỀN DUY TÁC - 2
   - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN
  -

- 6. LỘ HIỆN THÔNG - 4
  - 1. NGŨ THIỀN THIỆN - 2
    - ĐỘN CĂN
      -

    - LỢI CĂN
      -

  - 2. NGŨ THIỀN DUY TÁC - 2
    - ĐỘN CĂN
      -

    - LỢI CĂN
      -

- 7. LỘ NHẬP THIÊN QUẢ - 40
  - 1. SƠ QUẢ - 10
    - 1. SƠ THIỀN - 2
      - ĐỘN CĂN
        -

      - LỢI CĂN
        -

    - 2. NHỊ THIỀN - 2
      - ĐỘN CĂN
        -

      - LỢI CĂN
        -

    - 3. TAM THIỀN - 2
      - ĐỘN CĂN
        -

      - LỢI CĂN
        - 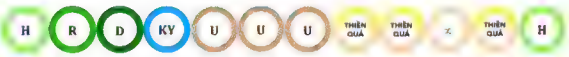

- 4. TỨ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 5. NGŨ THIỀN - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 2. NHỊ QUẢ - 10
  - 1. SƠ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. NHỊ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 3. TAM THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 4. TƯ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 5. NGŨ THIÊN - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 3. TAM QUẢ - 10
  - 1. SƠ THIÊN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN
      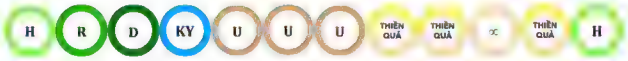

  - 2. NHỊ THIÊN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 3. TAM THIÊN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 4. TỨ THIÊN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 5. NGŨ THIÊN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 4. TỨ QUẢ - 10
  - 1. SƠ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. NHỊ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 3. TAM THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 4. TỨ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 5. NGŨ THIỀN - 2
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 8. LỘ NHẬP THIÊN DIỆT - 4
  - 1. TAM QUẢ - 2
    - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN

- 2. TỨ QUẢ - 2
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- LỘ NHẬP NIẾT BÀN ĐẶC BIỆT - 110
  - 1. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THIỀN - 36
    - 1. SƠ THIỀN - 4
      - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
        - ĐỘN CĂN

        - LỢI CĂN

      - 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
        - ĐỘN CĂN

        - LỢI CĂN

    - 2. NHỊ THIỀN - 4
      - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
        - ĐỘN CĂN

        - LỢI CĂN

      - 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
        - ĐỘN CĂN

        - LỢI CĂN

    - 3. TAM THIỀN - 4
      - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
        - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN

- 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 4. TỨ THIÊN - 4
  - 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 5. NGŨ THIÊN - 4
  - 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 6. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4
  - 1. LỘ TÂM THIÊN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

- LỢI CĂN

- 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 7. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4
  - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 8. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4
  - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 9. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4
  - 1. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 2. LỘ TÂM THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ - TỬ/PNB
  - ĐỘN CĂN

  - LỢI CĂN

- 2. LỘ NIẾT BÀN LIÊN THÔNG - 4
  - 1. THÔNG - HỘ KIẾP - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

  - 2. THÔNG - TỬ/PNB
    - ĐỘN CĂN

    - LỢI CĂN

- 3. LỘ NIẾT BÀN PHẢN KHÁN CHI THIỀN - 48
  - 1. PHẢN KHÁN SƠ THIỀN - 10
    - 1. TÂM - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

    - 2. TỨ - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

    - 3. HỶ - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

4. LẠC - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

5. ĐỊNH - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

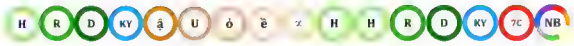

2. PHẢN KHÁN NHỊ THIÊN - 8

1. TỨ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

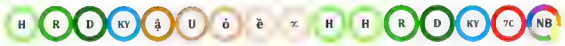

2. HỶ - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

3. LẠC - 2

LỢI CĂN

1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

4. ĐỊNH - 2

- LỢI CĂN
  - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 3. PHẢN KHÁN TAM THIỀN - 6
  - 1. HỶ - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH
        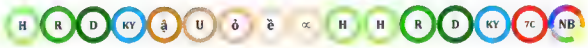
  - 2. LẠC - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH
        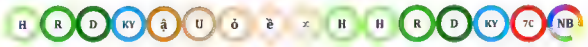
  - 3. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 4. PHẢN KHÁN TỨ THIỀN - 4
  - 1. LẠC - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH
        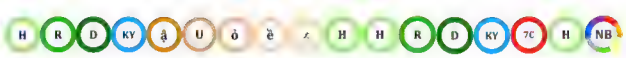
      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 5. PHẦN KHÁN NGŨ THIỀN - 20
  - 1. NGŨ THIỀN - 4
    - 1. XẢ - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

    - 2. ĐỊNH - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

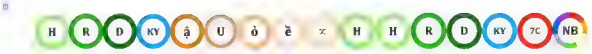

  - 2. KHÔNG VÔ BIÊN XỨ - 4
    - 1. XẢ - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

    - 2. ĐỊNH - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 3. THỨC VÔ BIÊN XỨ - 4
    - 1. XẢ - 2
      - LỢI CĂN
        - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

        - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

    - 2. ĐỊNH - 2

- LỢI CĂN
  - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 4. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4
  - 1. XẢ - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 5. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4
  - 1. XẢ - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 1. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 4. LỘ NIẾT BÀN TỘT MẠNG - 22
  - 1. QUÁN XÉT ĐẠO, QUẢ, NIẾT BÀN RỒI VIÊN TỊCH - 2
    - 1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/ PNB

    - 2. ĐỒNG LỰC - TỬ/PNB

- LỢI CĂN
  - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 4. VÔ SỞ HỮU XỨ - 4
  - 1. XẢ - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 2. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH
        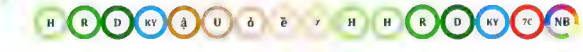
- 5. PHI TƯỞNG PHI PHI TƯỞNG XỨ - 4
  - 1. XẢ - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

  - 1. ĐỊNH - 2
    - LỢI CĂN
      - 1. CÓ XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

      - 2. KHÔNG XEN HỘ KIẾP RỒI VIÊN TỊCH

- 4. LỘ NIẾT BÀN TỘT MẠNG - 22
  - 1. QUÁN XÉT ĐẠO, QUẢ, NIẾT BÀN RỒI VIÊN TỊCH - 2
    - 1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/NB

    - 2. ĐỒNG LỰC - TỬ/NB

- 2. QUÁN XÉT PHIỀN NÃO ĐÃ SÁT TRỪ RỒI VIÊN TỊCH - 20
  - 10 KIẾT SỬ PHIỀN NÃO
    - 1. ĐỒNG LỰC - HỘ KIẾP - TỬ/NB

    - 2. ĐỒNG LỰC - TỬ/NB

- KÝ HIỆU
  - H
    - HỘ KIẾP - BHAVANGA
  - V
    - HỘ KIẾP VỪA QUA - ATĪTABHAVANGA
  - R
    - HỘ KIẾP RÚNG ĐỘNG - BHAVANGACALANA
  - D
    - HỘ KIẾP DỨT DÒNG - BHAVANGUPACCHEDA
  - K
    - KHÁN NGŨ MÔN - PANCADVĀRĀVAJJANA
  - 5
    - NGŨ SONG THỨC - DVIPAÑÑCAVIÑÑĀṆA
  - T
    - TIẾP THÂU - SAMPATICCHANA
  - Q
    - QUÁN SÁT - SANTĪRANA
  - P
    - XÁC ĐỊNH - VOTTHABBANA
  - C
    - ĐỘNG TỐC - JAVANA

-
  - NA CẢNH - TADĀLAMBANA
-
  - HỘ KIẾP KHÁCH - ĀGANTUKABHAVANGA
-
  - KHÁN Ý MÔN - MANODVĀRAVAJJANA
-
  - TÂM TỬ - CUTI
-
  - NIẾT BÀN - PARINIBBĀNA
-
  - TÂM TỤC SINH - PATISANDHI
-
  - 14 TÂM HỘ KIẾP
-
  - CHUẨN BỊ - PARIKAMMA
-
  - CẬN HÀNH - UPACĀRA
-
  - THUẬN THỨ - ANULOMA
-
  - BỎ BẬC (LỘ ĐẮC THIỀN) - GOTRABHŪ
-
  - CHUYỂN TÁNH (LỘ HIỆN THÔNG) - GOTRABHŪ
-
  - CHUYỂN TỘC (LỘ PHÀM SANG THÁNH) - GOTRABHŪ
-
  - TIẾN BẬC/DŨ TỊNH (LỘ ĐẮC 3 ĐẠO CAO) - VODANĀ
-
  - THIỀN - JHĀNA

- THIỀN BẤT ĐỊNH SỐ
- TÂM ĐẠO - MAGGA
- TÂM QUẢ - PHALA
- TÂM KHÔNG SANH

CHƯƠNG III
(BÀI 48)

KHÁI NIỆM LỘ SẮC

I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

1. **Sắc nghiệp:** là sắc pháp do sở hữu tư (nghiệp) tạo thành, có thể là sắc nghiệp thiện hoặc sắc nghiệp bất thiện.

   Sắc nghiệp tức là sắc do nghiệp tạo có 18 thứ là: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực), 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền và 1 sắc hư không.

   Sắc nghiệp được chia thành 9 đoàn:

   - **Đoàn nhãn:** tức là bọn nhãn vật, có 10 sắc đồng sanh: sắc nhãn vật (thần kinh nhãn), sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực).

- **Đoàn nhĩ:** tức là bọn nhĩ vật có 10 sắc là thần kinh nhĩ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn tỷ:** tức là bọn sắc tỷ vật có 10 sắc là sắc thần kinh tỷ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thiệt:** tức là bọn thiện vật có 10 sắc là sắc thần kinh thiệt, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thân:** là bọn sắc thân vật có 10 sắc là sắc thần kinh thân, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn tâm:** là bọn sắc ý vật, có 10 sắc là sắc ý vật, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn nam tính:** là bọn sắc nam tính, có 10 sắc là sắc nam tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn nữ tính:** là bọn sắc nữ tính, có 10 sắc là sắc nữ tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

- **Đoàn mạng quyền:** có sắc là 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

2. Sắc tâm:

Sắc tâm là sắc do tâm tạo để sai khiến sự hành động như đi, đứng, nằm, ngồi, im lặng.

Sắc do tâm tạo có 6 đoàn là:

- **Đoàn bát thuần** tức là 8 sắc bất ly
- **Đoàn thân biểu tri** có 9 sắc là sắc thân biểu tri và 8 sắc bất ly
- **Đoàn khẩu biểu tri** có 10 sắc là sắc cảnh thinh, sắc khẩu biểu tri và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn thân đặc biệt** có 12 sắc là sắc thân biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.
- **Đoàn khẩu thinh đặc biệt** có 13 sắc là sắc cảnh thinh, sắc khẩu biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

3. **Sắc âm dương:** là sắc do thời tiết nóng lạnh tạo ra, còn gọi là sắc quí tiết.

   Sắc âm dương có 4 đoàn:

   - **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly
   - **Đoàn thinh** có 9 sắc là sắc cảnh thinh và 8 sắc bất ly
   - **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly
   - **Đoàn thinh đặc biệt** có 12 sắc là sắc cảnh thinh, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

4. **Sắc vật thực:** là chất dinh dưỡng. Có 2 đoàn:

   - **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly
   - **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly

5. **Sắc tục sinh:** là sắc pháp sinh ra trong lúc tái sinh.

   - Cõi dục giới hóa sanh và thấp sanh tục sinh được 7 đoàn:
     - Đoàn nhãn

- Đoàn nhĩ
- Đoàn tỷ
- Đoàn thiệt
- Đoàn thân
- Đoàn tâm
- Đoàn tục sinh

- Cõi dục giới thai sanh và noãn sanh tục sinh được 3 đoàn:
  - Đoàn thân
  - Đoàn tâm
  - Đoàn sắc tính
- Cõi sắc giới vô tưởng tục sinh:
  - Chỉ có một đoàn là đoàn mạng quyền

6. **Sắc bình nhật:** là sắc pháp diễn ra hằng ngày trong đời sống bình thường tức là không phải lúc tục sinh và tử.
   - Cõi dục giới lúc bình nhật có đủ 28 sắc pháp.

- Cõi sắc giới lúc bình nhật có 24 sắc pháp **trừ** sắc thần kinh tỷ, sắc thần kinh thiệt, sắc thần kinh thân và sắc trạng thái (sắc nam tính, nữ tính)
- Cõi sắc giới vô tưởng lúc bình nhật có 17 sắc pháp **trừ** 5 sắc thần kinh, 1 sắc ý vật, 2 sắc tính, 2 sắc biểu tri và 1 sắc thinh.

7. **Sắc tâm hành động:** là sắc pháp được tâm sai khiến để hiện bày ra.

Trong 28 sắc pháp thì tâm tạo được 15 sắc pháp: đó là 8 sắc bất ly, 1 sắc cảnh thinh, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt.

Trong 121 thứ tâm có 107 tâm tạo được sắc pháp.

14 tâm không tạo được sắc pháp là: ngũ song thức và 4 tâm quả vô sắc.

Sắc tâm hành động có 7 cách:

- Cách bình thường
- Cách cười
- Cách khóc

- Cách nói
- Cách tiểu oai nghi
- Cách đại oai nghi
- Cách kềm vững 3 đại oai nghi (trừ đi)

- Tâm làm việc khóc: 2 tâm sân
- Tâm làm việc cười: 4 tâm tham thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ, 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác DGTH thọ hỷ.
- Tâm làm việc nói: 12 tâm bất thiện, tâm khán ý môn, tâm ứng cúng vi tiếu, 2 tâm thông (diệu trí), 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH.
- Tâm làm việc tiểu oai nghi: những tâm như làm việc nói.
- Tâm làm việc đại oai nghi: những tâm như làm việc nói
- Tâm làm việc kềm vững đại oai nghi (trừ đi): 87 tâm thực và tâm khán ý môn.

==***==

Hết bài số 48
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 21/04/2020 (29/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IV

SƠ ĐỒ
KHÁI NIỆM LỘ SẮC

I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

Sơ đồ 8 sắc bất ly

8 SẮC BẤT LY

1. **Sắc nghiệp:**
là sắc pháp do sở hữu tư (nghiệp) tạo thành, có thể là sắc nghiệp thiện hoặc sắc nghiệp bất thiện.

Sắc nghiệp tức là sắc do nghiệp tạo có 18 thứ là: 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực), 5 sắc thần kinh, 2 sắc tính, 1 sắc ý vật, 1 sắc mạng quyền và 1 sắc hư không.

SẮC NGHIỆP

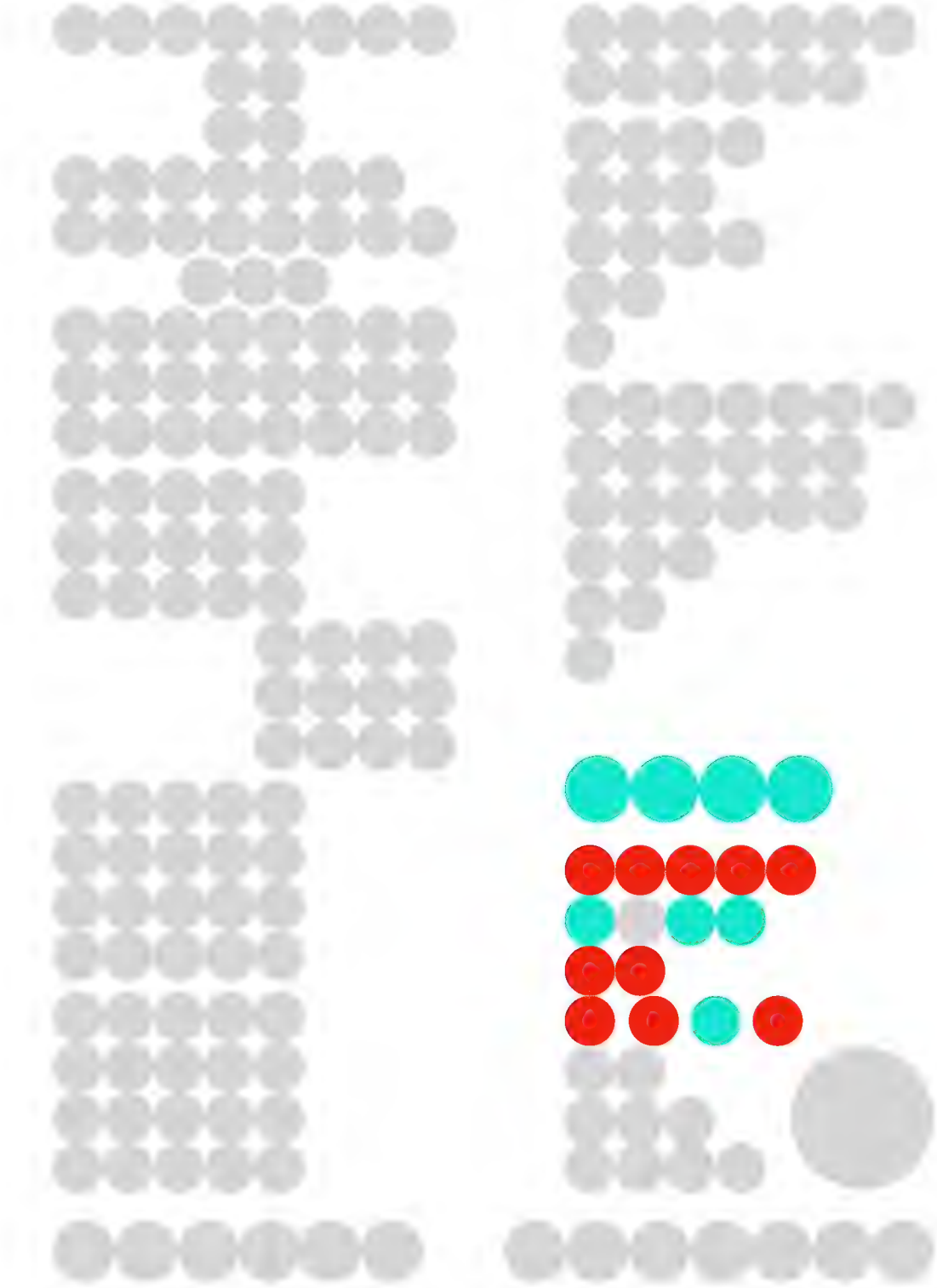

Sắc nghiệp được chia thành 9 đoàn:

- **Đoàn nhãn:** tức là bọn nhãn vật, có 10 sắc đồng sanh: sắc nhãn vật (thần kinh nhãn), sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly (đất, nước, lửa, gió, cảnh sắc, cảnh khí, cảnh vị và sắc vật thực).

ĐOÀN NHÃN

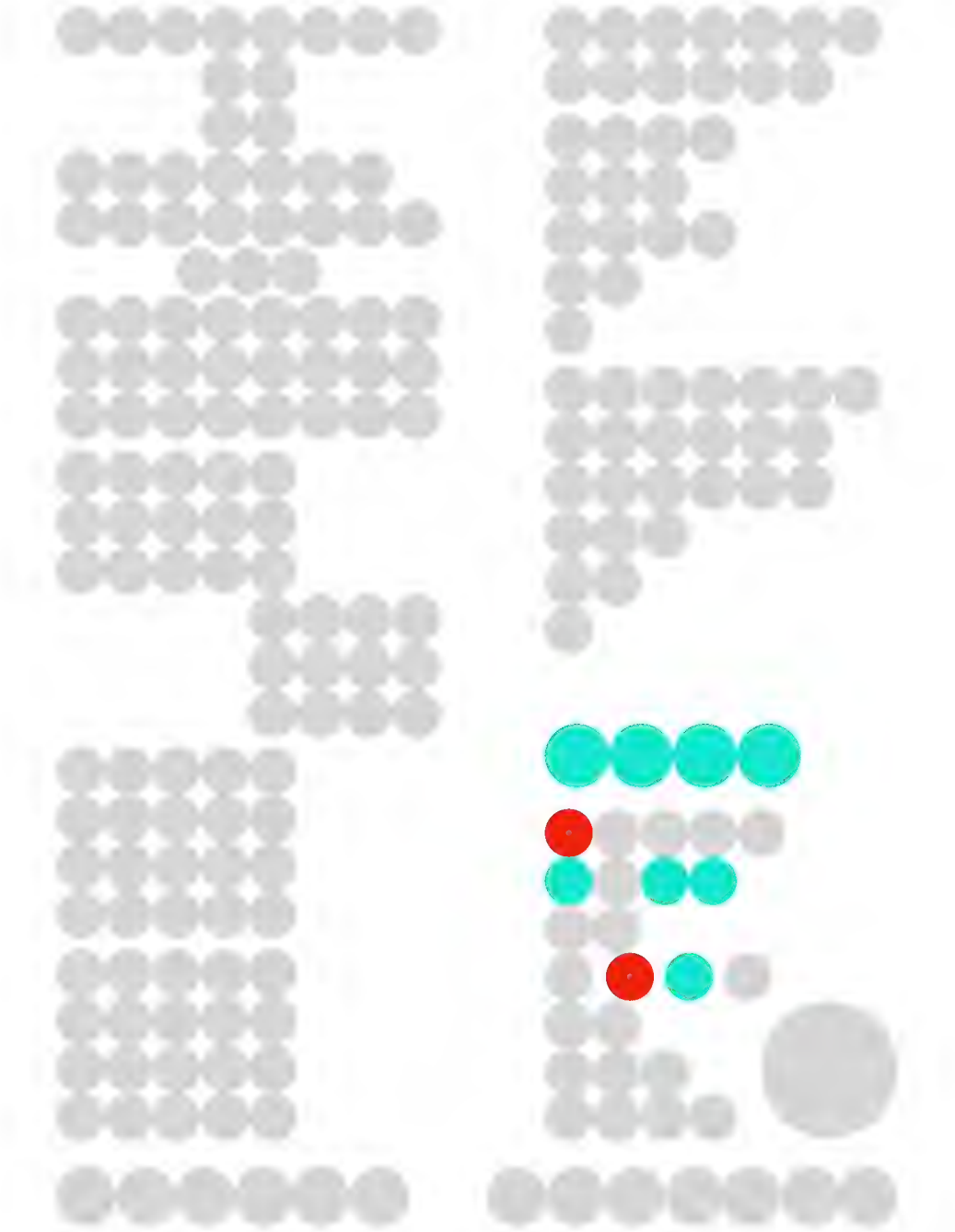

- **Đoàn nhĩ:** tức là bọn nhĩ vật có 10 sắc là thần kinh nhĩ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NHĨ

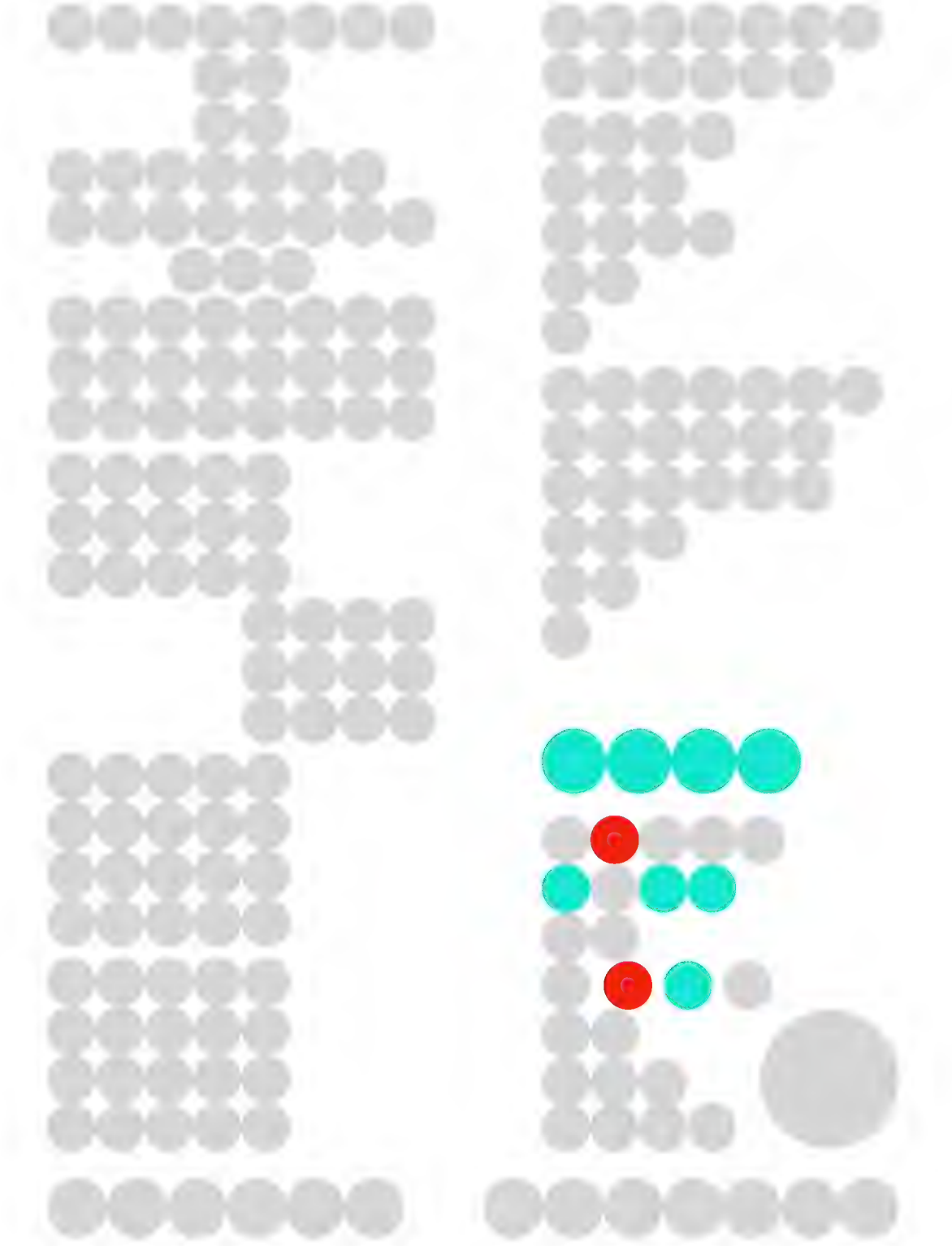

- **Đoàn tỷ:** tức là bọn sắc tỷ vật có 10 sắc là sắc thần kinh tỷ, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN TỶ

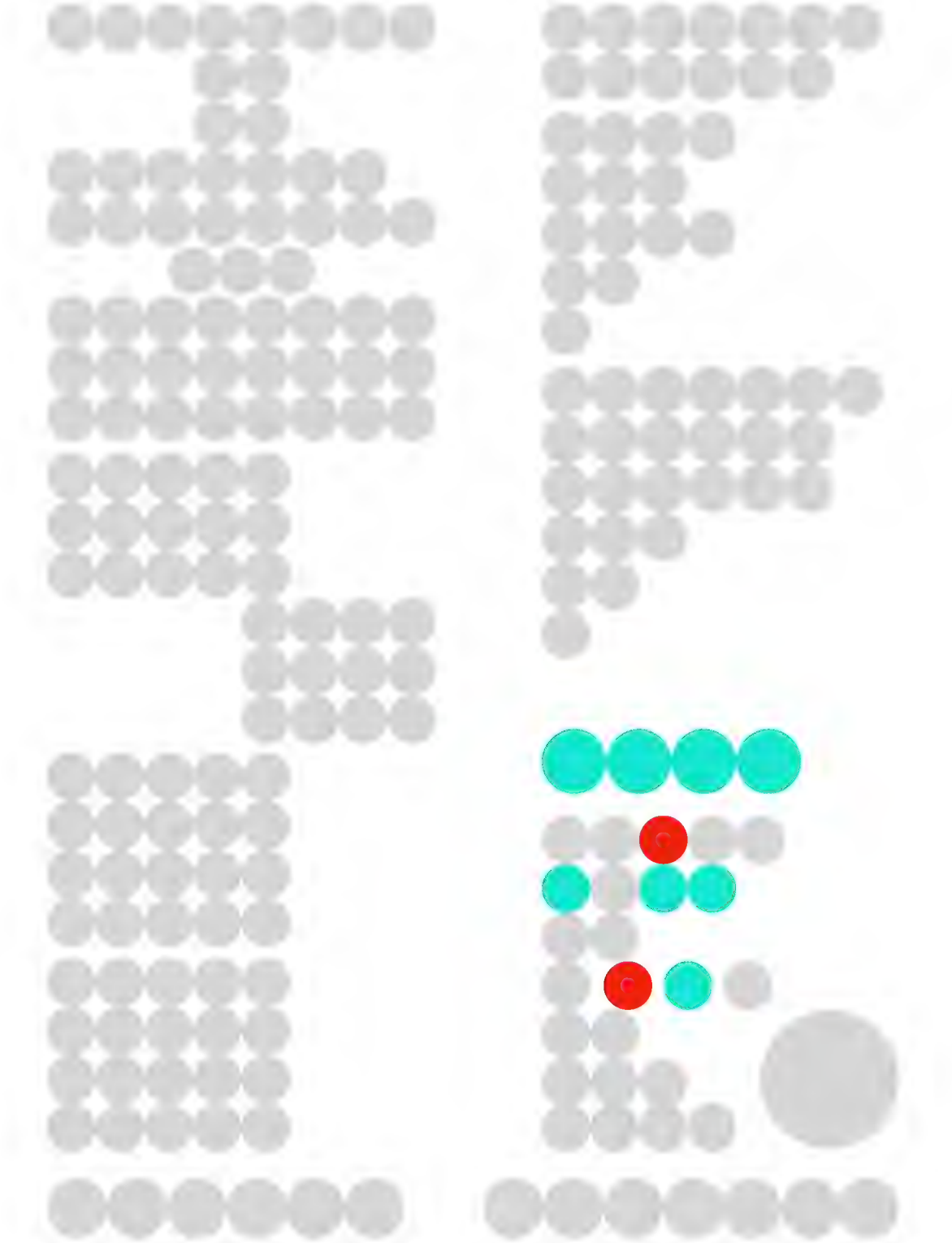

- **Đoàn thiệt:** tức là bọn thiện vật có 10 sắc là sắc thần kinh thiệt, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THIỆT

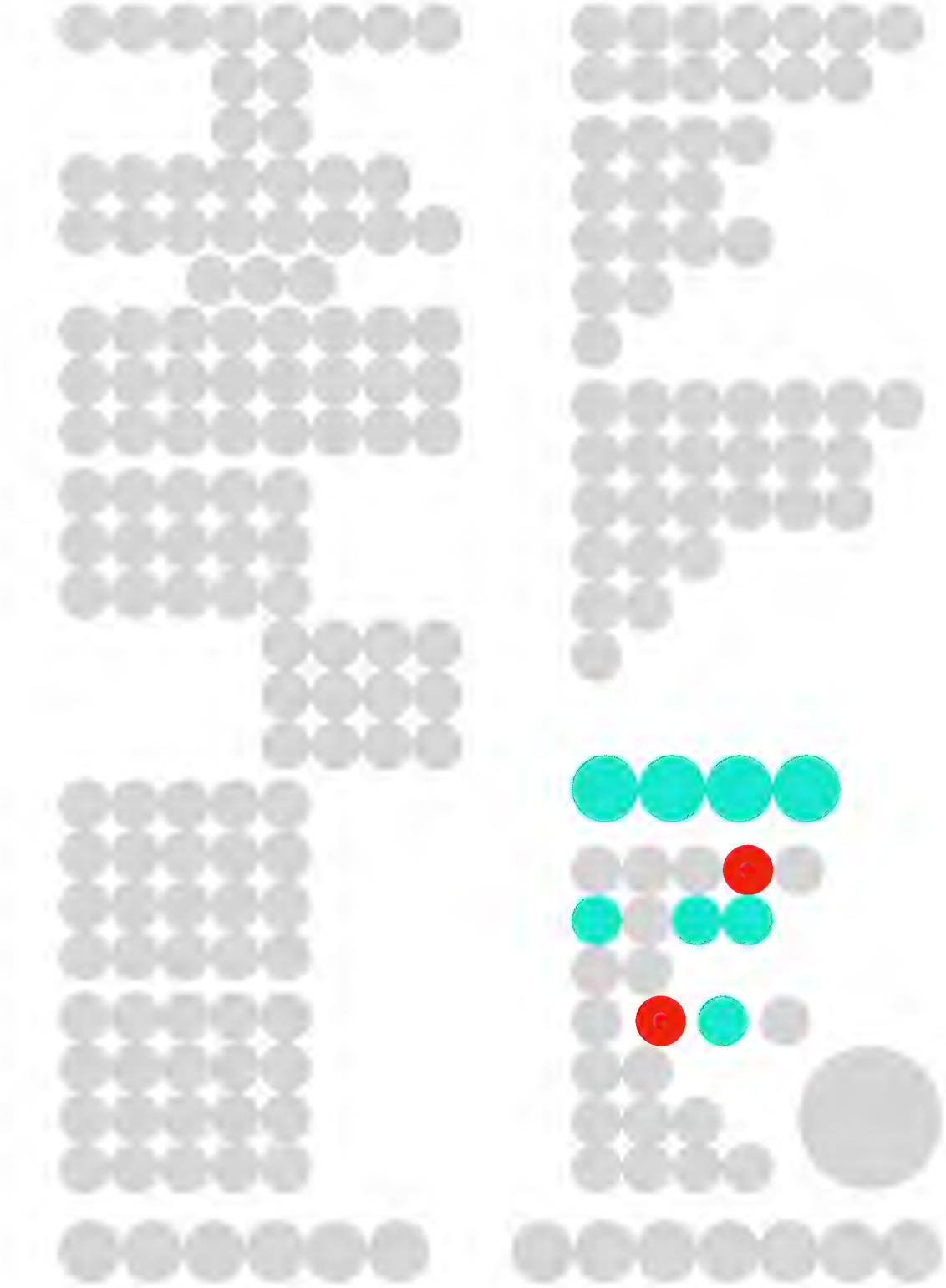

- **Đoàn thân:** là bọn sắc thân vật có 10 sắc là sắc thần kinh thân, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN

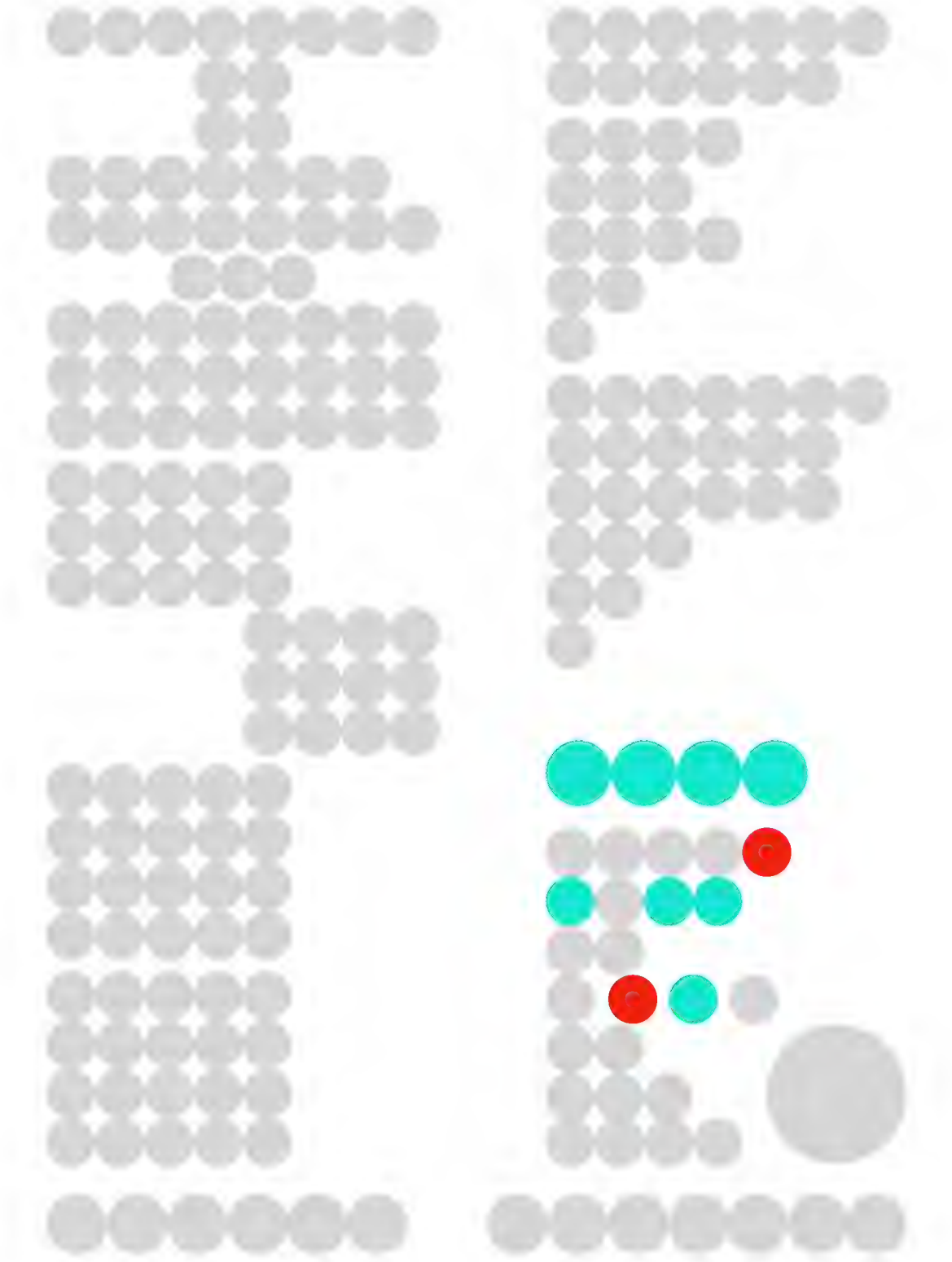

- **Đoàn tâm:** là bọn sắc ý vật, có 10 sắc là sắc ý vật, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN TÂM

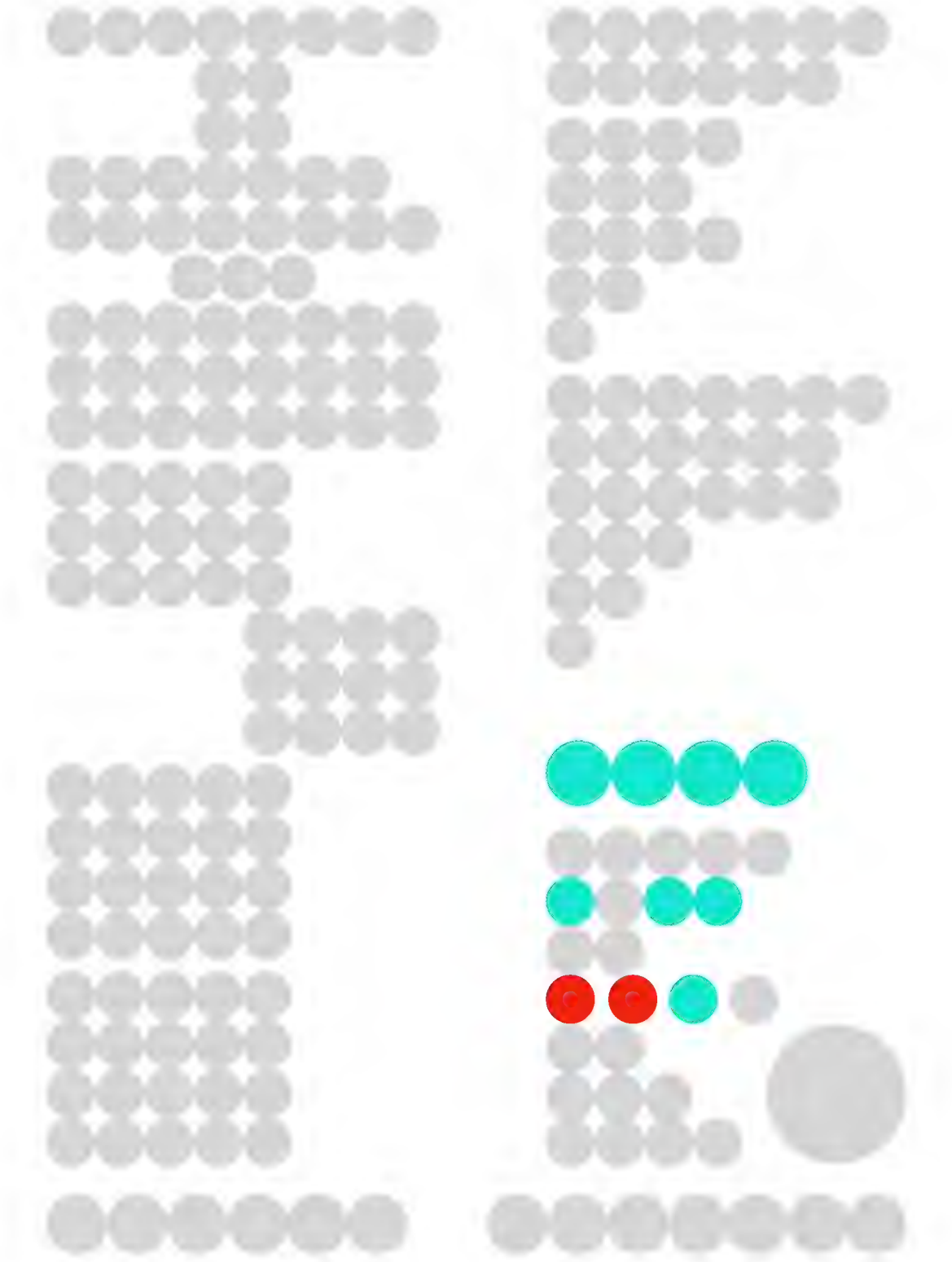

- **Đoàn nam tính:** là bọn sắc nam tính, có 10 sắc là sắc nam tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NAM TÍNH

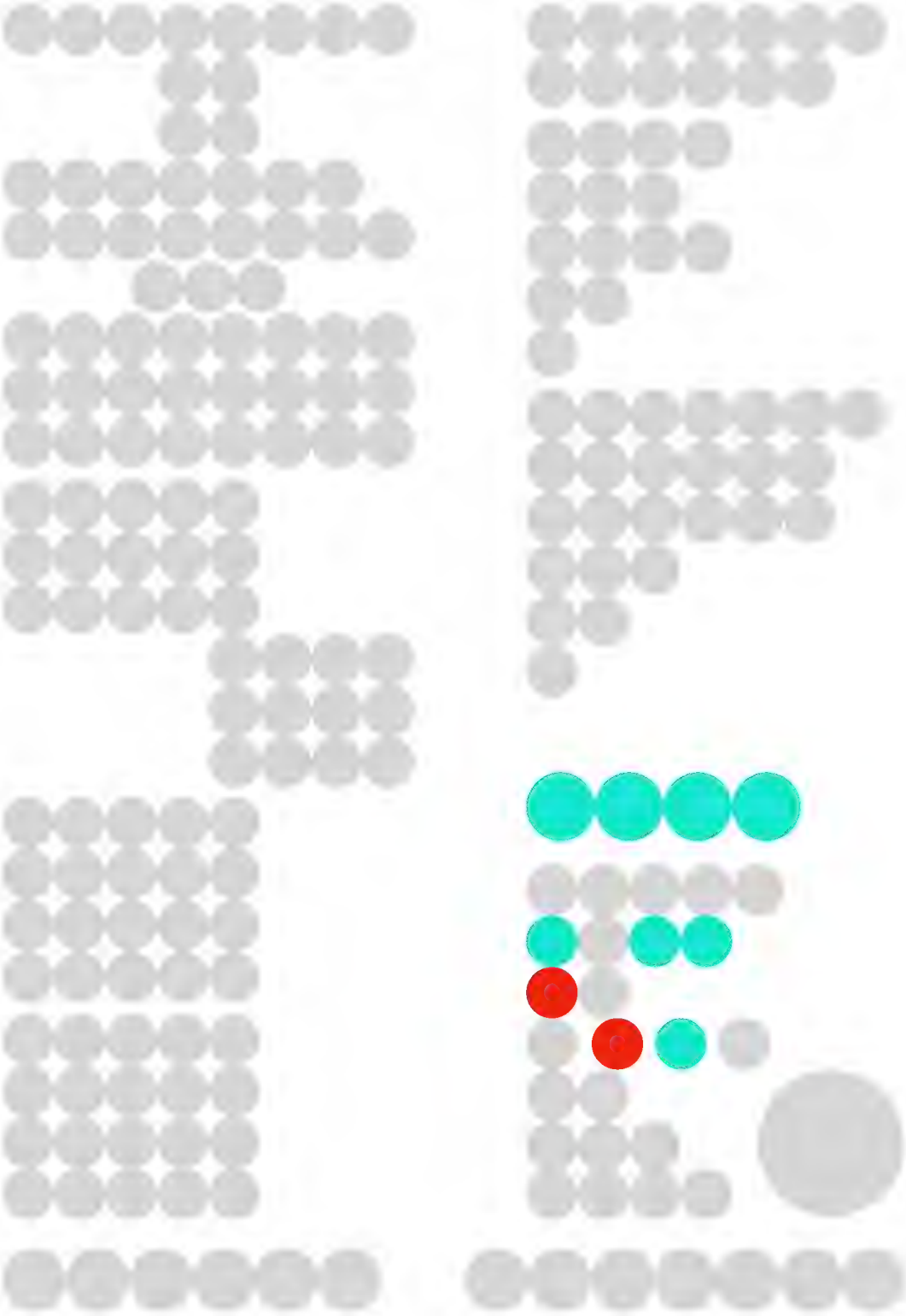

- **Đoàn nữ tính:** là bọn sắc nữ tính, có 10 sắc là sắc nữ tính, sắc mạng quyền và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN NỮ TÍNH

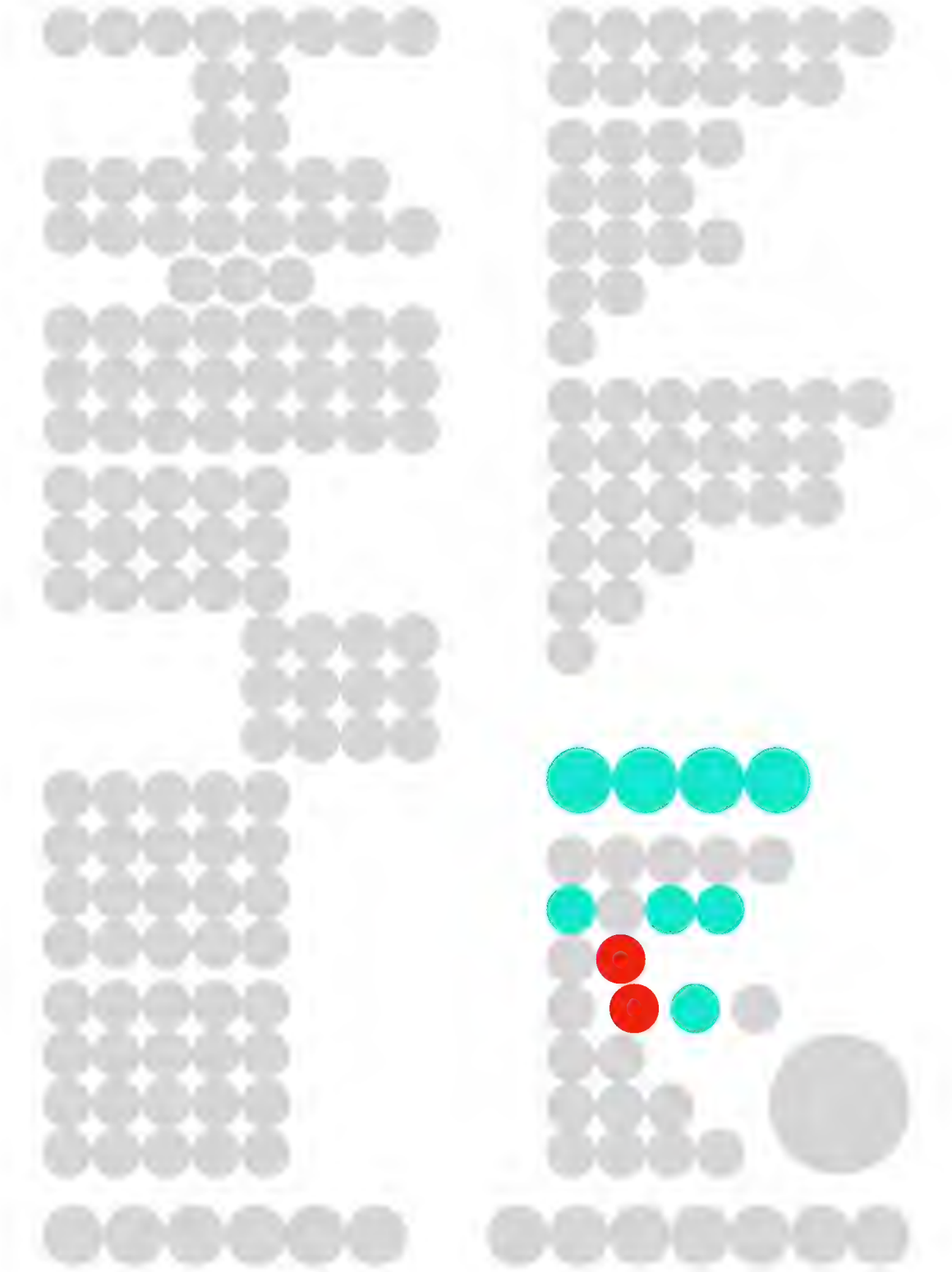

- **Đoàn mạng quyền:** có sắc là 8 sắc bất ly và sắc mạng quyền.

ĐOÀN MẠNG QUYỀN

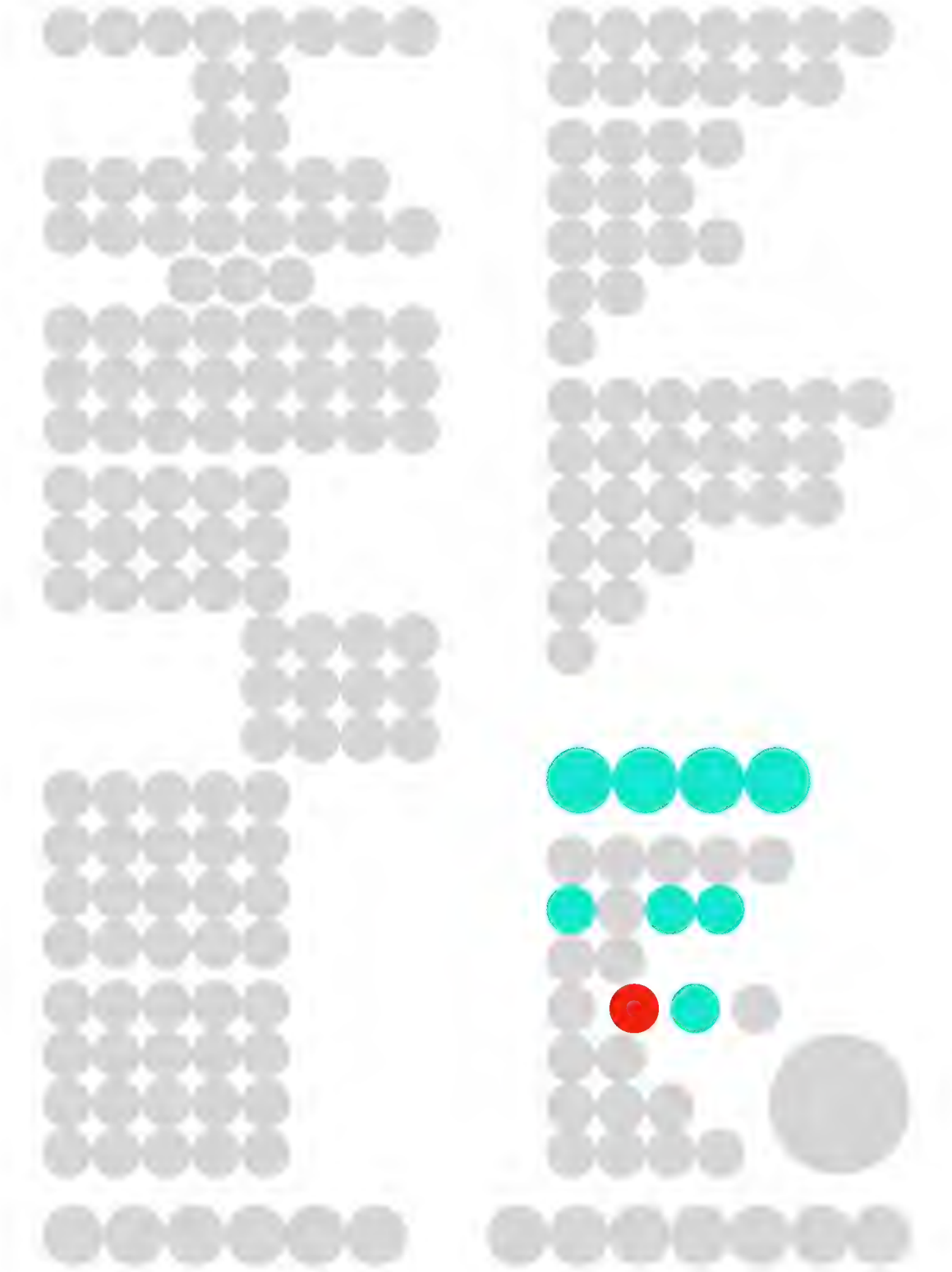

2. Sắc tâm:

Sắc tâm là sắc do tâm tạo để sai khiến sự hành động như đi, đứng, nằm, ngồi, im lặng.

Sắc do tâm tạo có 6 đoàn là:

- **Đoàn bát thuần** tức là 8 sắc bất ly.

ĐOÀN BÁT THUẦN

- **Đoàn thân biểu tri** có 9 sắc là sắc thân biểu tri và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN BIỂU TRI

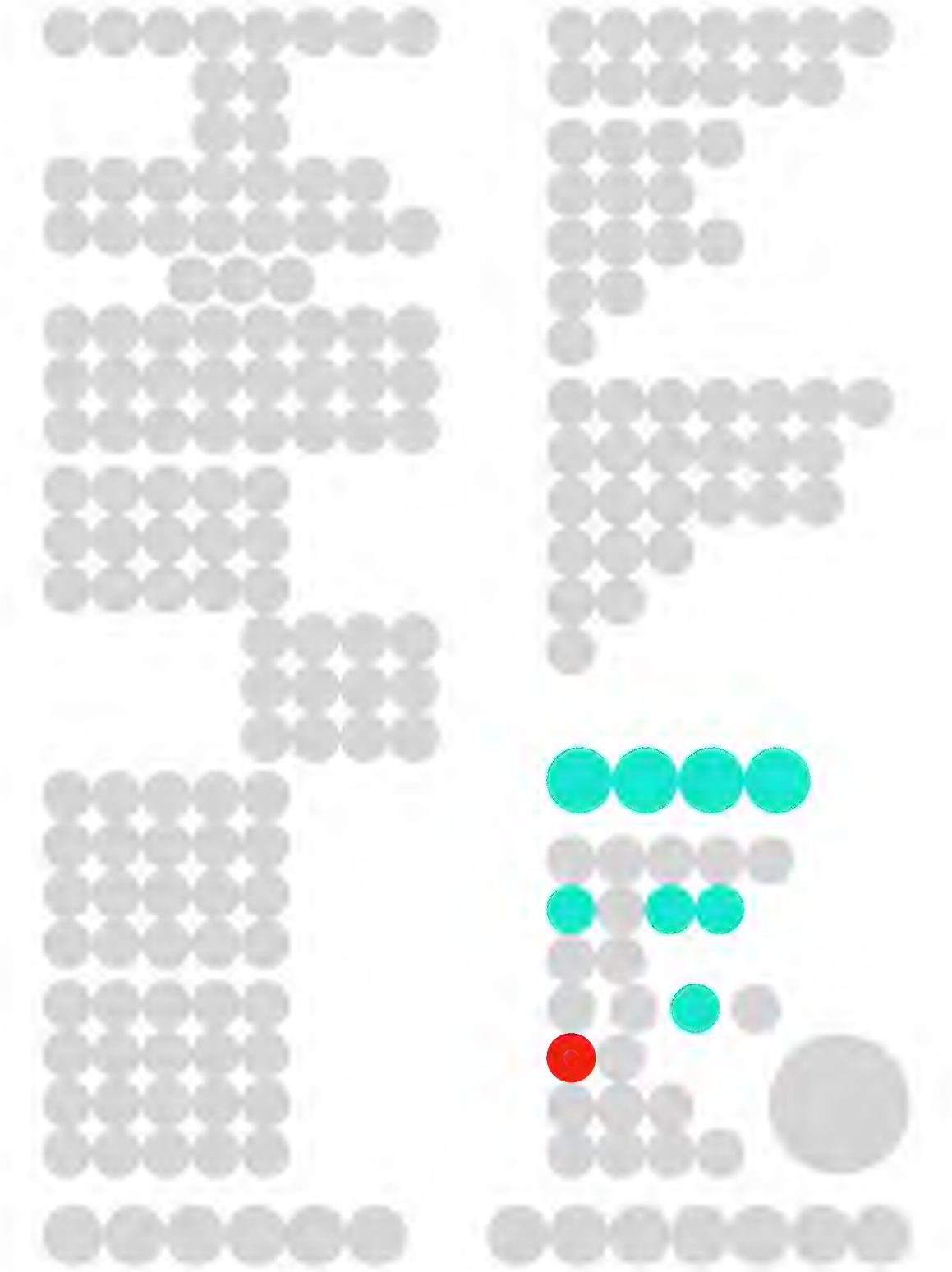

- **Đoàn khẩu biểu tri** có 10 sắc là sắc cảnh thinh, sắc khẩu biểu tri và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN KHẨU BIỂU TRI

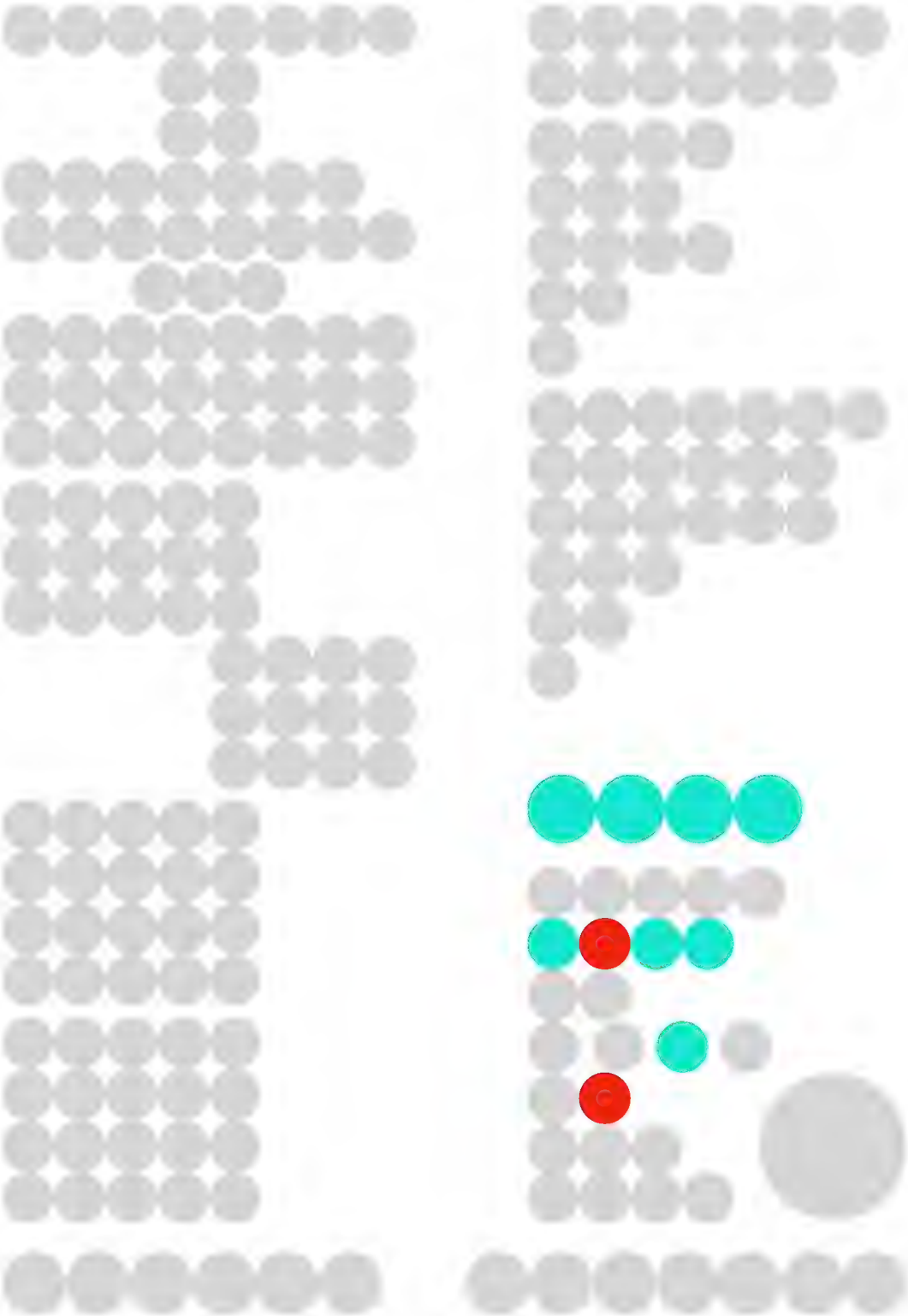

- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN ĐẶC BIỆT

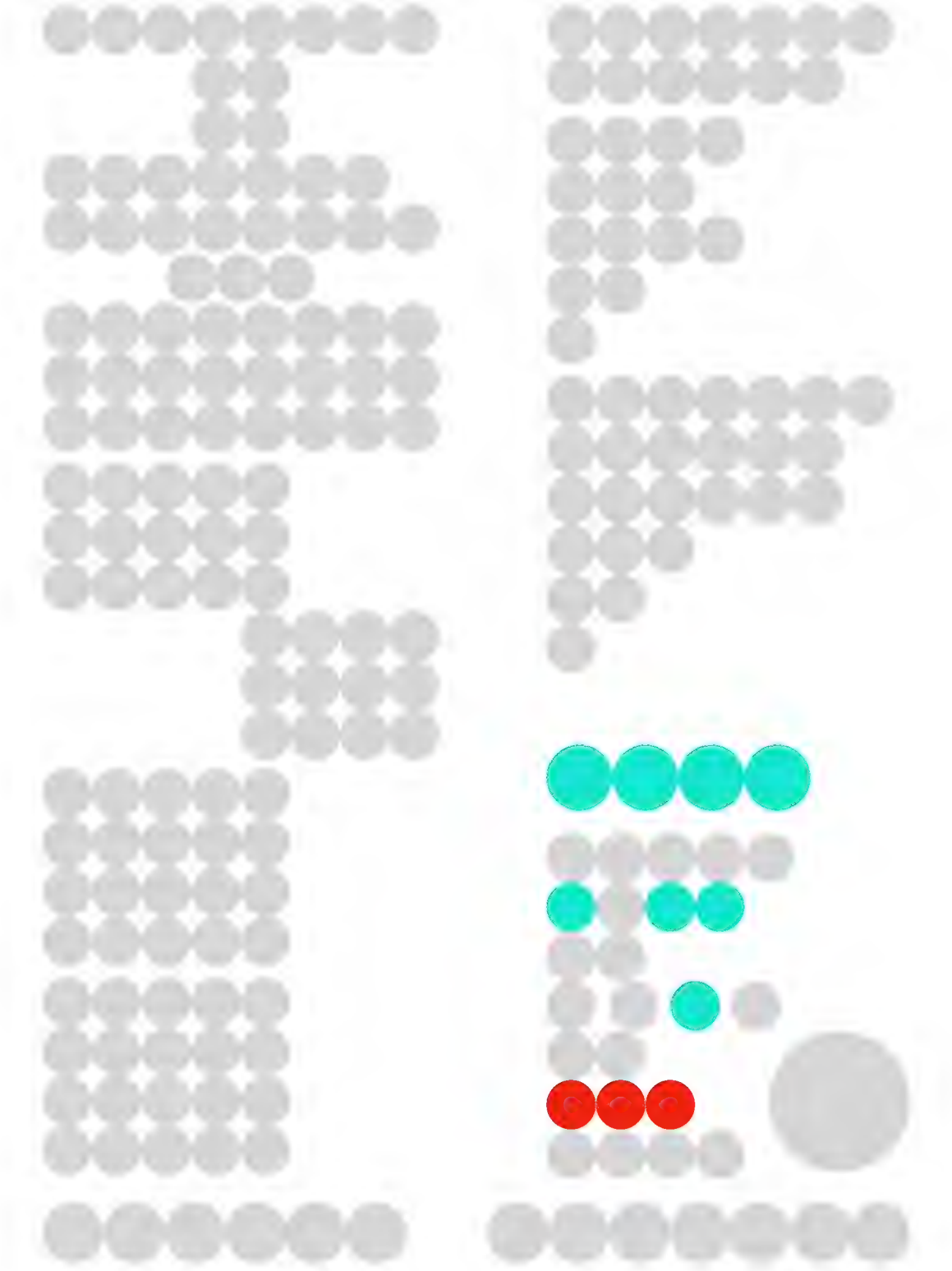

- **Đoàn thân đặc biệt** có 12 sắc là sắc thân biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THÂN ĐẶC BIỆT

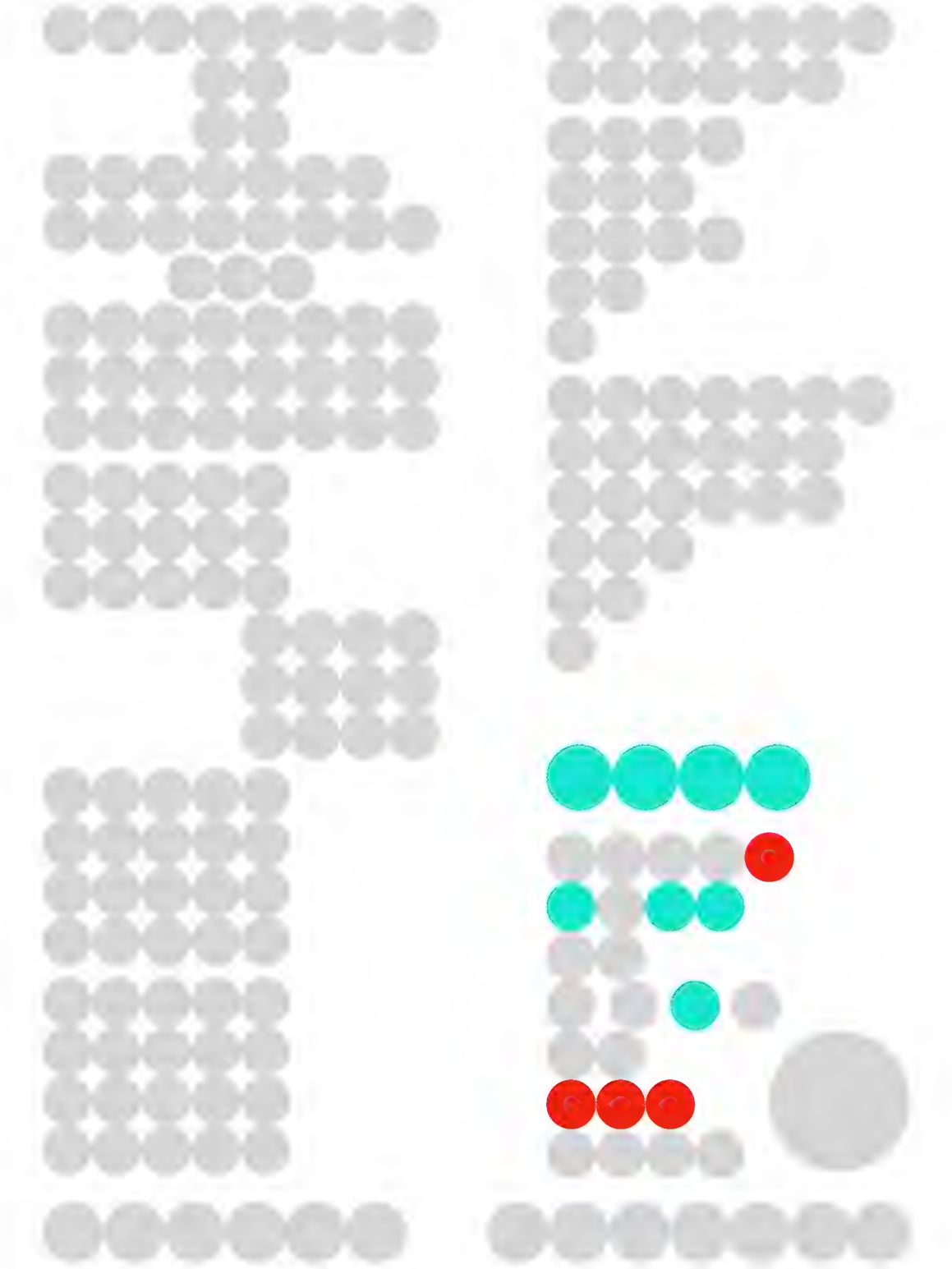

- **Đoàn khẩu thinh đặc biệt** có 13 sắc là sắc cảnh thinh, sắc khẩu biểu tri, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN KHẨU - THINH ĐẶC BIỆT

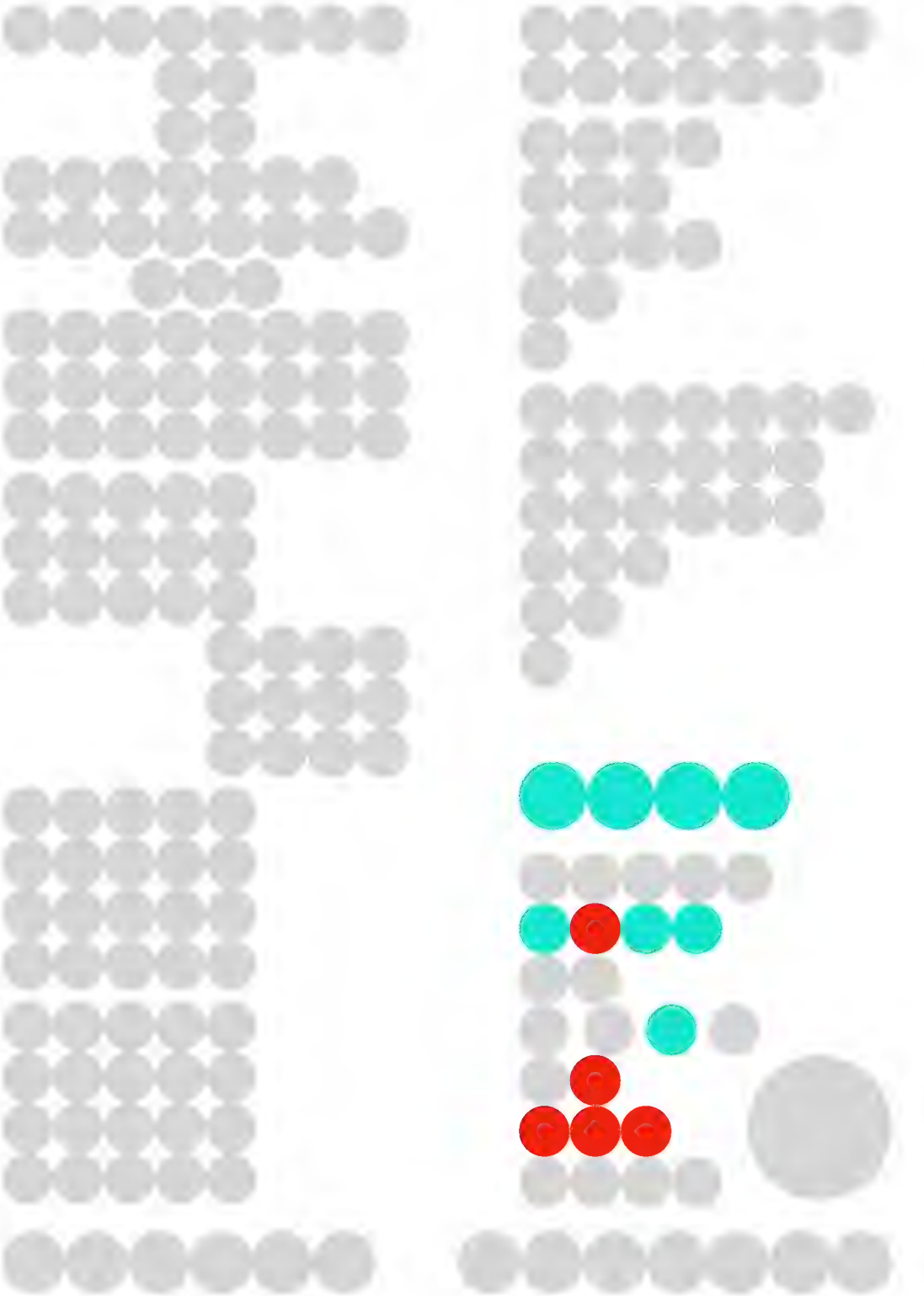

3. **Sắc âm dương:** là sắc do thời tiết nóng lạnh tạo ra, còn gọi là sắc quí tiết.

Sắc âm dương có 4 đoàn:

- **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly.

ĐOÀN BÁT THUẦN

- **Đoàn thinh** có 9 sắc là sắc cảnh thinh và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THINH

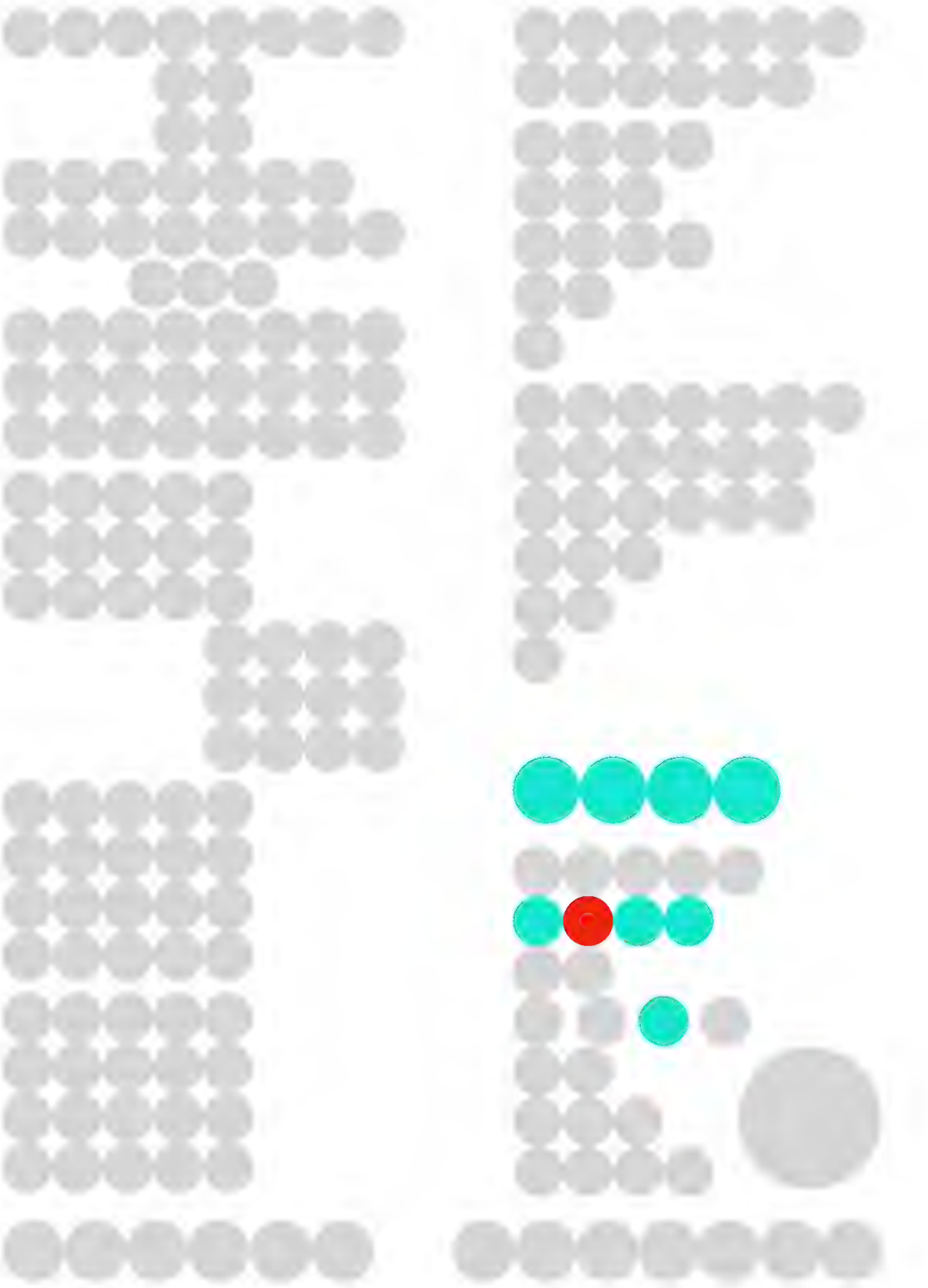

- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN ĐẶC BIỆT

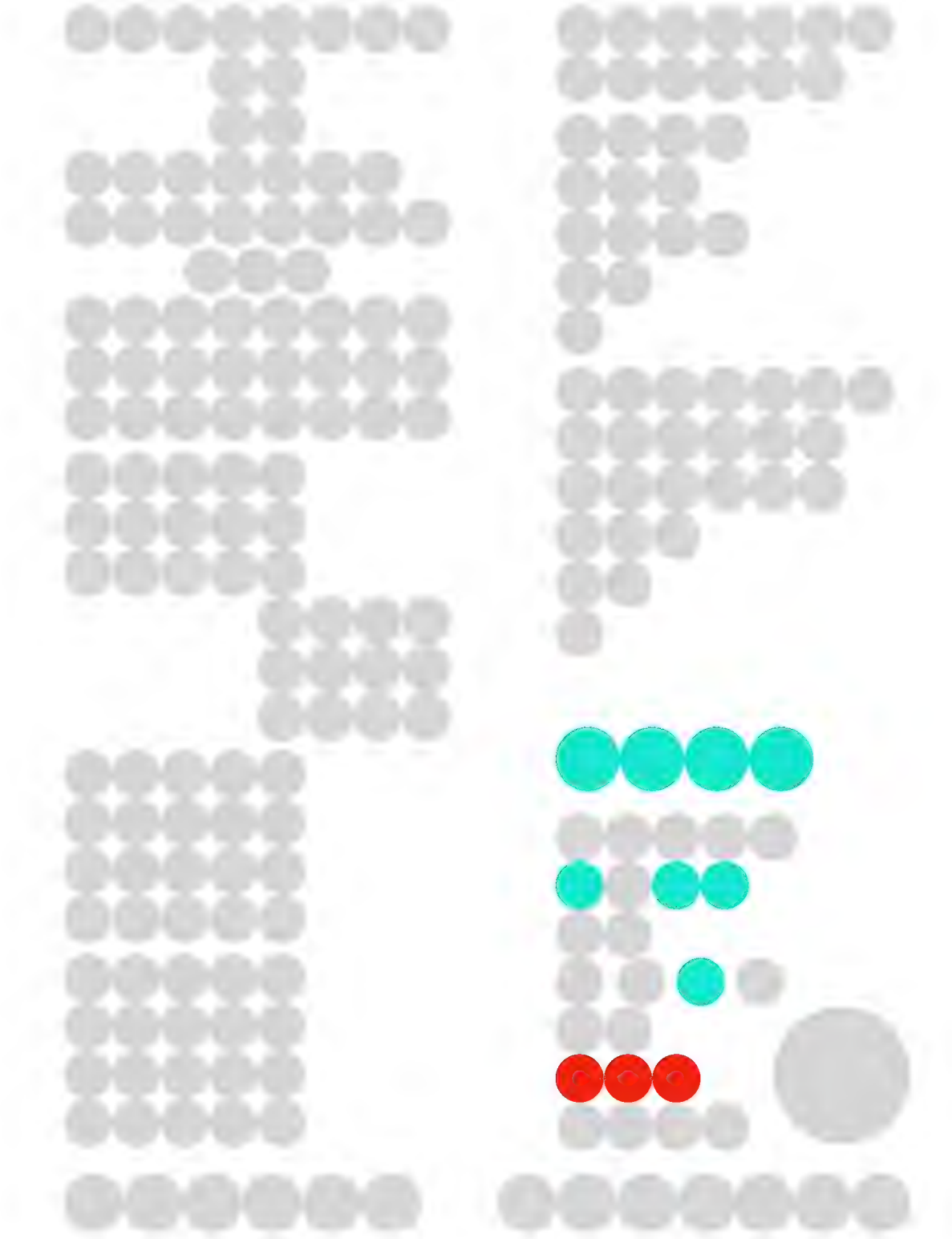

- **Đoàn thinh đặc biệt** có 12 sắc là sắc cảnh thinh, 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly.

ĐOÀN THINH ĐẶC BIỆT

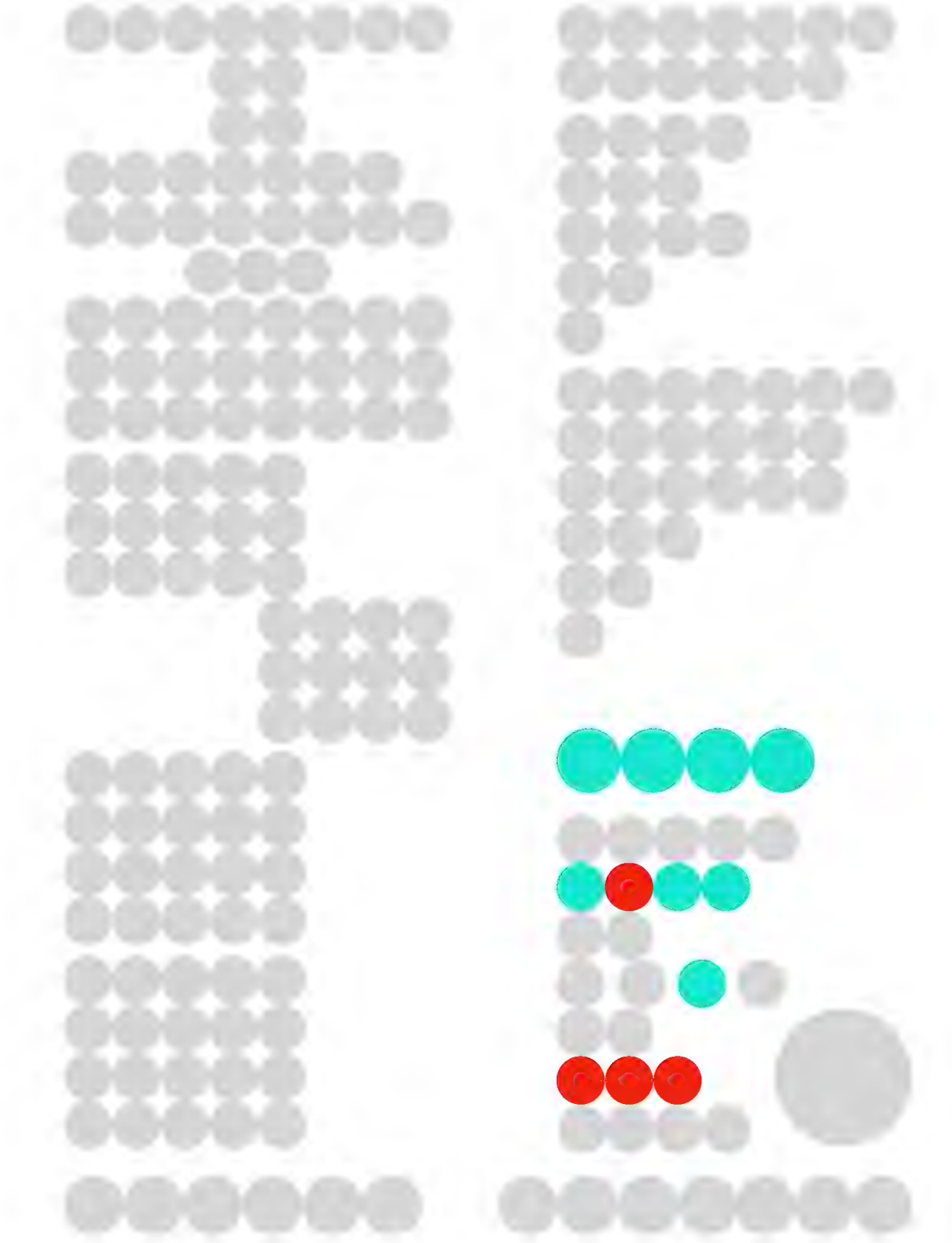

4. **Sắc vật thực:** là chất dinh dưỡng. Có 2 đoàn:

- **Đoàn bát thuần** là 8 sắc bất ly

ĐOÀN BÁT THUẦN

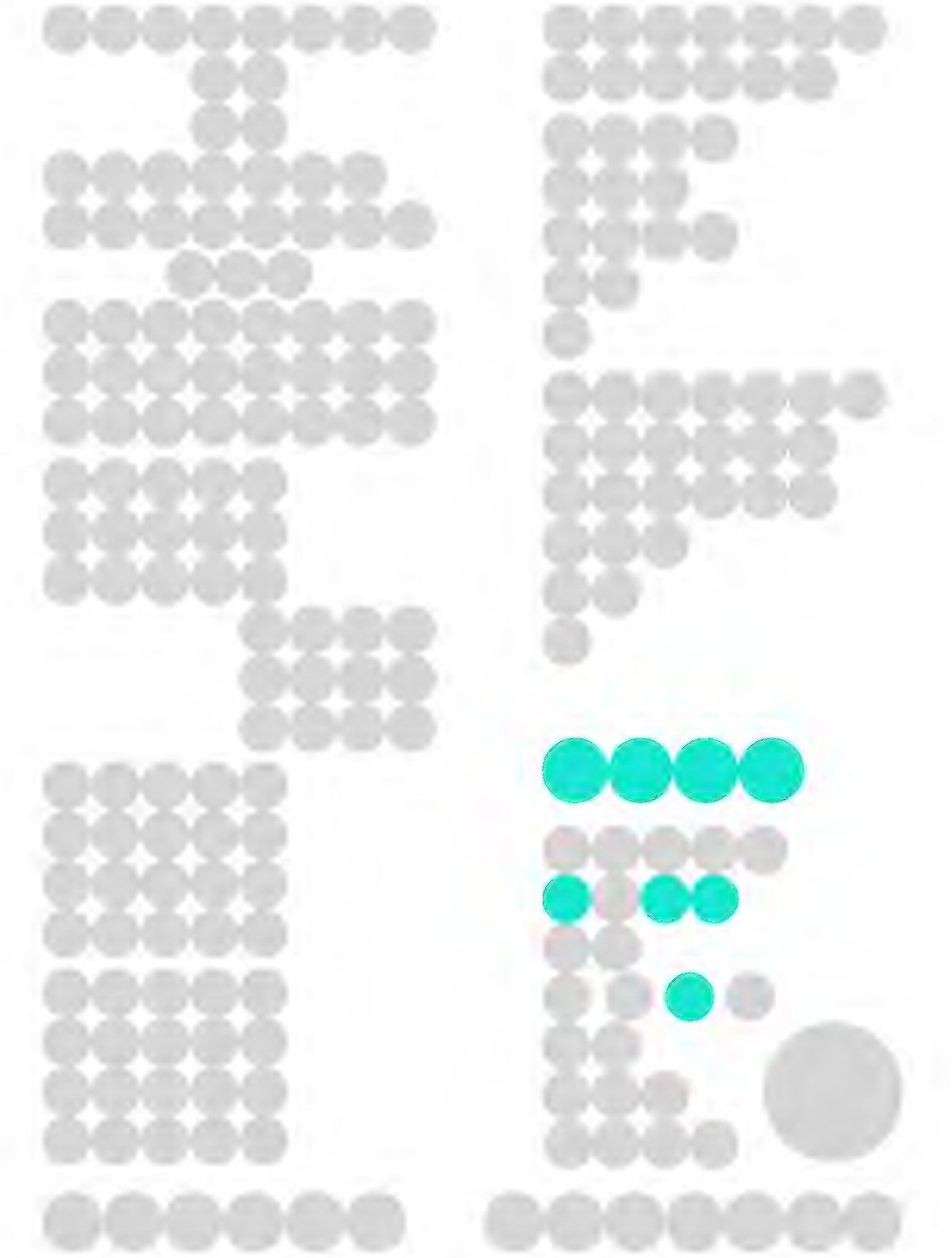

- **Đoàn đặc biệt** có 11 sắc là 3 sắc đặc biệt và 8 sắc bất ly

ĐOÀN ĐẶC BIỆT

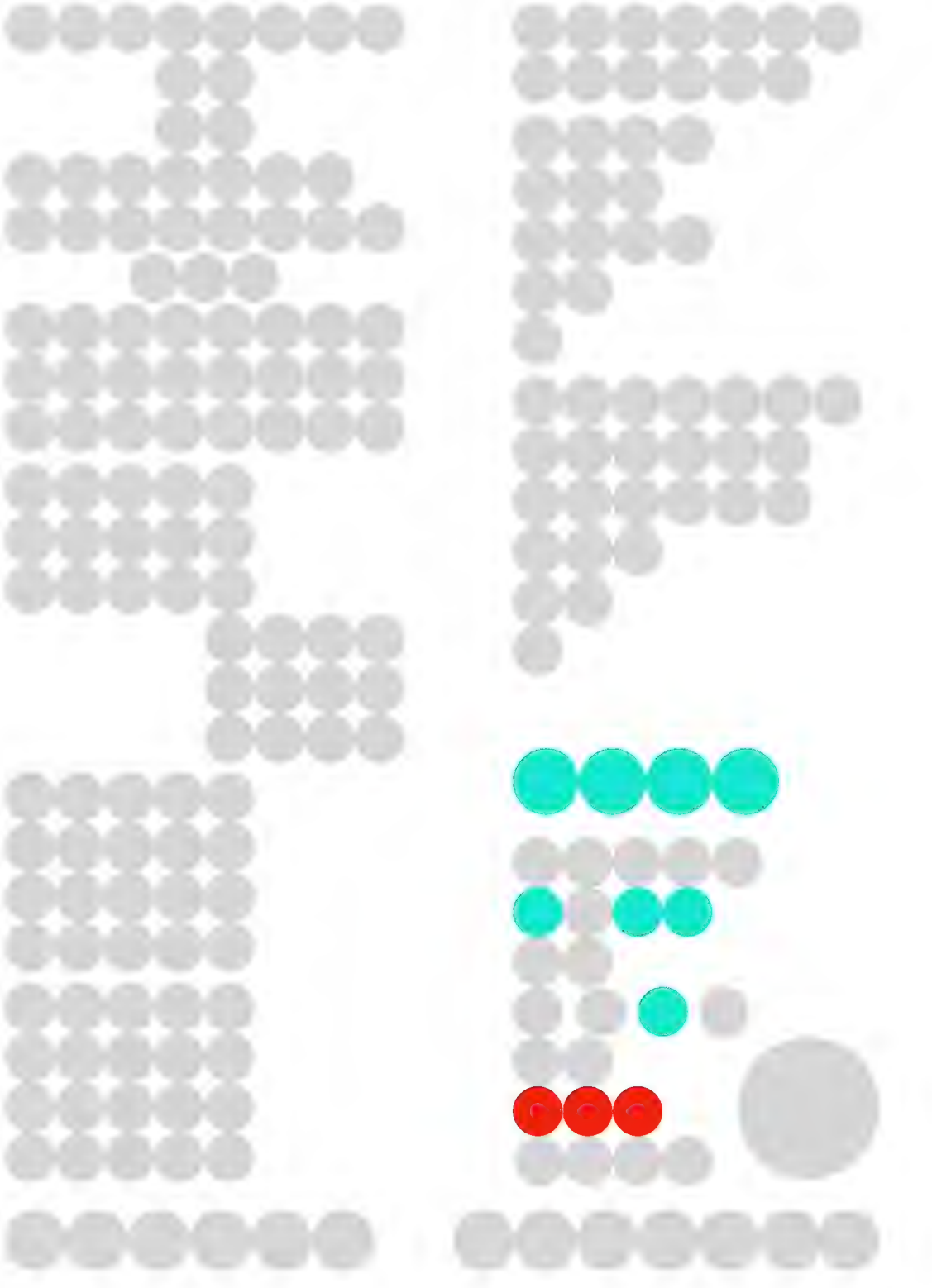

5. **Sắc tục sinh:** là sắc pháp sinh ra trong lúc tái sinh.

- Cõi dục giới hóa sanh và thấp sanh tục sinh được 7 đoàn:

    - Đoàn nhãn
    - Đoàn nhĩ
    - Đoàn tỷ
    - Đoàn thiệt
    - Đoàn thân
    - Đoàn tâm
    - Đoàn tục sinh

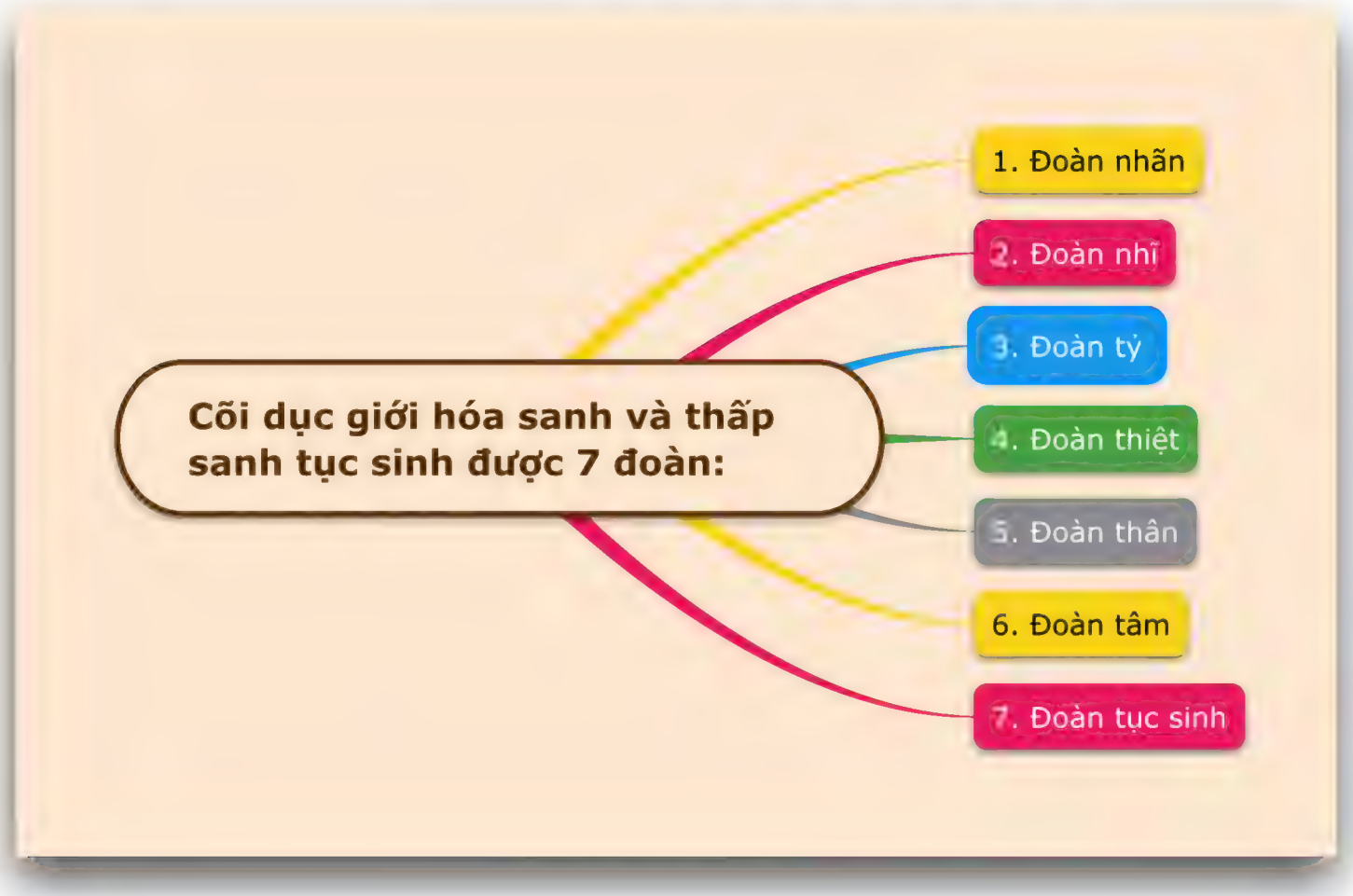
Cõi dục giới hóa sanh và thấp sanh tục sinh được 7 đoàn:
1. Đoàn nhãn
2. Đoàn nhĩ
3. Đoàn tỷ
4. Đoàn thiệt
5. Đoàn thân
6. Đoàn tâm
7. Đoàn tục sinh

- Cõi dục giới thai sanh và noãn sanh tục sinh được 3 đoàn:
    - Đoàn thân
    - Đoàn tâm
    - Đoàn sắc tính

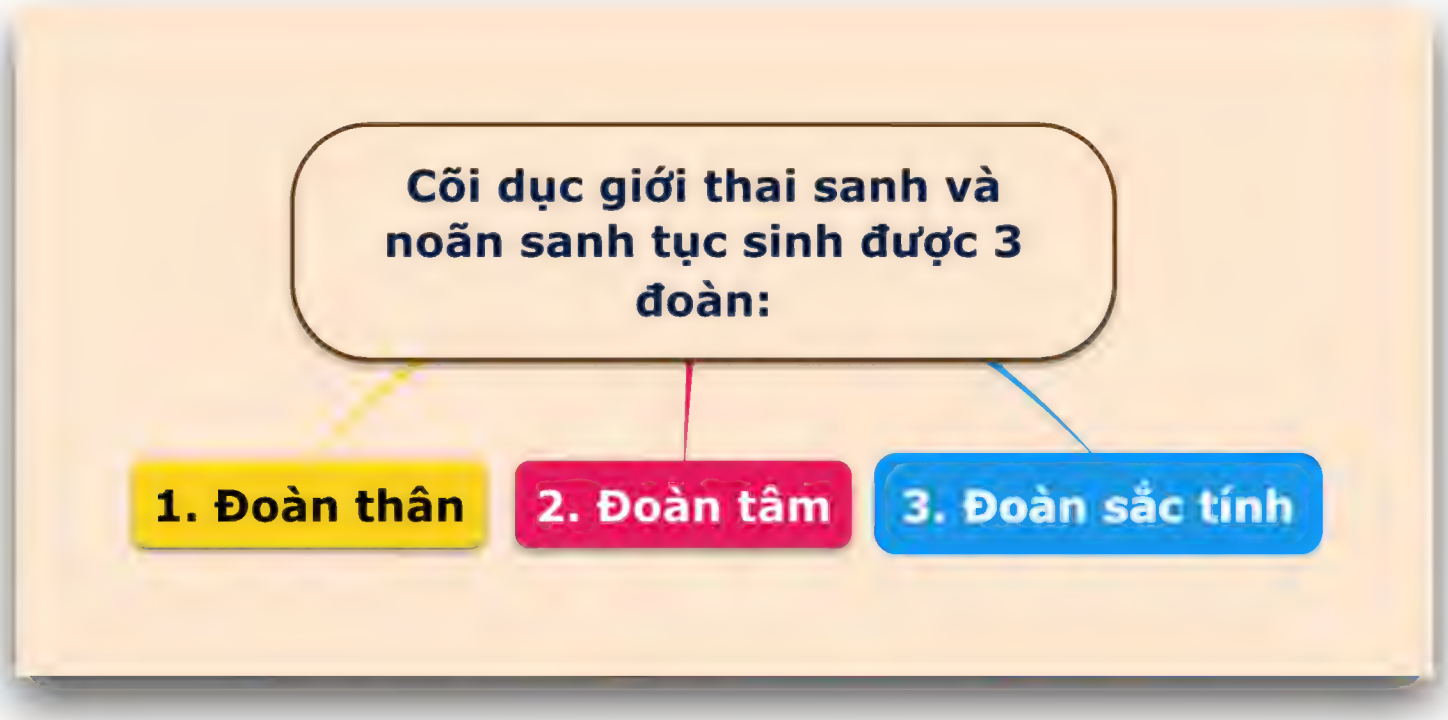

- Cõi sắc giới vô tưởng tục sinh: Chỉ có một đoàn là:
    - Đoàn mạng quyền

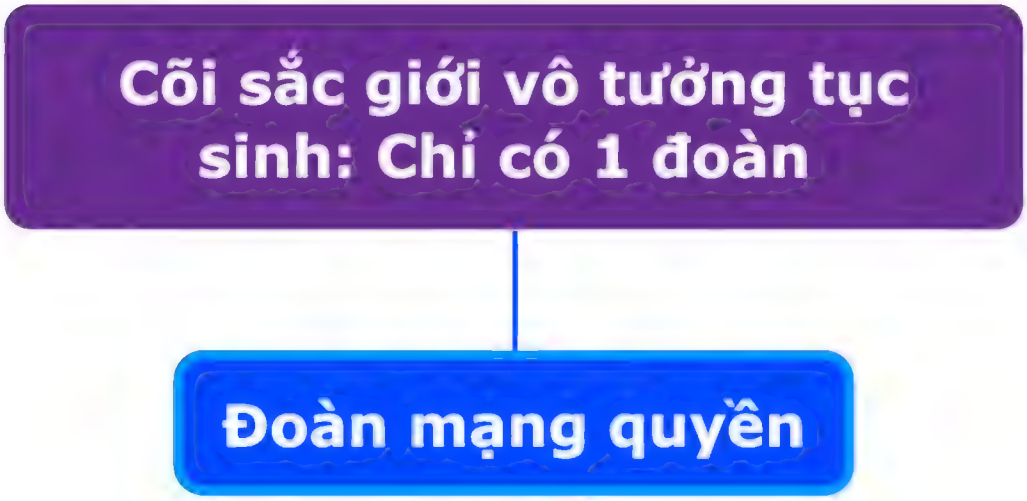

6. **Sắc bình nhật:** là sắc pháp diễn ra hằng ngày trong đời sống bình thường tức là không phải lúc tục sinh và tử.

- Cõi dục giới lúc bình nhật có đủ 28 sắc pháp.

SẮC BÌNH NHẬT CÕI DỤC GIỚI - 28

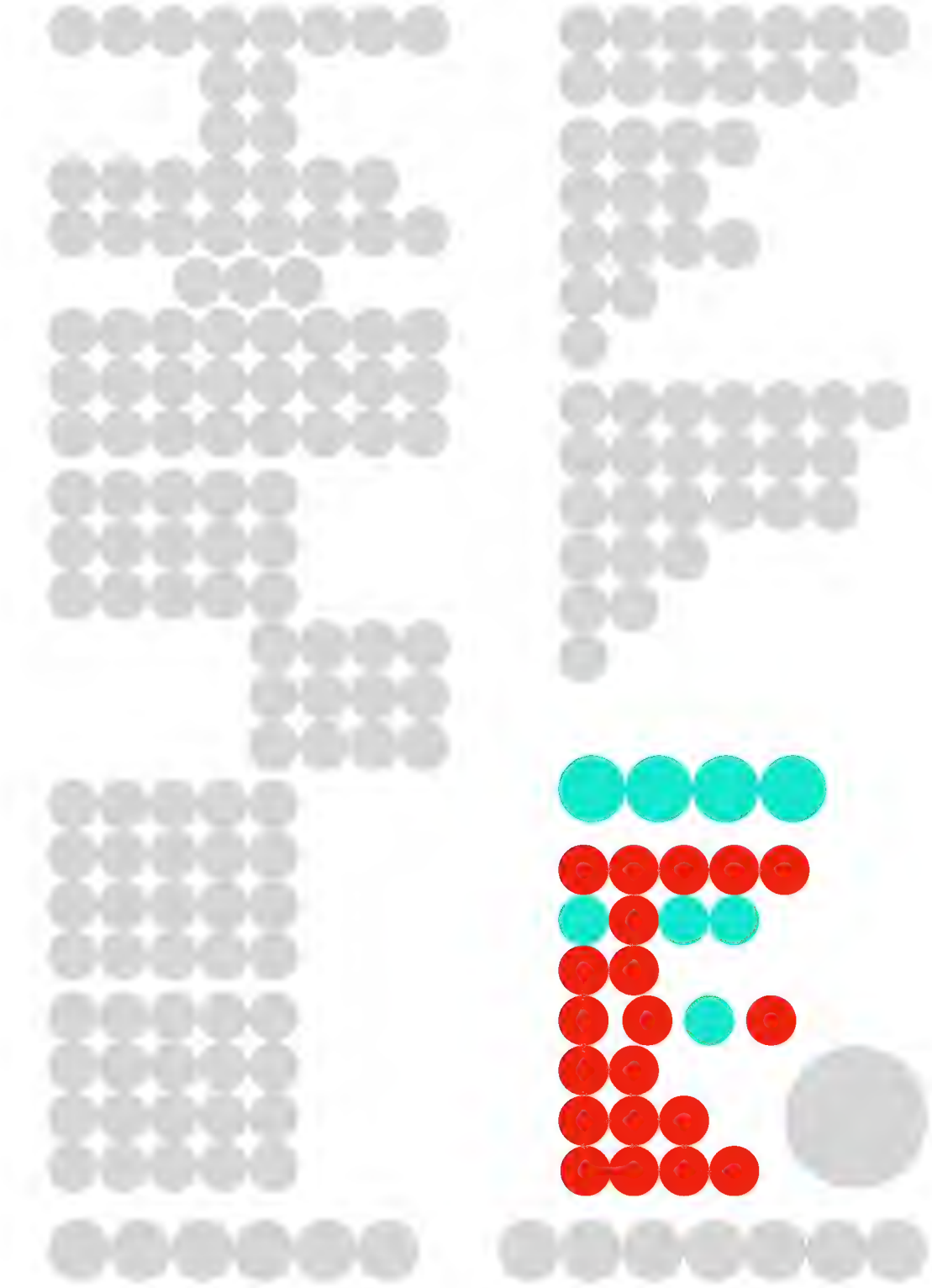

- Cõi sắc giới lúc bình nhật có 24 sắc pháp **trừ** sắc thần kinh tỷ, sắc thần kinh thiệt, sắc thần kinh thân và sắc trạng thái (sắc nam tính, nữ tính).

SẮC BÌNH NHẬT CÕI SẮC GIỚI - 24

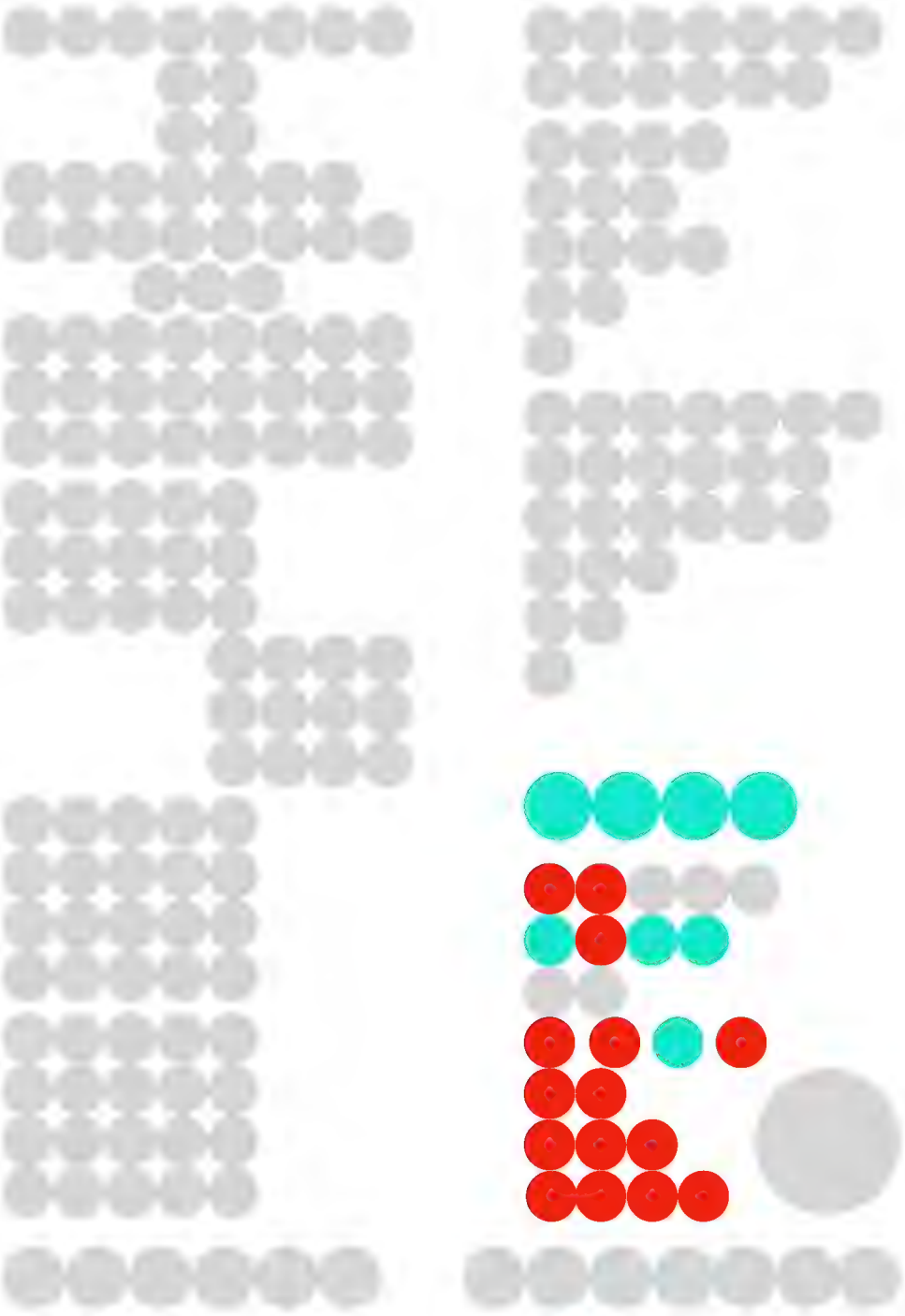

- Cõi sắc giới vô tưởng lúc bình nhật có 17 sắc pháp **trừ** 5 sắc thần kinh, 1 sắc ý vật, 2 sắc tính, 2 sắc biểu tri và 1 sắc thinh.

SẮC BÌNH NHẬT CÕI VÔ TƯỞNG - 17

7. **Sắc tâm hành động:** là sắc pháp được tâm sai khiến để hiện bày ra.

Trong 28 sắc pháp thì tâm tạo được 15 sắc pháp: đó là 8 sắc bất ly, 1 sắc cảnh thinh, 1 sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt.

SẮC DO TÂM TẠO - 15

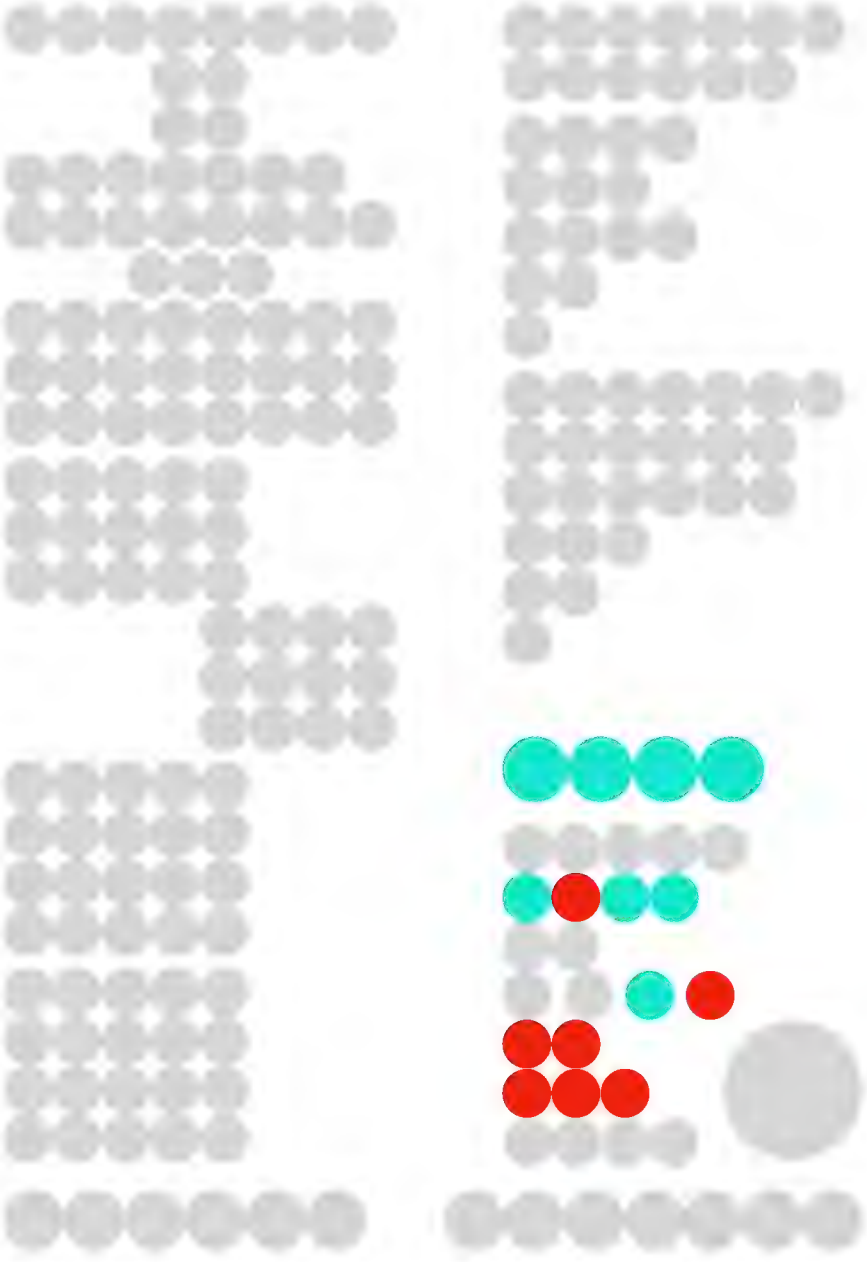

Trong 121 thứ tâm có 107 tâm tạo được sắc pháp.

TÂM TẠO ĐƯỢC SẮC PHÁP - 107

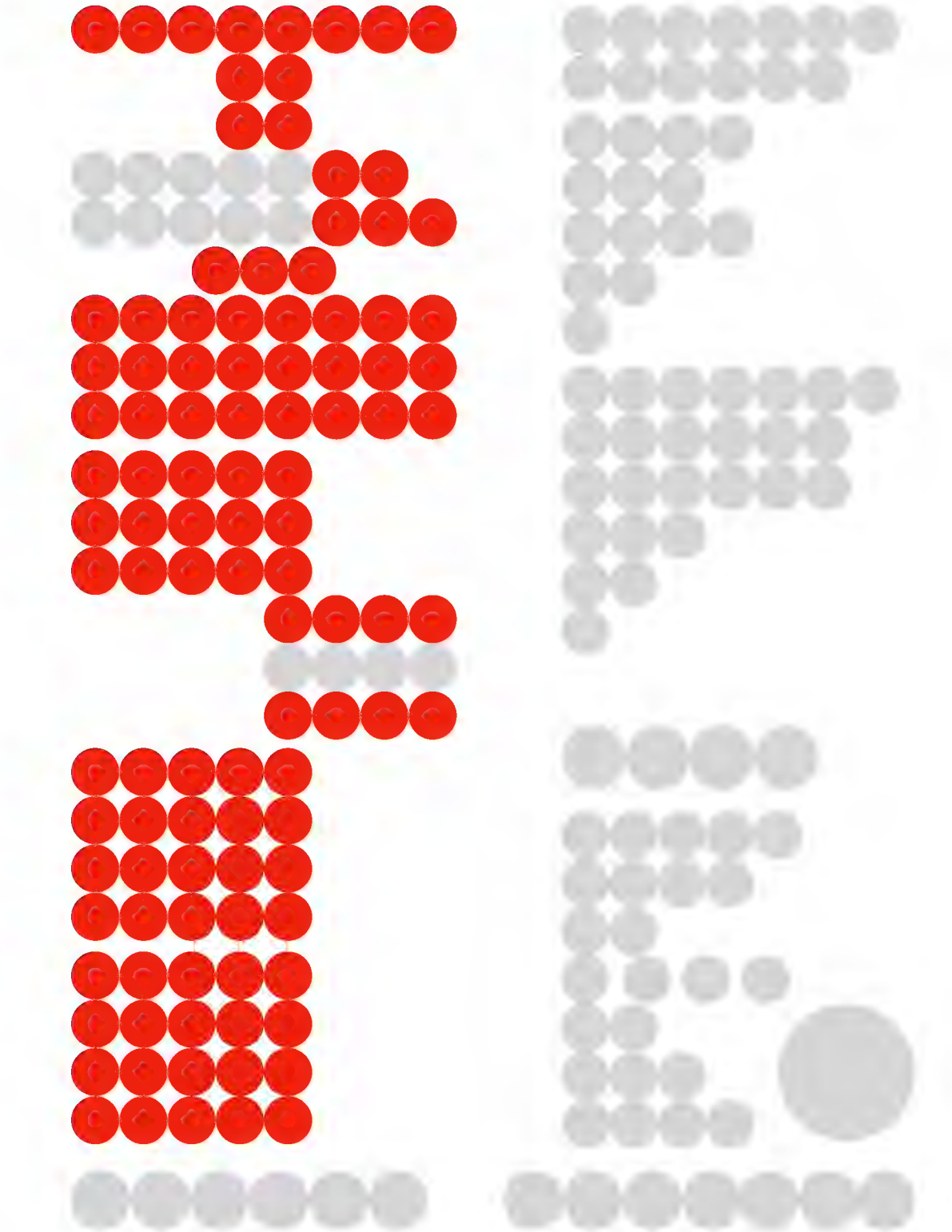

14 tâm không tạo được sắc pháp là: ngũ song thức và 4 tâm quả vô sắc.

TÂM KHÔNG TẠO ĐƯỢC SẮC PHÁP - 14

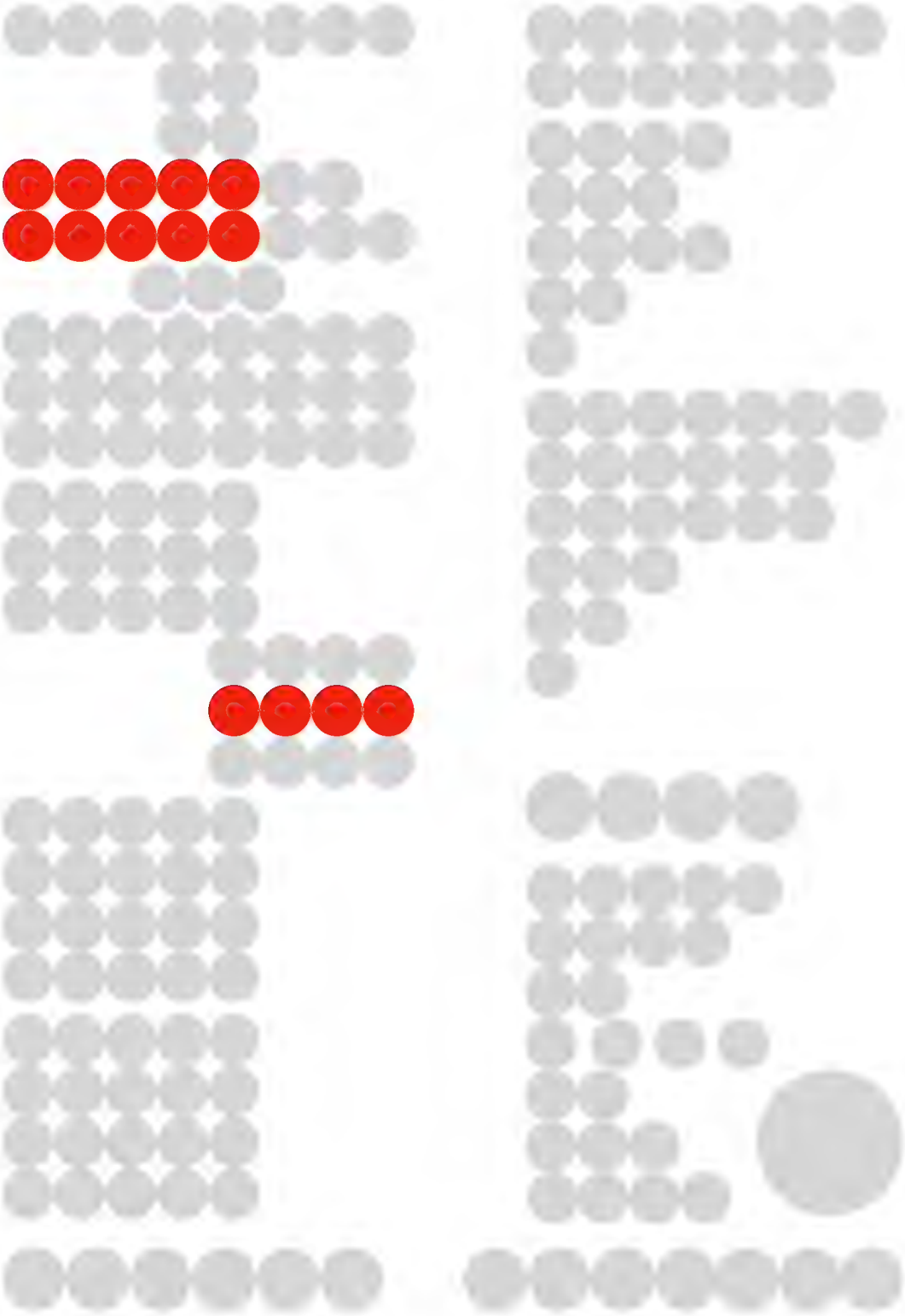

Sắc tâm hành động có 7 cách:

- Cách bình thường
- Cách cười
- Cách khóc
- Cách nói
- Cách tiểu oai nghi
- Cách đại oai nghi
- Cách kềm vững 3 đại oai nghi (trừ đi)

- Tâm làm việc khóc: 2 tâm sân

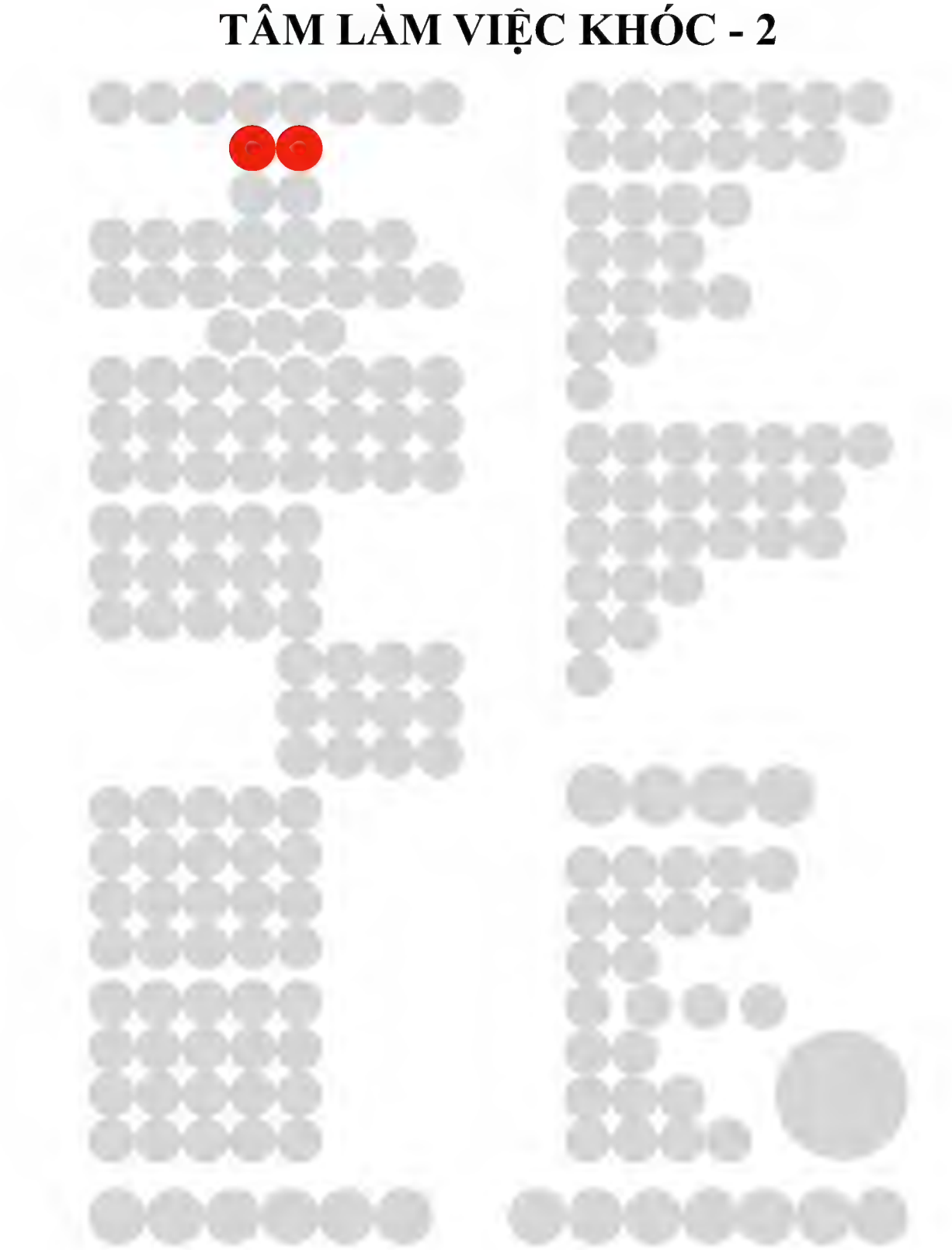

- Tâm làm việc cười: 4 tâm tham thọ hỷ, tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ, 4 tâm thiện dục giới tịnh hảo thọ hỷ, 4 tâm duy tác DGTH thọ hỷ.

TÂM LÀM VIỆC CƯỜI -13

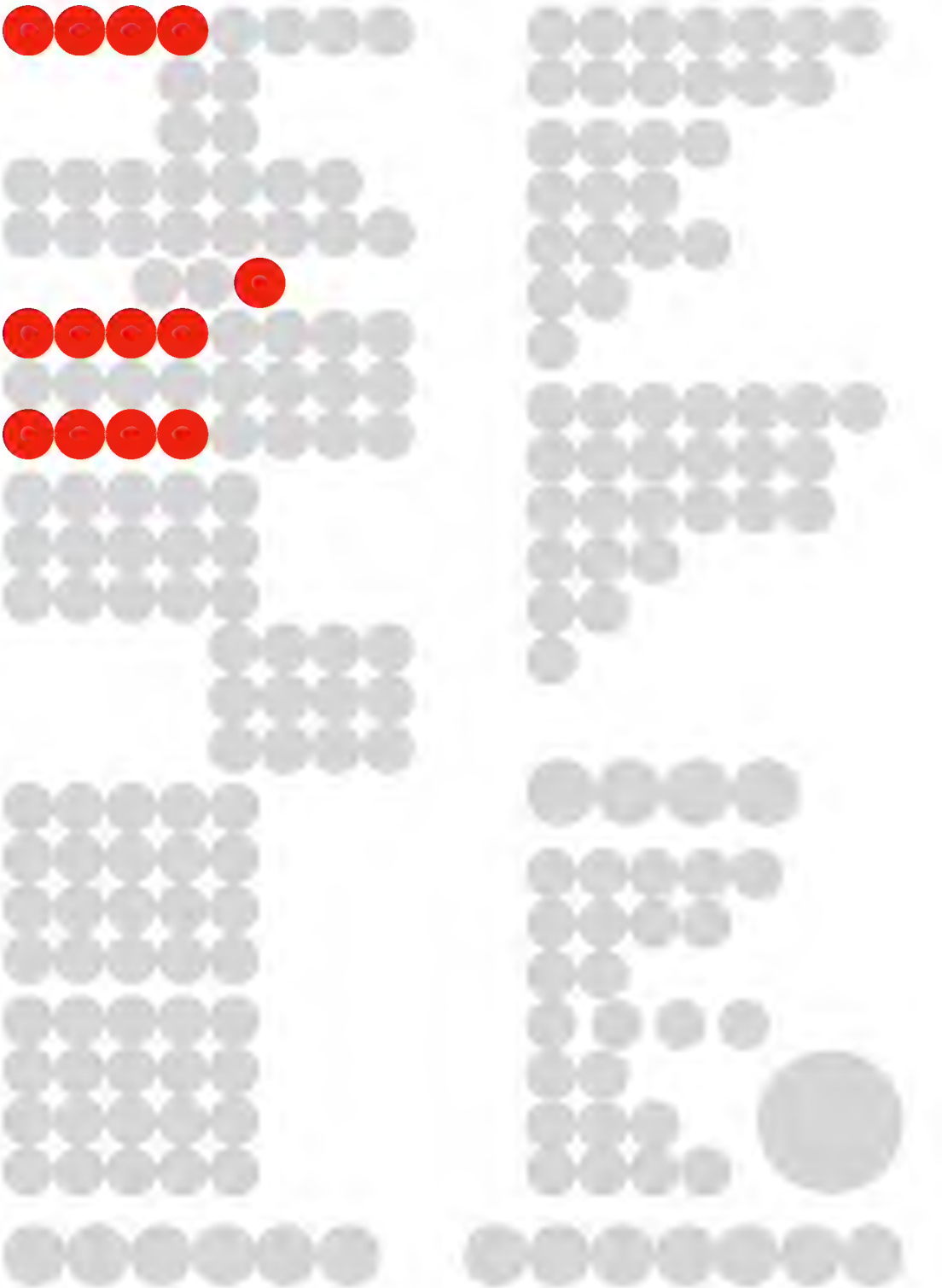

- Tâm làm việc nói: 12 tâm bất thiện, tâm khán ý môn, tâm ứng cúng vi tiếu, 2 tâm thông (diệu trí), 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH.

TÂM LÀM VIỆC NÓI - 32

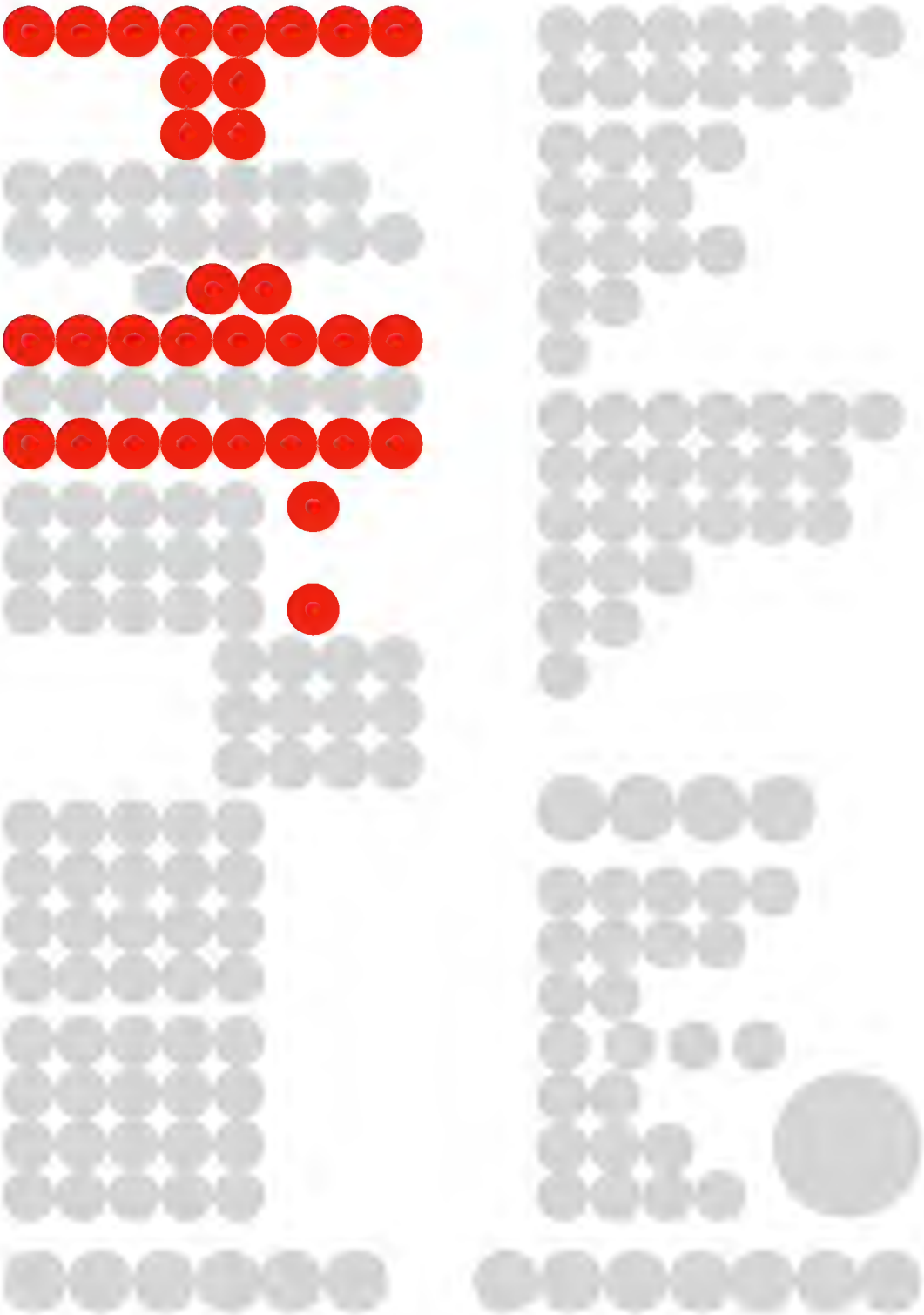

- Tâm làm việc tiểu oai nghi: những tâm như làm việc nói.

TÂM LÀM VIỆC TIỂU OAI NGHI - 32

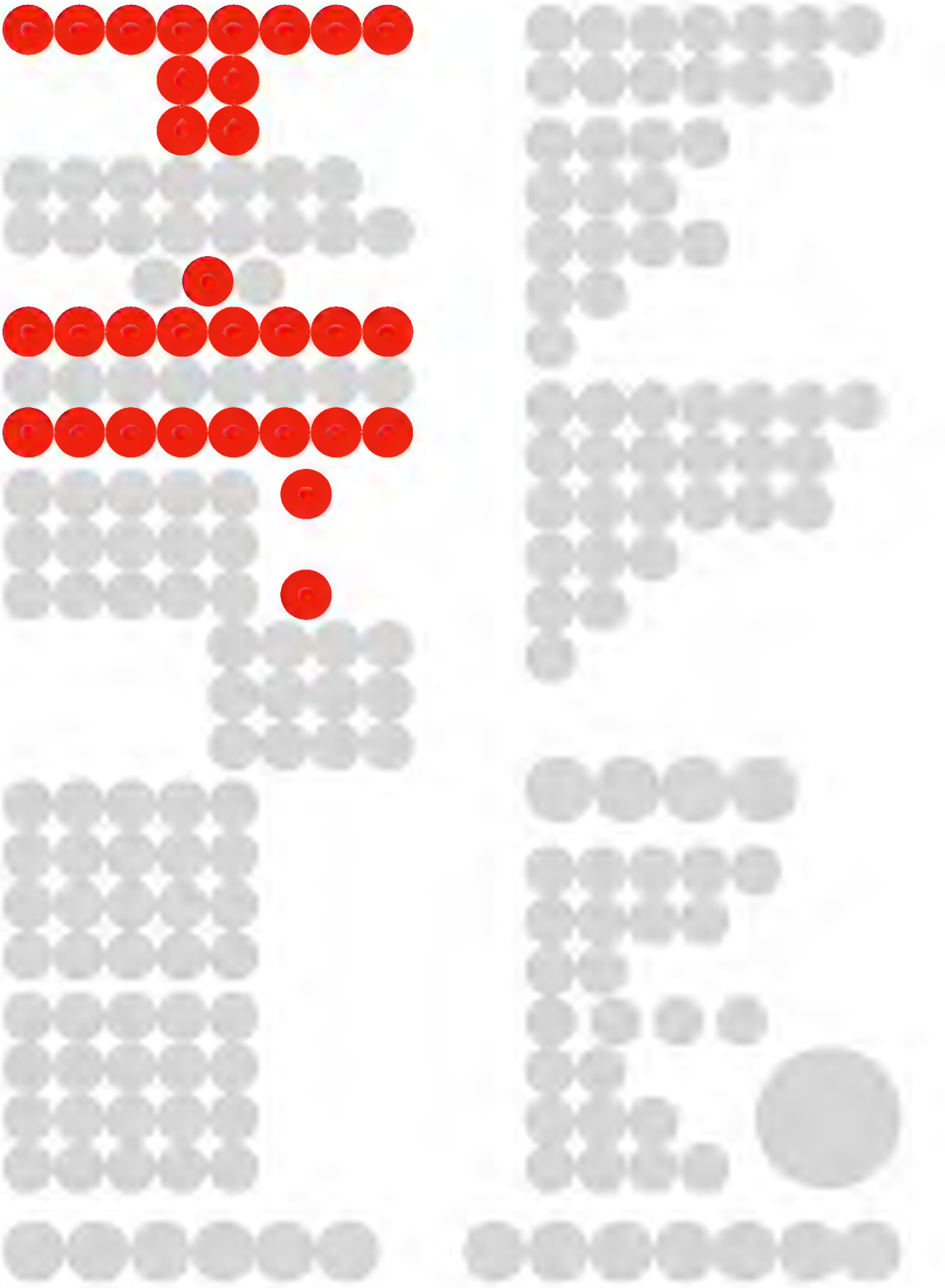

- Tâm làm việc đại oai nghi: những tâm như làm việc nói

TÂM LÀM VIỆC ĐẠI OAI NGHI - 32

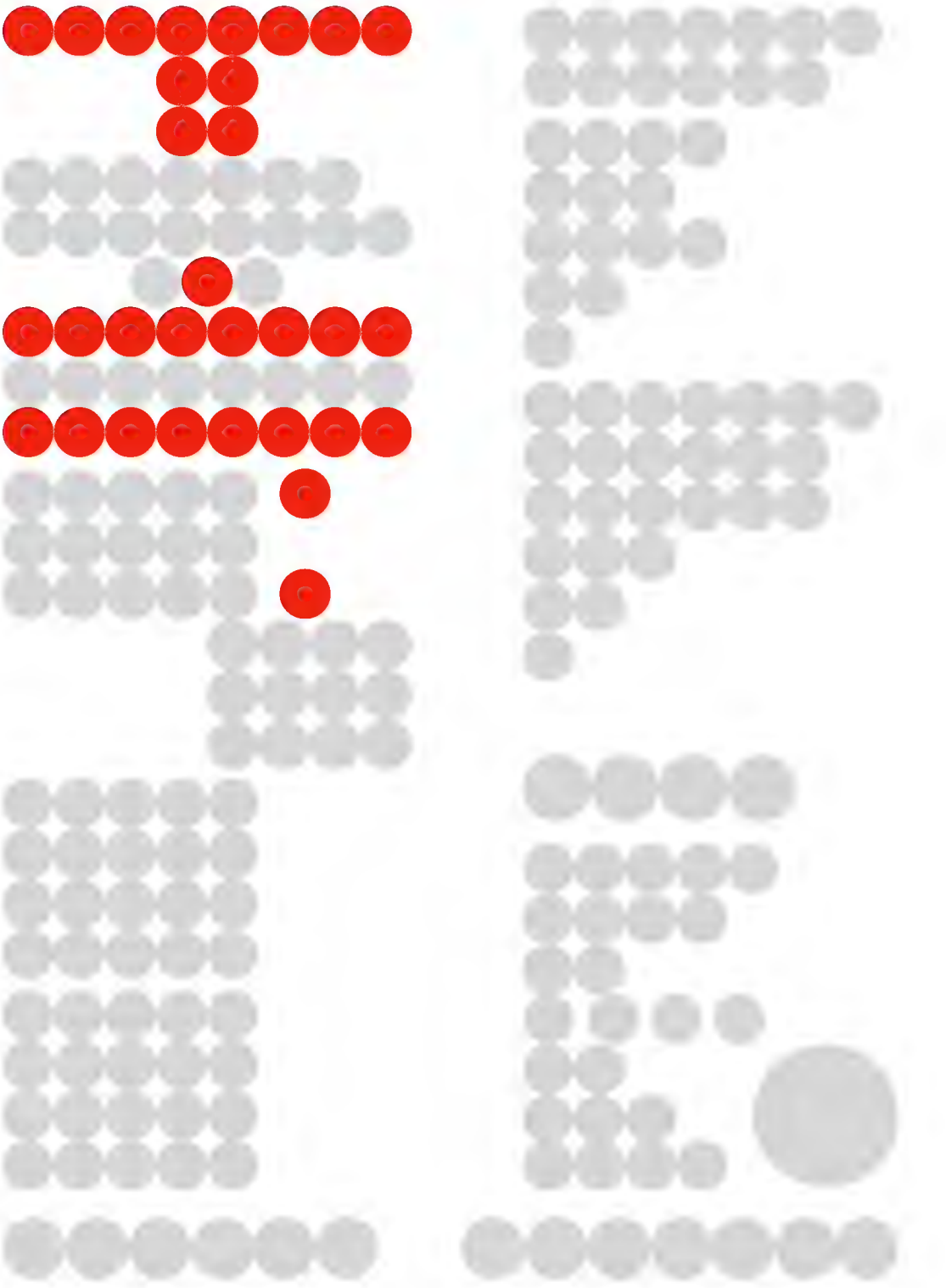

- Tâm làm việc kềm vững đại oai nghi (trừ đi): 87 tâm đồng lực và tâm khán ý môn.

TÂM LÀM VIỆC KỀM VỮNG ĐẠI OAI NGHI

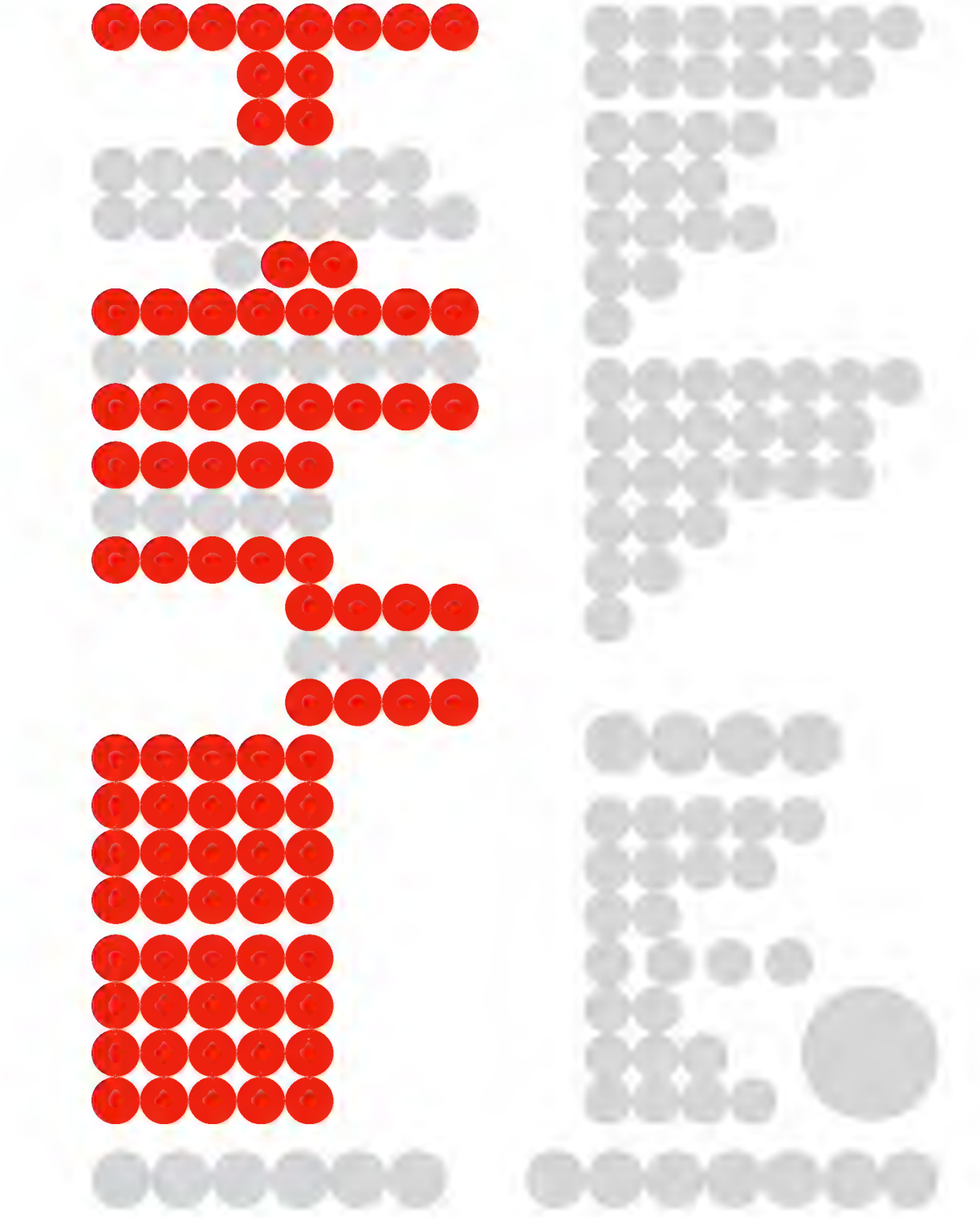

CHƯƠNG V
(BÀI 49)

LỘ SẮC

I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

Tùy theo trường hợp mà dòng tiến trình của sắc pháp được phân hạng như sau:

❖ Sắc pháp diễn tiến trong cõi dục giới.

1. Thời tục sinh:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh.

Chúng sanh trong thời tục sinh (sát na tục sinh)

chưa hiện khởi:

- bọn sắc tâm và
- bọn sắc vật thực

chỉ hiện khởi

- bọn sắc nghiệp và
- bọn sắc âm dương.

Đối với loại thai sanh và noãn sanh trong thời tục sinh hiện khởi **3 bọn sắc nghiệp** là:

- bọn sắc thần kinh thân,
- bọn sắc tính,
- bọn sắc ý vật.

Bọn sắc âm dương khởi lên trễ hơn 1 sát na tiểu tức là xuất hiện vào sát na trụ của tâm tục sinh.

Sau khi thụ thai 1 tuần lễ thì **sắc mạng quyền** bắt đầu khởi lên.

Sau khi thụ thai tuần thứ 2 thì **sắc vật thực** cũng tăng theo thời gian tức là mỗi sát na tiểu sanh thêm 1 bọn.

Tính từ lúc thụ thai đến tuần lễ thứ 11 thì sắc nghiệp tăng thêm 4 thứ sắc thần kinh đó là thần kinh nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt.

Từ khi có đủ 5 sắc thần kinh thì **ngũ song thức** có thể sanh bất cứ lúc nào.

b. Đối với loài thấp sanh và hóa sanh.

Các vị chư thiên, phi nhơn cõi dục giới và các hữu tình thấp sanh vào thời tục sinh cũng chỉ xuất hiện sắc nghiệp và sắc âm dương.

2. Thời bình nhật:

a. **Đối với loài thai sanh và noãn sanh:**
Vào thời bình nhật sau khi tục sinh được 1 tuần lễ thì sắc nghiệp bọn mạng quyền sanh khởi sau đó 11 tuần lễ thì các bọn sắc nghiệp là bọn nhãn, bọn nhĩ, bọn tỷ, bọn thiệt mới sanh khởi đầy đủ.
Bọn sắc tâm bắt đầu xuất hiện kể từ sát na thứ 2 của kiếp sống tức là vào sát na tâm hộ kiếp đầu tiên sau tâm tục sinh.
Sắc vật thực trong thời bình nhật khi cơ thể hấp thu được dưỡng tố do vật thực ngoại tạo ra do đó thời gian bất định.

b. **Đối với hóa sanh và thấp sanh**.
Sắc pháp thời bình nhật của hóa sanh và thấp sanh xuất hiện lúc tục sinh đã gần đủ về sắc nghiệp, sắc âm dương còn sắc tâm thì trễ hơn 1 sát na, sắc vật thực thì khi có sự hấp thu vật thực ngoại thì sẽ xuất hiện.

3. Thời tử:

a. **Đối với cơ thể của loài thai sanh và noãn sanh:**
Kể từ sát na thứ 17 trước khi khởi lên tâm tử sắc nghiệp bắt đầu ngưng phát triển và giảm bình số dần dần cho đến khi tâm tử diệt mất thì sắc nghiệp cũng đồng thời diệt mất. Sắc âm dương ảnh hưởng sắc nghiệp cũng theo tình trạng đó.

Trong thời cận tử bọn sắc tâm và bọn sắc vật thực vẫn không suy giảm, chúng chỉ giảm khi tâm tử đã diệt và tự chấm dứt.

b. **Đối với loài hóa sanh thấp sanh**.
Loài thấp sanh vẫn là sắc thô nên giống như loài thai sanh và noãn sanh.
Loài hóa sanh giống như ngọn đèn tắt không có dấu hiệu suy giảm của sắc pháp trước đó.

- **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới hữu tưởng** (tự xem tài liệu)

- **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới vô tưởng.**

Phạm thiên cõi vô tưởng khi tục sinh chỉ có 1 bọn sắc nghiệp là bọn mạng quyền
Bình nhật ở cõi vô tưởng cũng chỉ có sắc nghiệp và sắc âm dương sắc pháp.
Thời tử ở cõi sắc giới cũng không có hiện tượng diệt giảm chỉ là tự nhiên biến mất.

❖ Lộ sắc ở cõi vô sắc: không có

==***==

Hết bài số 49
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 22/04/2020 (30/3ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VI

SƠ ĐỒ LỘ SẮC

I. Định nghĩa:

Lộ sắc là dòng tiến trình của sắc pháp luôn luôn sanh diệt như tâm pháp nhưng chậm hơn tâm pháp 17 lần.

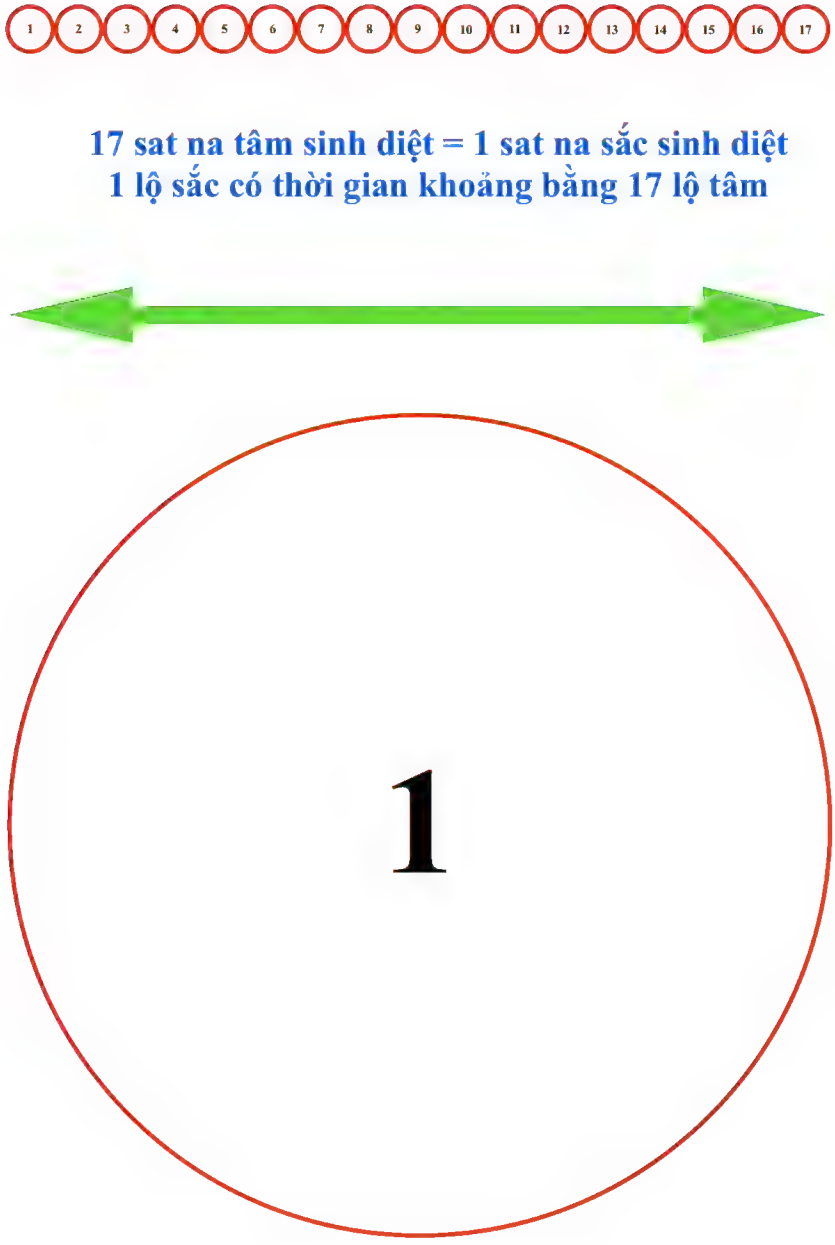

Tùy theo trường hợp mà dòng tiến trình của sắc pháp được phân loại như sau:

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi dục giới.**

1. Thời tục sinh:

a. Đối với loài thai sanh và noãn sanh.

Chúng sanh trong thời tục sinh (sát na tục sinh)

chưa hiện khởi:

- bọn sắc tâm và
- bọn sắc vật thực

chỉ hiện khởi

- bọn sắc nghiệp và
- bọn sắc âm dương.

Đối với loại thai sanh và noãn sanh trong thời tục sinh hiện khởi **3 bọn sắc nghiệp** là:

- bọn sắc thần kinh thân,
- bọn sắc tính,

- bọn sắc ý vật.

Bọn sắc âm dương khởi lên trễ hơn 1 sát na tiểu tức là xuất hiện vào sát na trụ của tâm tục sinh.

THỜI TỤC SINH ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH

TÂM TỤC SINH

	SÁT NA SINH	SÁT NA TRỤ	SÁT NA DIỆT	SAU 1 TUẦN LỄ	SAU 2 TUẦN LỄ	TUẦN THỨ 11	KHI CÓ ĐỦ 5 SẮC THẦN KINH
BỌN SẮC THẦN KINH THÂN BỌN SẮC TÍNH BỌN SẮC Ý VẬT	+						
BỌN SẮC ÂM DƯƠNG		+					
BỌN SẮC MẠNG QUYỀN				+			
BỌN SẮC VẬT THỰC					+		
BỌN SẮC NGHIỆP						+	
NGŨ SONG THỨC							+

Sau khi thụ thai 1 tuần lễ thì **sắc mạng quyền** bắt đầu khởi lên.

Sau khi thụ thai tuần thứ 2 thì **sắc vật thực** cũng tăng theo thời gian tức là mỗi sát na tiểu sanh thêm 1 bọn.

Tính từ lúc thụ thai đến tuần lễ thứ 11 thì sắc nghiệp tăng thêm 4 thứ sắc thần kinh đó là thần kinh nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt.

Từ khi có đủ 5 sắc thần kinh thì **ngũ song thức** có thể sanh bất cứ lúc nào.

b. Đối với loài thấp sanh và hóa sanh.

Các vị chư thiên, phi nhơn cõi dục giới và các hữu tình thấp sanh vào thời tục sinh cũng chỉ xuất hiện sắc nghiệp và sắc âm dương.

2. Thời bình nhật:

a. **Đối với loài thai sanh và noãn sanh:**

Vào thời bình nhật sau khi tục sinh được 1 tuần lễ thì sắc nghiệp, bọn mạng quyền sanh khởi sau đó 11 tuần lễ thì các bọn sắc nghiệp là bọn nhãn, bọn nhĩ, bọn tỷ, bọn thiệt mới sanh khởi đầy đủ.

Bọn sắc tâm bắt đầu xuất hiện kể từ sát na thứ 2 của kiếp sống tức là vào sát na tâm hộ kiếp đầu tiên sau tâm tục sinh.

Sắc vật thực trong thời bình nhật khi cơ thể hấp thu được dưỡng tố do vật thực ngoại tạo ra do đó thời gian bất định.

THỜI BÌNH NHẬT ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH

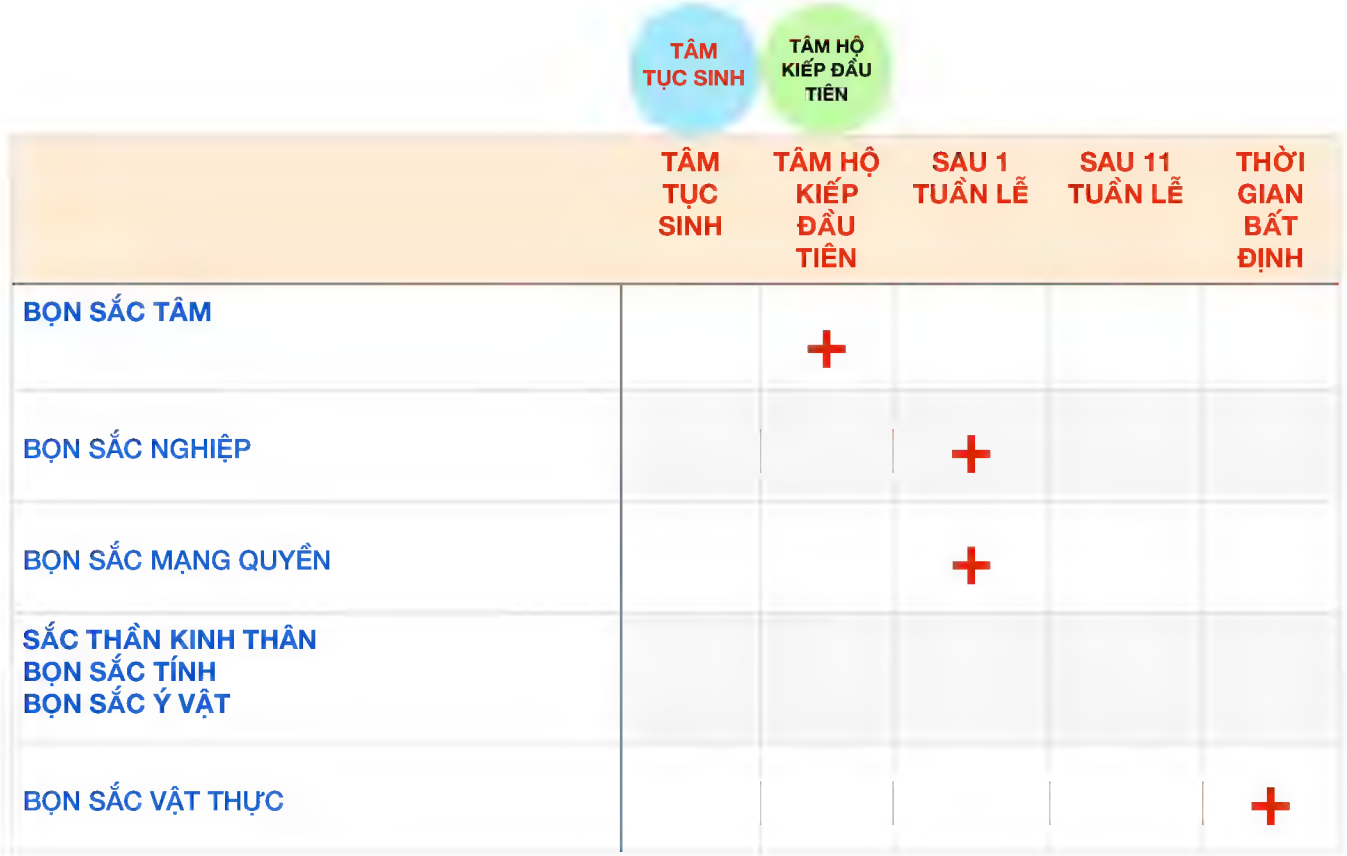

	TÂM TỤC SINH	TÂM HỘ KIẾP ĐẦU TIÊN	SAU 1 TUẦN LỄ	SAU 11 TUẦN LỄ	THỜI GIAN BẤT ĐỊNH
BỌN SẮC TÂM		+			
BỌN SẮC NGHIỆP			+		
BỌN SẮC MẠNG QUYỀN			+		
SẮC THẦN KINH THÂN BỌN SẮC TÍNH BỌN SẮC Ý VẬT					
BỌN SẮC VẬT THỰC					+

b. **Đối với hóa sanh và thấp sanh.**

Sắc pháp thời bình nhật của hóa sanh và thấp sanh xuất hiện lúc tục sinh đã gần đủ về sắc nghiệp, sắc âm dương còn sắc tâm thì trễ hơn 1 sát na, sắc vật thực thì khi có sự hấp thu vật thực ngoại thì sẽ xuất hiện.

3. Thời tử:

a. Đối với cơ thể của loài thai sanh và noãn sanh:

Kể từ sát na thứ 17 trước khi khởi lên tâm tử sắc nghiệp bắt đầu ngưng phát triển và giảm bình số dần dần cho đến khi tâm tử diệt mất thì sắc nghiệp cũng đồng thời diệt mất. Sắc âm dương ảnh hưởng sắc nghiệp cũng theo tình trạng đó.

Trong thời cận tử bọn sắc tâm và bọn sắc vật thực vẫn không suy giảm, chúng chỉ giảm khi tâm tử đã diệt và tự chấm dứt

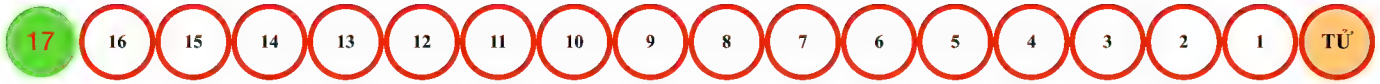

THỜI TỬ ĐỐI VỚI LOÀI THAI SANH VÀ NOÃN SANH

	17 SÁT NA TRƯỚC KHI KHỞI LÊN TÂM TỬ	TÂM TỬ	TÂM TỬ ĐÃ DIỆT
SẮC NGHIỆP	↘	DIỆT MẤT	
SẮC ÂM DƯƠNG	↘	DIỆT MẤT	
SẮC TÂM			GIẢM VÀ TỰ CHẤM DỨT
SẮC VẬT THỰC			GIẢM VÀ TỰ CHẤM DỨT

b. **Đối với loài hóa sanh thấp sanh**.

Loài thấp sanh vẫn là sắc thô nên giống như loài thai sanh và noãn sanh.

Loài hóa sanh giống như ngọn đèn tắt không có dấu hiệu suy giảm của sắc pháp trước đó.

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới hữu tưởng** (tự xem tài liệu)

❖ **Sắc pháp diễn tiến trong cõi sắc giới vô tưởng.**

Phạm thiên cõi vô tưởng khi tục sinh chỉ có 1 bọn sắc nghiệp là bọn mạng quyền
Bình nhật ở cõi vô tưởng cũng chỉ có sắc nghiệp và sắc âm dương.
Thời tử ở cõi sắc giới cũng không có hiện tượng diệt giảm chỉ là tự nhiên biến mất.

❖ **Lộ sắc ở cõi vô sắc: không có**

CHƯƠNG VII
(BÀI 50)

BỘ SONG ĐỐI

I. Định nghĩa:

Bộ thứ 6 tạng vi diệu pháp là bộ song đối (yamaka)

Bộ song đối đề cập đến:

- căn song,
- uẩn song,
- xứ song,
- giới song,
- đế song,
- hành song,
- tuỳ miên song,
- tâm song,
- pháp song,
- quyền song.

==***==

Hết bài số 50
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19 Ngày 23/04/2020 (01/04ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG VIII
(BÀI 51)

CĂN SONG

Phần căn song đề cập đến 4 chương đó là: chương thiện, chương bất thiện, chương vô ký, chương danh.

I. **CHƯƠNG THIỆN**: đề cập đến các căn thiện và những pháp thiện

Căn thiện chỉ có 3: căn vô tham, căn vô sân, căn vô si.

Pháp thiện là: 8 tâm thiện dục giới, 5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 20 tâm thiện siêu thế, 13 sở hữu tợ tha, 25 sở hữu tịnh hảo.

<u>Câu 1</u>.

a. Pháp nào là thiện thì pháp ấy điều là căn thiện phải chăng?

Căn thiện chỉ có 3 (vô tham, vô sân, vô si),

Những pháp thiện ngoài ra gồm: 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện sắc giới, 4 tâm thiện vô sắc giới, 20 tâm thiện siêu thế (20 tâm đạo), 13 sở hữu tợ tha, 22 sở hữu tịnh hảo (trừ vô tham, vô sân, trí tuệ) là pháp thiện mà phi căn thiện.

b. Hay là những căn thiện là pháp thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 2.

a. Pháp nào là thiện đều có nương căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là pháp thiện phải chăng? Sắc tâm thiện nương căn đồng nhau với căn thiện mà là phi thiện (không phải là căn thiện mà là vô ký). Còn pháp thiện nương căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 3.

a. Pháp nào có nương căn đồng căn với căn thiện đều gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng? Căn nào đồng sanh với căn thiện những căn thiện ấy có nương căn đồng nhau cũng phải và căn hỗ tương cũng phải. Còn những pháp đồng sanh ngoài ra căn thiện có nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn hỗ tương (là các tâm thiện và những sở hữu thiện trừ vô tham, vô sân, vô si và sắc tâm thiện)

b. Pháp nào gọi là căn hỗ tương với căn thiện đều là pháp thiện phải không? Phải rồi.

Câu 4:

a. Mỗi pháp nào là thiện những pháp ấy đều gọi căn là căn thiện phải chăng? Căn thiện chỉ có 3 còn những pháp thiện ngoài ra phi căn thiện.

b. Hay là pháp nào gọi căn là căn thiện, những pháp ấy điều là thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 5:

a. Mỗi pháp nào là thiện, những pháp ấy có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Sắc do tâm thiện tạo có nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện. Còn các pháp thiện có nương căn gọi đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 6:

a. Mỗi pháp nào có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng? Căn nào đồng sanh với căn thiện có căn gọi căn đồng nhau cũng phải và gọi căn hỗ tương cũng phải. Còn những pháp đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn gọi căn hỗ tương.

b. Hay là pháp nào gọi căn là căn hỗ tương với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Phải rồi.

Câu 7:

a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn thiện phải chăng? Phải rồi.

Ví dụ: những người ở Thiền Viện Phước Sơn đều có nương nhờ trụ trì phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn thiện, những pháp ấy đều là thiện phải chăng? Sắc do tâm thiện tạo có nương căn thiện

mà phi thiện. Còn pháp thiện có nương căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Ví dụ: những người nương trụ trì Thiền Viện Phước Sơn là nhà sư phải chăng? Những người cư sĩ phật tử có nương trụ trì Phước Sơn mà không phải nhà sư. Còn những nhà sư có nương trụ trì Phước Sơn cũng phải và nhà sư cũng phải.

Câu 8:

a. Mỗi pháp nào là thiện những pháp ấy có nương căn đồng nhau với căn thiện phải chăng? Phải rồi.

b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn đồng nhau với căn thiện nhưng phi thiện.

- Còn pháp thiện có nương căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và thiện cũng phải.

Câu 9:

a. Mỗi pháp nào có nương căn đồng nhau với căn thiện đều là căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn thiện gọi căn đồng nhau cũng phải và căn hỗ tương cũng phải.
- Còn những pháp nào đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó nương căn đồng nhau với căn thiện mà phi căn hỗ tương.

b. Hay pháp nào gọi căn hỗ tương với căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 10:

a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn gọi căn thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

b. Hay là pháp nào nương căn gọi căn thiện những pháp ấy đều là thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn là căn thiện mà phi thiện.
- Còn những pháp thiện có nương căn là căn thiện cũng phải và pháp thiện cũng phải.

Câu 11:

a. Mỗi pháp nào là thiện đều có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

b. Hay là pháp nào nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện đều là pháp thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm thiện tạo có nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện mà phi thiện.
- Còn pháp thiện nương căn gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và pháp thiện cũng phải.

Câu 12:

a. Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng nhau với căn thiện đều là căn gọi căn hỗ tương với căn thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn thiện gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải và căn hỗ tương cũng phải.
- Còn những pháp đồng sanh với căn thiện mà ngoài ra đó có căn gọi căn đồng nhau với căn thiện cũng phải mà phi căn gọi căn hỗ tương.

b. Hay là pháp nào gọi căn là căn hỗ tương với căn thiện đều là pháp thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

II. CHƯƠNG BẤT THIỆN

Câu 13:

a. Mỗi pháp nào là bất thiện đều gọi căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn bất thiện chỉ có 3 (tham, sân, si)
- Còn những pháp bất thiện ngoài ra đó thì gọi là phi căn bất thiện.

b. Hay pháp nào gọi là căn bất thiện đều là pháp bất thiện phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 14:

a. Mỗi pháp nào là bất thiện đều có nương căn đồng nhau với căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Bất thiện vô nhân (sở hữu si trong tâm si) không có căn đồng nhau với căn bất thiện.
- Bất thiện hữu nhân (sở hữu tham có căn si, sở hữu si có căn tham) mới có căn đồng nhau với căn bất thiện.

Ghi chú: những pháp bất thiện khác ngoài sở hữu si trong tâm si có nương căn đồng nhau với căn bất thiện

b. Hay là pháp nào nương căn đồng nhau với căn bất thiện những pháp ấy đều là bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do tâm bất thiện tạo có nương căn đồng với căn bất thiện nhưng phi bất thiện.
- Còn các pháp bất thiện có nương căn đồng nhau với căn bất thiện cũng phải và bất thiện cũng phải.

Câu 15:

a. Mỗi pháp nào nương căn đồng nhau với căn bất thiện pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn bất thiện phải chăng?

Trả lời:

- Căn nào đồng sanh với căn bất thiện có căn đồng nhau cũng phải gọi căn hỗ tương cũng phải.
- Còn những pháp đồng sanh với căn bất thiện mà ngoài ra đó có nương căn đồng nhau với căn bất thiện những không gọi căn hỗ tương.

c. Hay là pháp nào gọi căn hỗ tương với căn bất thiện đều là pháp bất thiện phải chăng?

Trả lời: phải rồi

Câu 16:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 17:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn bất thiện những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 18:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào gọi căn là căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 19:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn bất thiện? Hay là căn nào có căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 20:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 21:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 22:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi là căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 23:

Mỗi pháp nào là bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

Câu 24:

Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn bất thiện, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn bất thiện, những căn ấy đều là pháp bất thiện?

III.CHƯƠNG VÔ KÝ

Câu 25:

a. Mỗi pháp nào là vô ký, đều gọi căn vô ký phải chăng?

Trả lời:

- Căn vô ký chỉ có 3 (vô tham, vô sân, vô si sanh lên trong tâm quả và tâm duy tác)
- Còn những pháp vô ký ngoài ra không gọi là căn vô ký (những pháp ngoài ra là: 18 tâm vô nhân, 8 tâm quả DGTH, 8 tâm duy tác dục giới tịnh hảo, 9 tâm quả đáo đại, 9 tâm duy tác đáo đại, 20 tâm quả siêu thế, 13 sở hữu tợ tha, 22 sở hữu tinh hảo (trừ vô tham, vô sân, và trí tuệ), 28 sắc pháp và niết bàn)

b. Hay là pháp nào là căn vô ký đều gọi phải vô ký phải chăng?

Trả lời: phải rồi.

Câu 26:

Mỗi pháp nào là vô ký, pháp ấy đều đồng căn với vô ký? Hay là căn nào đồng căn với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 27:

Mỗi pháp nào đồng căn với căn vô ký, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tươngvớicănvô ký? Hay là căn nào hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều gọi pháp vô ký?

Câu 28:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 29:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 30:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào là căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 31:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 32:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn đồng với căn vô ký? Hay là căn nào

có căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 33:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 34:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn vô ký? Hay là căn nào có căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 35:

Mỗi pháp nào là vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn đồng với căn vô ký? Haylà căn nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

Câu 36:

Mỗi pháp nào có căn gọi căn đồng với căn vô ký, những pháp ấy đều có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký? Hay là căn nào có căn gọi căn hỗ tương với căn vô ký, những căn ấy đều là pháp vô ký?

IV.CHƯƠNG DANH (PHÁP)

Câu 37:

a. Mỗi pháp nào là danh pháp đều gọi căn danh phải chăng?

Trả lời:

- Căn danh chỉ có 9 gồm: 3 căn bất thiện (tham, sân, si), 3 căn thiện (vô tham, vô sân, vô si), 3 căn vô ký sanh ra trong tâm quả hữu nhân và tâm duy tác hữu nhân (vô tham, vô sân, vô si).
- Còn danh pháp ngoài ra (121 tâm, 46 sở hữu tâm (52 sở hữu tâm trừ sở hữu tham, sở hữu sân, sở hữu si, sở hữu vô tham, sở hữu vô sân, sở hữu trí tuệ, 1

niết bàn vì niết bàn là danh pháp vô vi) là phi căn danh.

b. Hay là pháp nào là căn danh pháp ấy đều là danh pháp phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 38:

a. Mỗi pháp nào là danh pháp, pháp ấy đều có nương căn đồng nhau với căn danh phải chăng?

Trả lời:

- Danh pháp vô nhân không có nương căn đồng nhau với căn danh (danh pháp vô nhân là: 18 tâm vô nhân, sở hữu si trong 2 tâm si, và niết bàn).
- Còn danh pháp hữu nhân có nương căn đồng nhau với căn danh.

b. Hay là pháp nào có nương căn đồng nhau với căn danh pháp ấy đều là danh pháp phải chăng?

Trả lời:

- Sắc do danh pháp hữu nhân trợ tạo có nương căn đồng nhau với căn danh mà phi danh (sắc tâm hữu nhân, sắc nghiệp tục sinh hữu nhân)
- Còn danh pháp hữu nhân (103 tâm hữu nhân và sở hữu hợp trừ sở hữu si trong tâm si) có nương căn đồng nhau với căn danh cũng phải và danh pháp cũng phải.

Câu 39:

Mỗi pháp nào đồng căn với căn danh, những pháp ấy đều gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều gọi danh pháp?

Câu 40:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào gọi căn là căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 41:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn đồng với căn danh. Hay là căn nào gọi căn là căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 42:

Mỗi pháp nào là căn gọi căn đồng với căn danh những pháp ấy đều là căn gọi căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào gọi căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 43:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn danh? Hay là căn nào có căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 44:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 45:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều gọi căn là căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 46:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn đồng với căn danh? Hay là căn nào có căn đồng với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 47:

Mỗi pháp nào có căn đồng với căn danh, những pháp ấy đều có căn hỗ tương với căn danh? Hay là căn nào có căn hỗ tương với căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

Câu 47:

Mỗi pháp nào là danh, những pháp ấy đều có căn gọi căn danh? Hay là căn nào có căn gọi căn danh, những căn ấy đều là danh pháp?

==***==

Hết bài số 51
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 23-26/04/2020 (01-04/04ÂL-Canh tý)

CHƯƠNG IX
(BÀI 52)

UẨN SONG

I. PHẦN ĐỊNH DANH

❖ CÂU LỌC THUẬN TÙNG (10 câu)

Câu 1:

Sắc là sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Sắc ái, sắc mãn ý tức là tâm hiệp thế sở hữu hợp là sắc mà phi sắc uẩn.
- Còn 28 sắc tức sắc uẩn gọi là sắc cũng phải, gọi là sắc uẩn cũng phải.

Câu 2:

Sắc uẩn gọi là sắc phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Ghi chú: Sắc khải ái, sắc khả lạc, sắc ái, sắc mãn ý chi pháp là 81 tâm hiệp thế, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp), gôm chung lại là nơi đáng ưa thích, đáng vừa lòng làm cảnh của ái dục

Câu 3:

Thọ gọi là thọ uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 4:

Thọ uẩn gọi là thọ phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 5:

Tưởng là tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Tưởng kiến (sở hữu tà kiến) gọi là tưởng mà phi tưởng uẩn.
- Còn tưởng uẩn gọi là tưởng cũng phải gọi là tưởng uẩn cũng phải.

Câu 6:

Tưởng uẩn gọi là tưởng phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 7:

Hành (Saṅkhāra) gọi là hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Hành (Saṅkhāra) là pháp hữu vi gồm có 121 tâm, 52 sở hữu tâm, 28 sắc pháp.
- Hành uẩn: 50 sỡ hữu tâm trừ sở hữu thọ và sở hữu tưởng.
  - 121 tâm, 28 sắc pháp, sở hữu thọ, sở hữu tưởng là hành mà phi hành uẩn.
  - 50 sở hữu tâm (trừ thọ, tưởng) gọi là hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 8:

Hành uẩn gọi là hành phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 9:

Thức là thức uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 10: Thức uẩn là thức phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

❖ CÂU LỌC ĐỐI LẬP (từ câu 11 đến câu 20)

Câu 11:

Phi sắc gọi là phi sắc uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Ghi chú: Phi sắc uẩn gồm tâm siêu thế, 36 sở hữu hợp, niết bàn, chế định.

Câu 12:

Phi sắc uẩn gọi phi sắc phải chăng?

Trả lời:

- Sắc ái sắc mãn ý phi sắc uẩn mà còn gọi là sắc.
- Còn những pháp ngoài ra đó phi sắc uẩn và phi sắc.

Câu 13:

Phi thọ phi thọ uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 14:

Phi thọ uẩn là phi thọn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 15:

Phi tưởng là phi tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 16:

Phi tưởng uẩn là phi tưởng phải chăng?

Trả lời:

- Kiến tưởng là phi tưởng uẩn mà còn gọi là tưởng.
- Trừ ra kiến tưởng và tưởng uẩn các tưởng ngoài ra đó phi tưởng uẩn và phi tưởng.

Câu 17:

Phi hành là phi hành uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi.

Câu 18:

Phi hành uẩn là phi hành phải chăng?

Trả lời: Trừ ra hành và hành uẩn còn những pháp ngoài ra đó (niết bàn và chế định) là phi hành uẩn và phi hành.

Câu 19:

Phi thức là phi thức uẩn phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

Câu 20:

Phi thức uẩn là phi thức phải chăng?

Trả lời: Phải rồi

❖ CÂU LỌC – CĂN LUÂN – THUẬN TÙNG (từ câu 21 đến câu 60)

Câu 21:

Sắc là sắc uẩn phải chăng?

(Trùng với câu 1).

Câu 22:

Gọi uẩn là thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

- Thọ uẩn gọi là uẩn cũng phải gọi là thọ uẩn cũng phải.
- Còn những uẩn ngoài ra đó (sắc, tưởng, hành, thức) gọi là uẩn chớ không gọi là thọ uẩn.

Câu 23:

Sắc, sắc uẩn phải chăng? (Trùng với câu 1).

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.

Câu 24:

Uẩn, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

Câu 25:

Sắc, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn

gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.

Câu 26:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

Câu 27:

Sắc, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc ái, sắc mãn ý gọi sắc mà không gọi sắc uẩn, còn sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải.

Câu 28:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 29:

Thọ, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 30:

Uẩn, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 31:

Thọ, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 32:

Uẩn, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

Câu 33:

Thọ, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 34:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà uẩn mà không gọi hành uẩn.

Câu 35:

Thọ, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 36:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 37:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 38:

Uẩn sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 39:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 40:

Uẩn, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

Câu 41:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 42:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

Câu 43:

Tưởng, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Kiến tưởng gọi tưởng mà không gọi tưởng uẩn, còn tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải.

Câu 44:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 45:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 46:

Uẩn, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi uẩn cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 47:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 48:

Uẩn thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

Câu 49:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 50:

Uẩn, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tưởng uẩn gọi uẩn cũng phải còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

Câu 51:

Hành, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Trừ hành uẩn rồi, hành ngoài ra đó, gọi hành mà không gọi hành uẩn, còn hành uẩn gọi hành cũng phải và hành uẩn cũng phải.

Câu 52:

Uẩn, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thức uẩn gọi uẩn cũng phải và thức uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thức uẩn.

Câu 53:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 54:

Uẩn, sắc uẩn phải chăng?

Trả lời:

Sắc uẩn gọi sắc cũng phải và sắc uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi sắc uẩn.

Câu 55:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 56:

Uẩn, thọ uẩn phải chăng?

Trả lời:

Thọ uẩn gọi uẩn cũng phải và thọ uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi thọ uẩn.

Câu 57:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 58:

Uẩn, tưởng uẩn phải chăng?

Trả lời:

Tưởng uẩn gọi tưởng cũng phải và tưởng uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi tưởng uẩn.

Câu 59:

Thức, thức uẩn phải chăng?

Trả lời:

Phải rồi...

Câu 60:

Uẩn, hành uẩn phải chăng?

Trả lời:

Hành uẩn gọi uẩn cũng phải và hành uẩn cũng phải, còn những uẩn ngoài ra đó, gọi uẩn mà không gọi hành uẩn.

==***==

Hết bài số 52
HT. Bửu Chánh biên soạn
Giáo trình Vi Diệu Pháp (Abhidhamma) từ sơ cấp đến nâng cao.
Tại Thiền Viện Phước Sơn - Đồi Lá Giang
Trong mùa dịch Corona_Covid-19
Ngày 23-26/04/2020 (01-04/04ÂL-Canh tý)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **11**

(BÀI 47) **11**

LỘ TRÌNH TÂM 11

I. LỘ NGŨ MÔN 14

1. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT LỚN 14

2. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH LỚN 16

3. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH NHỎ 18

4. LỘ NGŨ MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT NHỎ 19

5. LỘ NGŨ MÔN CẬN TỬ 20

II. LỘ Ý MÔN 21

A. LỘ Ý MÔN THÔNG THƯỜNG 21

1. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT RÕ 21

2. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RÕ 24

3. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH KHÔNG RÕ 24

4. LỘ Ý MÔN BÌNH NHẬT CẢNH RẤT KHÔNG RÕ 24

5. LỘ Ý MÔN CẬN TỬ CÒN TỤC SINH 24

6. LỘ Ý MÔN NIẾT BÀN (KHÔNG CÒN TÁI SANH) 25

B. LỘ Ý MÔN ĐẶC BIỆT 26

1. LỘ ĐẮC THIỀN 26

2. LỘ ĐẮC ĐẠO 29

3. LỘ ĐẮC ĐẠO (BA ĐẠO CAO) 30

4. LỘ NHẬP THIỀN 30

5. LỘ HIỆN THÔNG 31

6. LỘ NHẬP THIỀN QUẢ 33
7. LỘ NHẬP THIỀN DIỆT 34
8. LỘ TÂM NIẾT BÀN LIÊN THIỀN 36
9. LỘ TRÌNH TÂM NIẾT BÀN LIÊN THÔNG 38
10. LỘ PHẢN KHÁN CHI THIỀN 40
11. LỘ ĐẮC ĐẠO TỘT MẠNG 41
CHƯƠNG II **43**
SƠ ĐỒ LỘ TRÌNH TÂM 43
CHƯƠNG III **78**
(BÀI 48) **78**
KHÁI NIỆM LỘ SẮC 78
CHƯƠNG IV **87**
SƠ ĐỒ 87
KHÁI NIỆM LỘ SẮC 87
CHƯƠNG V **133**
(BÀI 49) **133**
LỘ SẮC 133
CHƯƠNG VI **139**
SƠ ĐỒ LỘ SẮC 139
CHƯƠNG VII **148**
(BÀI 50) **148**
BỘ SONG ĐỐI 148
CHƯƠNG VIII **150**
(BÀI 51) **150**
CĂN SONG 150

CHƯƠNG IX **174**
(BÀI 52) **174**
UẨN SONG 174

HẾT TẬP V